TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

# Tài liệu hướng dẫn sử dụng

# PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN THEO NGHỊ ĐỊNH 70

PHẦN MỀM QUẢN LÝ HỆ THỐNG CỬA HÀNG XĂNG DẦU

HÀ NỘI, 06/2025

# BẢN GHI NHẬN THAY ĐỔI

*T - Thêm mới S - Sửa đổi X – Xoá

| Ngày thay đổi | Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi | Lý do | T* S X | Mô tả thay đổi | Phiên bản mới |
|---|---|---|---|---|---|
| 09/05/2025 | | Thêm mới | *T | Thêm mới | 1.0 |
| 09/06/2025 | 5.5 | Bổ sung | S | Thay thế hóa đơn NMKLHD bằng hóa đơn NMCLHD | 1.04 |
| 09/06/2025 | 5.6 | Bổ sung | S | Thay thế hóa đơn NMKLHD bằng hóa đơn NMKLHD có giá trị =0 | 1.04 |
| 09/06/2025 | 5.2 | Bổ sung | S | Thay thế hóa đơn NMCLHD bằng hóa đơn NMCLHD có giá trị =0 | 1.04 |
| 09/06/2025 | 5.6.2 | Bổ sung | S | Thay thế hàng loạt hóa đơn NMKLHD về 0 | 1.04 |
| 08/07/2025 | 4 | Bổ sung | S | Phân loại log cho vãng lai và công nợ | 1.06 |
| 08/07/2025 | 5.11 | Bổ sung | S | Xử lý hóa đơn thuế từ chối | 1.06 |
| 08/07/2025 | 6 | Bổ sung | S | Điều chỉnh QHNS tại INVC | 1.06 |
| 08/08/2025 | 5.1 | Bổ sung | S | Biên bản thay thế hóa đơn tự động xác định lý do thay thế | 1.07 |
| 08/08/2025 | 5.7 | Bổ sung | S | Xử lý hóa đơn NMKLHD trong trường hợp sai giá bán | 1.07 |
| 20/08/2025 | 5.11 | Bổ sung | S | Xử lý hóa đơn thay thế bị thuế từ chối | 1.08 |
| 20/08/2025 | 5.9 | Bổ sung | S | Bổ sung chức năng chuyển Tcode cho hóa đơn NMCLHD | 1.08 |
| 20/08/2025 | 5.3 | Bổ sung | S | Thay thế hóa đơn NMCLHD bằng Log bơm của hóa đơn NMKLHD (đảo log bơm của NMCLHD với log bơm của NMKLHD) | 1.08 |
| 13/10/2025 | 1.4.7 | Bổ sung | S | Cho phép phát hành hóa đơn có ngày hóa đơn là ngày quá khứ cách ngày hiện tại theo tham số quy định | 13/10/2025 |
| 31/10/2025 | 6.3 | Bổ sung | S | Tab Hóa đơn: Thêm mới trường "Mã QHNS" | 1.09 |

| Ngày thay đổi | Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi | Lý do | T*<br>S<br>X | Mô tả thay đổi | Phiên bản mới |
|---|---|---|---|---|---|
| 31/10/2025 | 5.10 | Bổ sung | S | Điều chỉnh hóa đơn INVC:<br>- Bổ sung trạng thái thuế vào điều kiện, kết quả tìm kiếm<br>- Kiểm soát điều kiện tích chọn điều chỉnh:<br>+ Hóa đơn được thuế chấp nhận<br>+ Hóa đơn chưa bị thay thế | 1.09 |
| 10/11/2025 | 3.1<br>3.3 | Bổ sung | S | Không cho đóng ca nếu:<br>- Nếu trong ca có 493 chưa hạch toán 494<br>- Nếu trong ca lượng 493 khác 494 (lượng làm tròn 3 số thập phân) | 1.10 |
| 20/11/2025 | 8.2.4 | Bổ sung | S | Báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn | 1.10 |
| 27/11/2025 | 8.2.4 | Bổ sung | S | Không cho đóng ca áp dụng với mỗi mặt hàng bán qua cột bơm nếu:<br>- Giá trị tuyệt đối của (Số lượng giao nhận – Số đã xuất trong ca) > 0.020 | 1.10 |
| 25/12/2025 | 3.5 | Bổ sung | S | Chặn phát hành hóa đơn NMKLHĐ khi Chênh lệch hàng hóa > Tổng (Chênh lệch vòi bơm)<br>Tạo log Chênh lệch khi Chênh lệch hàng hóa = Tổng (Chênh lệch vòi bơm) | 1.11 |
| 25/12/2025 | 3.1.5 | Sửa đổi | S | Chức năng Cập nhật trạng thái hóa đơn NMKLHĐ và xử lý lỗi hóa đơn NMKLHĐ tự động trên server | 1.11 |
| 07/01/2026 | 8.2.5 | Sửa đổi | S | Báo cáo xử lý sự cố hóa đơn: Bổ sung lỗi thay thế | 1.12 |
| 07/01/2026 | 5 | Sửa đổi | S | "Xuất hóa đơn thay thế/ điều chỉnh" thành "Xuất hóa đơn thay thế"" | 1.12 |
| 07/01/2026 | 5.5<br>5.7 | Sửa đổi | S | Tính lại giá trước thuế cho các trường hợp thay thế NMKLHD | 1.12 |
| 07/01/2026 | 5.5 | Sửa đổi | S | Thay thế NMKLHD bằng NMCLHD:<br>- Thay thế trực tiếp | 1.12 |

| Ngày thay đổi | Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi | Lý do | T*<br>S<br>X | Mô tả thay đổi | Phiên bản mới |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | - Thay thế gián tiếp | |
| 09/01/2026 | 3.3 | Sửa đổi | S | Mặc định số tiền các tài khoản = 0 nếu 494 chỉ có hình thức thành toán KTM và tạo được 494 | 1.12 |
| 21/01/2026 | 8.2.4 | Sửa đổi | S | Không cho đóng ca áp dụng với mỗi mặt hàng bán qua cột bơm nếu:<br>- Giá trị tuyệt đối của (Số lượng giao nhận – Số đã xuất trong ca) > 0.020, riêng trạm dịch vụ xe tải mức này là 0.05<br>- Bổ sung thêm trường mới trên báo cáo: Số HĐVL - chưa có trạng thái E-Invoice và số HĐVL - CQT chưa chấp nhận | 1.12 |
| 11/03/2026 | 8.2.4 | Bổ sung | S | Báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn<br>-Link đến các báo cáo, bảng kê có số liệu liên quan<br>- Link đến các chức năng xử lý xử lý lỗi | 1.12 |
| 11/03/2026 | 8.2.6 | Bổ sung | T | Bổ sung báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn theo ca:<br>-Link đến các báo cáo, bảng kê có số liệu liên quan<br>- Link đến các chức năng xử lý xử lý lỗi | 1.12 |
| 11/03/2026 | 8.2.7 | Bổ sung | T | Bổ sung báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn theo CHXD:<br>-Link đến các báo cáo, bảng kê có số liệu liên quan<br>- Link đến các chức năng xử lý xử lý lỗi | 1.12 |

| Ngày thay đổi | Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi | Lý do | T*<br>S<br>X | Mô tả thay đổi | Phiên bản mới |
|---|---|---|---|---|---|
| 16/03/2026 | 3.3 | Sửa đổi | S | Chặn xuất âm khi lập chứng từ hạch toán NMKLHĐ cuối ca 494 theo từng mặt hàng | 1.12 |
| 04/02/2026 | 3.3.3 | Sửa đổi | S | Tự động lấy tổng tiền QRcode tĩnh vào tab “ca thu tiền” chứng từ 494 | 1.12 |
| 14/04/2026 | 1.4.11 | Sửa đổi | S | Định dạng giá trị điền Emaill | 1.14 |
| 21/04/2026 | 1.4.5 | Sửa đổi | S | Chặn không cho "Đóng ca" nếu tồn tại Log bơm đang được phân loại | 1.14 |
| 30/05/2026 | 5.2.5 | Sửa đổi | S | Bổ sung biên bản thay thế hóa đơn = 0 cho hóa đơn Chiết khấu thương mại CK1/CK2 | 1.15 |

# MỤC LỤC

1 TỔNG QUAN ..... 8
1.1 Mục đích ..... 8
1.2 Các thuật ngữ viết tắt ..... 8
1.3 Nghiệp vụ thay đổi tại hệ thống ..... 8
1.4 Các nội dung chính chỉnh sửa trên phần mềm ..... 9
2 DANH MỤC TỪ ĐIỂN ..... 16
2.1 Quản lý tham số cấu hình ..... 16
2.2 Tham số định nghĩa phát hành hóa đơn ..... 16
2.3 Quản lý Tcode hóa đơn thay thế ..... 17
3 HÓA ĐƠN KHÁCH HÀNG VÃNG LAI ..... 18
3.1 Phát hành hóa đơn người mua không lấy hóa đơn lô - 493 ..... 18
3.2 Xử lý sự cố hóa đơn NMKLHD gửi lô ..... 24
3.3 Người mua không lấy hóa đơn (NMKLHĐ) - 494 ..... 26
3.4 Hóa đơn xử lý sự cố - 495 ..... 28
3.5 Chặn phát hành hóa đơn NMKLHĐ và tạo log chênh lệch ..... 30
4 NGHIỆP VỤ PHÂN LOẠI LOG ..... 32
4.1 Quy tắc chung ..... 32
4.2 Hướng dẫn chi tiết ..... 33
5 XỬ LÝ HÓA ĐƠN CÓ SAI SÓT ..... 35
5.1 Quyền xử lý hóa đơn sai sót ..... 35
5.2 Thay thế hóa đơn NMCLHD ..... 37
5.3 Thay thế hóa đơn NMKLHD ..... 53
5.4 Xử lý sự cố thay thế hóa đơn ..... 59
5.5 Chuyển đổi hạch toán (Chuyển đổi Tcode) cho hóa đơn ..... 60
5.6 Điều chỉnh hóa đơn (INVC) ..... 61
5.7 Xử lý hóa đơn bị thuế từ chối ..... 63
6 PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN CHO KHÁCH HÀNG CÓ MÃ QUAN HỆ NGÂN SÁCH ..... 67
6.1 Mục đích ..... 67
6.2 Đường dẫn ..... 67
6.3 Hướng dẫn chi tiết ..... 67

7 CHỨC NĂNG TÍCH HỢP DỮ LIỆU TỰ ĐỘNG.....69
7.1 Xác nhận trạng thái dữ liệu để kiểm soát tích hợp.....69
7.2 Đồng bộ dữ liệu tự động sang HTTG để tích hợp SAP .....73
7.3 Gửi mail cảnh báo trạng thái tích hợp tự động .....74
7.4 Kiểm soát thay đổi dữ liệu sau tích hợp.....75
7.5 Báo cáo kiểm soát dữ liệu tích hợp .....76
8 BÁO CÁO .....77
8.1 Báo cáo trong ca bán hàng .....77
8.2 Báo cáo cửa hàng/ VPCTy .....79

# 1 TỔNG QUAN

## 1.1 Mục đích

Tài liệu được xây dựng với mục đích hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý cửa hàng EGAS thực hiện các nghiệp vụ theo nghị định 70 tại các cửa hàng xăng dầu trực thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam.

## 1.2 Các thuật ngữ viết tắt

| STT | Thuật ngữ/ Từ viết tắt | Diễn giải |
|---|---|---|
| 1. | Petrolimex, PLX | Tập đoàn xăng dầu Việt Nam |
| 2. | PIACOM | Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex |
| 3. | EGAS | Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu |
| 4. | SAP | Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP của Petrolimex |
| 5. | VPCTY | Khối văn phòng quản lý cửa hàng trực thuộc |
| 6. | CHXD | Cửa hàng xăng dầu |
| 7. | CTXD | Công ty xăng dầu |
| 8. | CNXD | Chi nhánh xăng dầu |
| 9. | NSD | Người sử dụng |
| 10. | KVL | Khách vãng lai |
| 11. | (*) | Dấu (*) đi kèm với tên trường nghĩa là bắt buộc nhập liệu |
| 12. | EGAS Center | EGAS trung tâm |
| 13. | EGAS Client | EGAS được cài đặt tại các CHXD |
| 14. | CQT/TCT | Cơ quan thuế/ Tổng Cục thuế |
| 15. | HDDT | Hóa đơn điện tử |
| 16. | HDTT | Hóa đơn truyền thống |
| 17. | GTGT | Giá trị gia tăng |
| 18. | NMKLHD | Người mua không lấy hóa đơn |
| 19. | NMCLHD | Người mua có lấy hóa đơn |

## 1.3 Nghiệp vụ thay đổi tại hệ thống

- Thêm các nghiệp vụ tại hệ thống EGAS:
  - Hóa đơn cho người mua không lấy hóa đơn - NMKLHD

- Xử lý hóa đơn có sai sót: Thay thế hóa đơn hóa đơn

- Tích hợp dữ liệu lên SAP tự động trước 6h sáng hàng ngày sau khi môi trường Center nhận đủ dữ liệu đồng bộ từ Client. Gửi mail các trường hợp chưa hoàn thành tích hợp
- Quy trình kiểm soát xác nhận dữ liệu từ ca đến khi tích hợp xong lên SAP

## 1.4 Các nội dung chính chỉnh sửa trên phần mềm

#### 1.4.1.1 Quản lý tham số, danh mục

- Thêm mới các tham số sau:
  - Tham số thời gian tối đa log bơm được sử dụng phát hành hóa đơn (dự kiến 20 phút). Các log có mục đích sử dụng khác chưa gắn chứng từ (xuất khác,..) cần thực hiện xác nhận nghiệp vụ bằng cách phân loại log trong khoảng thời gian tham số này qui định
  - Tham số lựa chọn khi tích hợp SAP mỗi đơn vị để tích hợp tự động SAP. Định nghĩa tham số lựa chọn khi tích hợp SAP mức CC (1 = Chi tiết mã khách dịch vụ; 2= Gộp mã khách nhóm vãng lai và cá nhân; 3= Gộp mã khách dịch vụ).
- Các Tcode hóa đơn thay thế điều chỉnh:
  - Định nghĩa nguyên tắc hóa đơn thay thế/ điều chỉnh bởi những hóa đơn tương ứng nào.

### 1.4.2 Phát hành hóa đơn cho Người mua không lấy hóa đơn(NMKLHD)

- Nguyên tắc:
  - Không lập "Bảng kê bán hàng" như hiện nay mà xuất hóa đơn (gọi là hóa đơn khách vãng lai) trên cơ sở các log bơm người mua không lấy hóa đơn tương tự như hóa đơn đầy đủ hiện tại.
  - Thực hiện ký số, cấp ký hiệu và cấp số cho từng hóa đơn
  - Truyền nhận trực tiếp lên cơ quan Thuế
  - Không nhất thiết phải có các chỉ tiêu: Tên, địa chỉ, MST của người mua, chữ ký số của người mua
- Cách thức:
  - Thực hiện khai báo dải ký hiệu hóa đơn riêng (ký hiệu chung VL)

### 1.4.3 Trong ca bán hàng:

- Giảm thời gian xuất hóa đơn cho người mua có lấy hóa đơn từ 30 phút xuống 20 phút
- Sau 20 phút các log không được lựa chọn để phát hành hóa đơn sẽ tự động gửi sang EINV để xác đinh là hóa đơn của cá nhân không kinh doanh, thực hiện ký số và truyền trực tiếp hóa đơn lên cơ quan thuế
- CHXD cần thao tác với các log bơm trong khoảng thời gian qui định lập chứng từ phát hành hóa đơn cho khách hàng theo yêu cầu
- Phân loại các log cần sử dụng: Các log không bán hàng như ao lường, thử máy,…cần thực hiện xác nhận nghiệp vụ trong 20 phút. Lưu ý về thời gian và số log tối đa cho phép

### 1.4.4 Cuối ca bán hàng:

- Lập các chứng từ hóa đơn với các log bơm đã phân loại trong ca
- Kiểm tra và phát hành hóa đơn NMKLHD tất cả các log còn lại bằng hình thức thủ công nếu cần
- Lập chứng từ 494 cho các hóa đơn NMKLHD đã được khởi tạo
- Đối soát chênh lệch: Lượng chốt trên cột bơm và lượng log bán đã thu nhận
- Kiểm soát truyền nhận hóa đơn cho NMKLHD với hệ thống EINV

### 1.4.5 Kết thúc Ca bán hàng:

  - Thực hiện đối soát hóa đơn bao gồm cả hóa đơn NMKLHD
  - Kiểm soát lỗi ký số, lỗi truyền nhận hóa đơn lên cơ quan thuế(từ chối hóa đơn)
- Tại màn hình Uhome (tab Log bơm), có chức năng để NSD chủ động xuất hóa đơn vào cuối ca hoặc bất kỳ thời điểm nào khi có nhu cầu đối với các log bơm loại này
- Thêm mới chứng từ 494:
  - Mục đích: Là chứng từ đại diện hạch toán và lên các báo cáo của EGAS cho các hóa đơn NMKLHD
  - Kiểm tra tất cả các log của AGAS đã được lấy về EGAS và đã được gắn chứng từ mới cho lập 494

- Tại chức năng ""Đóng ca":
  - Hệ thống kiểm tra các Log bơm cửa ca bán hàng trong bảng phân loại Log bơm theo thứ tự sau:
    - Trường hợp không có log bơm được phân loại: Hệ thống thực hiện đóng ca bình thường
    - Trường hợp còn tồn tại giao dịch chưa xuất hóa đơn tại Tab Log bơm: Hệ thống không cho phép đóng ca và hiển thị thông báo " Còn <số giao dịch> chưa xuất hóa đơn tại Tab Log bơm. Không đóng được ca, đề nghị kiểm tra lại! "

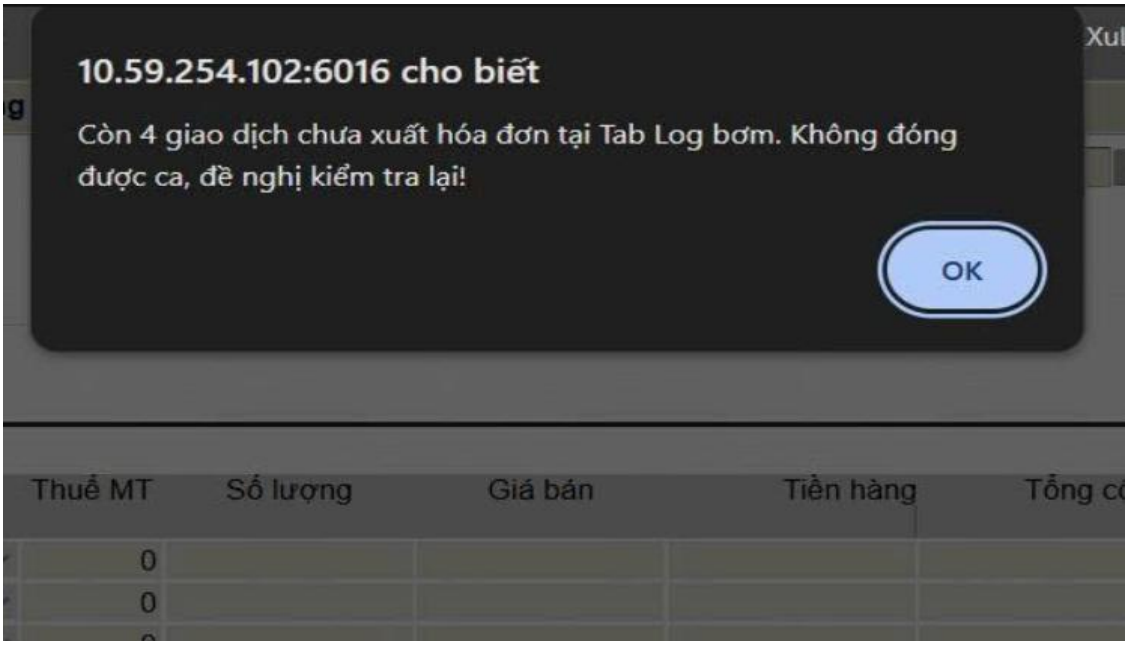


  - Phương án xử lý :Tại tab "Log bơm", kiểm tra các log đã được phân loại của ca bán hàng và xuất hóa đơn hết cho các log

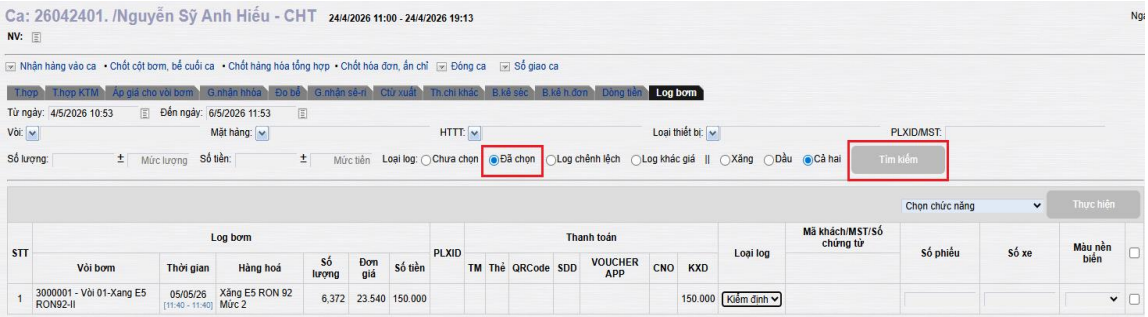


### 1.4.6 Xử lý hóa đơn có sai sót

- Sai thông tin hóa đơn:
  - Tên, địa chỉ khách hàng: Lập mẫu 04SS gửi cơ quan thuế
  - MST: Phát hành hóa đơn điều chỉnh MST (Tcode INVC)

- Sai thông tin khác:
  - Thay thế hóa đơn: Nếu ngày cần xử lý trong cùng ngày đã lập hóa đơn
  - Điều chỉnh hóa đơn: Nếu hóa đơn không thỏa mãn điều kiện thay thế(ưu tiên thay thế trước điều chỉnh)
- Cách thức:
  - Cửa hàng nhập yêu cầu thay thế/ điều chỉnh hóa đơn(Tcode YC1) và được CTY/ TĐ phê duyệt trước khi làm thay thế/ điều chỉnh
  - Thay thế: Ngày hóa đơn = Ngày hóa đơn gốc/ hoặc thời điểm bắt đầu của log bơm (nếu là hóa đơn thay thế có gắn log bơm)
  - Điều chỉnh: Ngày hóa đơn = Thời điểm lập hóa đơn điều chỉnh
  - Hóa đơn thay thế/ điều chỉnh được ghi nhận tại ca bán hàng của hóa đơn sai sót
  - Chỉ được thay thế/ điều chỉnh hóa đơn khi hóa đơn chưa phát sinh các chứng từ liên quan
  - 1 hóa đơn chỉ được áp dụng 1 hình thức xử lý thay thế/ điều chỉnh

### 1.4.7 Bổ sung đối tượng khách hàng là đơn vị có quan hệ ngân sách

- Trường hợp người mua là đơn vị có quan hệ ngân sách thì tên, địa chỉ, mã số đơn vị có quan hệ ngân sách thể hiện trên hóa đơn phải ghi mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách được cấp
- Thực hiện: Trường hợp khách hàng là Đơn vị có QHNS thì chỉ tiêu “mã số thuế người mua” trên hóa đơn là mã QHNS được cấp (trừ trường hợp cơ quan quản lý yêu cầu tách riêng trường thông tin này trên hóa đơn)
- Chỉnh sửa tab “Người nhận” của các Tcode hóa đơn:
  - Đối tượng bao gồm các giá trị “Doanh nghiệp”, ‘Tổ chức HCSN”, “Đơn vị có QHNS”, “Cá nhân”
  - Các đối tượng “Doanh nghiệp”, “Tổ chức HCSN”, “Cá nhân” giữ nguyên logic kiểm tra MST và BSX như hiện tại
  - Bổ sung đối tượng “Đơn vị có QHNS” (Số thứ tự trên đối tượng Cá nhân), trong đó logic sau:
    - Số xe: Bắt buộc nhập giá trị

### 1.4.8 Xuất hóa đơn khách sử dung CCCD làm MST

Thực hiện xuất hóa đơn cho khách hàng sử dụng mã CCCD làm MST, cụ thể như sau:

- Cho phép nhập mã CCCD 12 ký tự số vào trường MST tại tab hóa đơn trên chứng từ và tab log bơm
- Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp, Tổ chức HCSN, Cá nhân. Đối với Đơn vị có mã QHNS trường MST chỉ cho phép nhập 7 ký tự.
- Đối với Khách hàng công nợ: Khai báo mã CCCD vào trường MST trong danh mục Khách hàng tại CC và MD (theo đường dẫn Hệ thống/ Dm công ty/ Danh mục khách hàng công ty)

### 1.4.9 Tích hợp dữ liệu với SAP

- Tích hợp dữ liệu tự động:
  - Bước 1: Cuối ca/ cuối ngày, ca/ CHXD tổng hợp dữ liệu gửi lên Egas Center (bao gồm dữ liệu ca bán hàng và ngoài ca bán hàng). Người dùng có thể gửi nhiều lần
  - Bước 2: Định kỳ hàng ngày (từ 01-06h), hệ thống tự đông so sánh dữ liệu tại Center với dữ liệu Tổng hợp của từng CHXD nếu:
    - Dữ liệu đủ → Hệ thống tự động tích hợp dữ liệu sang Hệ thống trung gian của SAP
    - Nếu dữ liệu chưa đủ hoặc trong trường hợp ca/CHXD chưa gửi dữ liệu tổng hợp → Hệ thống ghi nhận để gửi mail sau này

  **<u>Lưu ý:</u>** *Nếu SAP đã lấy số liệu thì khi có thay đổi dữ liệu cần thực hiện tích hợp thủ công*

  - Bước 3: Định kỳ (6h30), với các cửa hàng chưa được tích hợp hệ thống sẽ gửi mail cho các nhân sự quản lý liên quan
  - Người quản lý dữ liệu luôn nhận được mail thông báo tình hình dữ liệu ca bán hàng kịp thời nhất cho đến khi tích hợp thành công lên SAP
- Tích hợp dữ liệu tự động thủ công(hiện nay): Sử dụng trong trường hợp cần tích hợp lại số liệu hoặc quá thời gian tích hợp

### 1.4.10 Ngày chứng từ, ngày hóa đơn

- Thực hiện tạo ngày chứng từ, ngày hóa đơn theo logic sau:

- Mặc định Ngày hóa đơn = Ngày chứng từ. Ngày chứng từ áp dụng như hiện nay (nếu thừa kế từ log thì lấy thời gian bắt đầu bơm)
- Ngày hóa đơn và Ngày chứng từ <= SysDate (ngày giờ hệ thống khi thực hiện tạo chứng từ)
- Cho phép User sửa Ngày hóa đơn
- Ngày hóa đơn >= Ngày chứng từ. Đặt tham số quy định số ngày quá khứ tối đa được phép quá ngày hiện tại tại 02 mức MD và CC
    - Nếu khai báo cả 2 mức, lấy giá trị min (MD, CC)
    - Nếu khai báo 1 mức thì lấy mức được khai báo: CC áp dụng cho chính CC đó, MD áp dụng cho full CC
    - Không khai báo cả 2 mức thì mặc định 1 ngày (thì sẽ như hiện nay)
- Phạm vi áp dụng: tất cả các Tcode hóa đơn

### 1.4.11 Nguyên tắc, điền định dạng giá trị Email

- Email hợp lệ :
    - Email hợp lệ (ví dụ: abc@gmail.com, abc@sub.domain.com, abc+cdx@gmail.com)
    - Số lượng ký tự tối đa = 500 (theo tài liệu mô tả của VNPT)
    - Không chứa khoảng trắng (space) ở bất kỳ đâu trong email.
    - Không có ký tự/ dấu tiếng việt (Ví dụ: ký tự ô, ơ,đ,….; Dấu sắc, huyền,….)
    - Không có các ký tự đặc biệt (ví dụ: #,*,&,..)
    - Định dạng bắt buộc với mỗi Email: **[Phần cục bộ]@[Tên miền]**
        - Ký tự @: Bắt buộc phải có đúng một ký tự @.
    - Phần cục bộ
        - Kí tự đầu tiên và cuối cùng không được bằng dấu chấm (VD: .abc@ hoặc abc.@ là không hợp lệ)
        - Không được có hai dấu chấm nằm liền kề nhau (VD: ab..c@ là không hợp lệ)
        - Các ký tự hợp lệ
            - Chữ: a-z A-Z
            - Số: 0-9

        - Ký tự: . _ % + -
    - Phần tên miền
        - Phải chứa ít nhất một dấu chấm để phân tách các cấp tên miền
        - Tên miền không được bắt đầu hoặc kết thúc bằng dấu gạch ngang (Ví dụ: abc@-domain.com hoặc abc@domain.com- là không hợp lệ)
        - Phần đuôi cùng sau dấu chấm cuối cùng (như .com, .vn, .org) phải có độ dài tối thiểu là 2 chữ cái và chỉ chứa chữ cái
        - Các ký tự hợp lệ
            - Chữ: a-z A-Z
            - Số: 0-9
            - Ký tự: -
- Các trường hợp bị chặn theo validate email, hệ thống sẽ cảnh báo lỗi tương ứng cho người dùng :

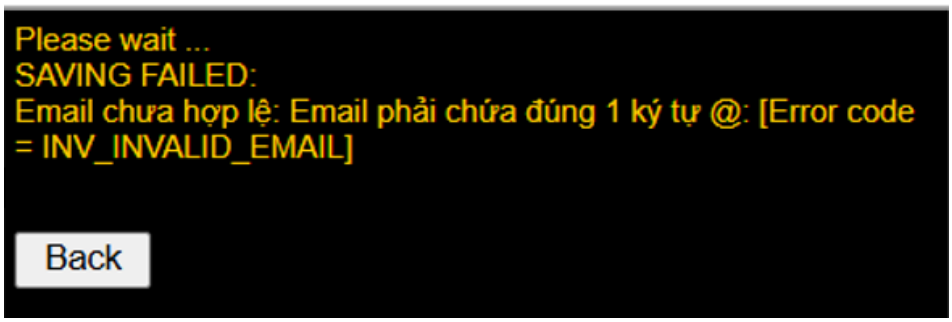

# 2 DANH MỤC TỪ ĐIỂN

## 2.1 Quản lý tham số cấu hình

**Mục đích**: Khai báo loại hình tích hợp, căn cứ để hệ thống tự động tích hợp theo giá trị khai báo

**Đối tượng sử dụng**: User văn phòng được khai báo quyền SAP01 - SAP 01 - tích hợp

**Menu**: Tích hợp\Master Data Company\Cấu hình tham số tích hợp SAP

**Cách thức khai báo:**

- Bước 1: Thêm mới

- Bước 2: Chọn 1 trong các giá trị "1=Chi tiết mã khách dịch vụ; 2=Gộp mã khách nhóm vãng lai và cá nhân; 3=Gộp mã khách dịch vụ"

- Bước 3: Lưu

## 2.2 Tham số định nghĩa phát hành hóa đơn

- Định nghĩa số lượng hóa đơn tối đa NMKLHD mức MD (=500) có trong lô gửi E-Invoice (hệ thống quản lý hóa đơn loại này theo lô)

- Định nghĩa thời gian giữ log tối đa 60 phút được phép giữ log tính từ thời điểm kết thúc bơm tại MD giới hạn chung toàn Tập đoàn
- Định nghĩa số lượng Log giữ tối đa 20 log cửa hàng được phép giữ log. Số lượng log giữ là min của(MD,CC)

## 2.3 Quản lý Tcode hóa đơn thay thế

- Định nghĩa nguyên tắc hóa đơn thay thế bởi những hóa đơn tương ứng nào
- Danh sách các Tcode được định nghĩa thay thế

| Nhóm | TT/ĐC / HĐ gốc | 401 | 406 | 416 | 411 | KM01 | KM02 | D1 | D10 | GA1 | GA2 | 493 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Thanh toán ngay | 401 | x | x | x | x | | | | | | | x |
| | 416 | | | x | x | | | | | | | x |
| | 406 | x | x | x | x | | | | | | | |
| Công nợ | 411 | x | x | x | x | | | | | | | x |
| Khuyến mai | KM01 | x | x | x | x | x | x | | | | | |
| | KM02 | x | x | x | x | x | x | | | | | x |
| Dịch vụ | D1 | | | | | | | x | x | | | |
| | D10 | | | | | | | x | x | | | |
| GAS | GA1 | | | | x | | | | | x | x | |
| | GA2 | | | | x | | | | | x | x | |
| NMKLHD | 493 | x | | x | x | | | | | | | |

# 3 HÓA ĐƠN KHÁCH HÀNG VÃNG LAI

## 3.1 Phát hành hóa đơn người mua không lấy hóa đơn lô - 493

### 3.1.1 Mục đích

Không lập "Bảng kê bán hàng" như hiện nay mà xuất hóa đơn (gọi là hóa đơn NMKLHD) trên cơ sở các log bơm người mua không lấy hóa đơn tương tự như hóa đơn đầy đủ hiện tại

### 3.1.2 Đường dẫn

Menu: Tại màn hình Uhome

- Người thực hiện: CHXD
- Quyền thực hiện: CH1 - Trưởng ca, Nghiệp vụ, CHT
- Chỉ được thực hiện chạy dữ liệu tại môi trường EGAS CLIENT

### 3.1.3 Hướng dẫn chi tiết

- Trong ca hệ thống xử lý tự động gửi E-Invoice theo lô áp dụng với các ca đang mở (tự động 30 phút hoặc thủ công) trên cơ sở các log bơm chưa sử dụng được gom theo lô để gửi nếu thời gian kết thúc bơm đã quá 20 phút (theo tham số chung) tính đến thời điểm hiện tại.
- Lô được quản lý theo mã lô có ký hiệu 493.xxx gửi đi theo thời gian thực đảm bảo hoàn tất trước khi thực hiện đóng ca bán hàng.
- Dải hóa đơn phát hành (qui ước chung là xxxVL, xxxDP) không cần khai báo tại EGAS. Thông tin trên hóa đơn là thông tin tại Tab VAT trên chứng từ 492 hiện tại
- Hóa đơn NMKLHD được ứng xử như 1 hóa đơn thông thường. Cần đối soát và có thể phát sinh các nghiệp vụ thay thế hóa đơn.
- Màn hình Uhome Tab Log bơm có chức năng để NSD chủ động xuất hóa đơn vào cuối ca hoặc bất kỳ thời điểm nào khi có nhu cầu đối với các log bơm loại này.
    - Nút "Phát hành hóa đơn NMKLHD" (phía dưới thông tin "Ngày giờ viết chưng từ ca" hiện tại), mỗi lần phát hành số lượng theo tham số được quy định tại MD

- Thông tin số lượng log còn lại sau mỗi lần NSD nhấn nút phát hành (Tương tự nút Send sẽ báo log)
- Hệ thống tự động quét hết log tại AGAS hiện có để gửi E-INVOICE

- Log bơm chưa sử dụng không bao gồm các log bơm sau:
  - Log bơm đã gắn chứng từ
  - Log bơm đã phân loại: Nghiệp vụ xuất khác, xuất hóa đơn theo lô . Log phân loại tuân thủ việc giữ log và số lượng log tối đa theo tham số qui định tại mục 2.2
- Đối với các ca đã có ca sau hoặc thời gian đóng ca đã quá 10 phút thì cờ tự động phát hành 493 không có hiệu lực nữa (để tránh ca cũ mở ra bị quét mất log). NSD muốn phát hành hóa đơn NMKLHD có thể nhấn thủ công như hiện tại
- Đối với các 493 có các lỗi (-2, 3, 13, 99 – theo sổ tay hỗ trợ vận hành) có thể được xóa. Tuy nhiên trước khi xóa thì NSD cần:
  - Thực hiện gửi lại vài lần
  - Chỉ được xóa nếu Trạng thái nhận là một trong các lỗi (-2, 3, 13, 99) và đồng thời Trạng thái xử lý là lỗi, không phải là các trạng thái (0- Chưa phát hành,1- Đang phát hành,2- Đã phát hành)

### 3.1.4 Cách thức thực hiện

***a) Phát hành hóa đơn NMKLHD – Chức năng thủ công***

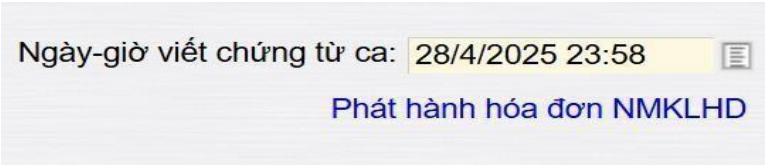


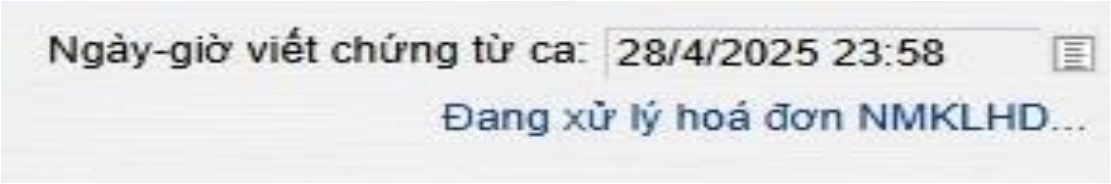

***b) Thao tác thực hiện***

- Mỗi thao tác bấm nút “Phát hành hóa đơn NMKLHD” sẽ gửi đi 1 lô

- Hệ thống thực hiện lấy các log theo nguyên tắc FIFO theo thời gian kết thúc bơm
- Mỗi lần phát hành sẽ thông báo số lượng log còn lại để NSD được biết
- Thường được sử dụng vào cuối ca bán hàng để không cần đợi chu kỳ tự động

- Với các log không giữ lại chương trình tự động gửi E-Invoice sau mỗi chu kỳ 20 phút trên cơ sở các log bơm chưa sử dụng gửi VNPT.
- Màn hình thông báo số log NMKLHD chưa được gửi tạo hóa đơn

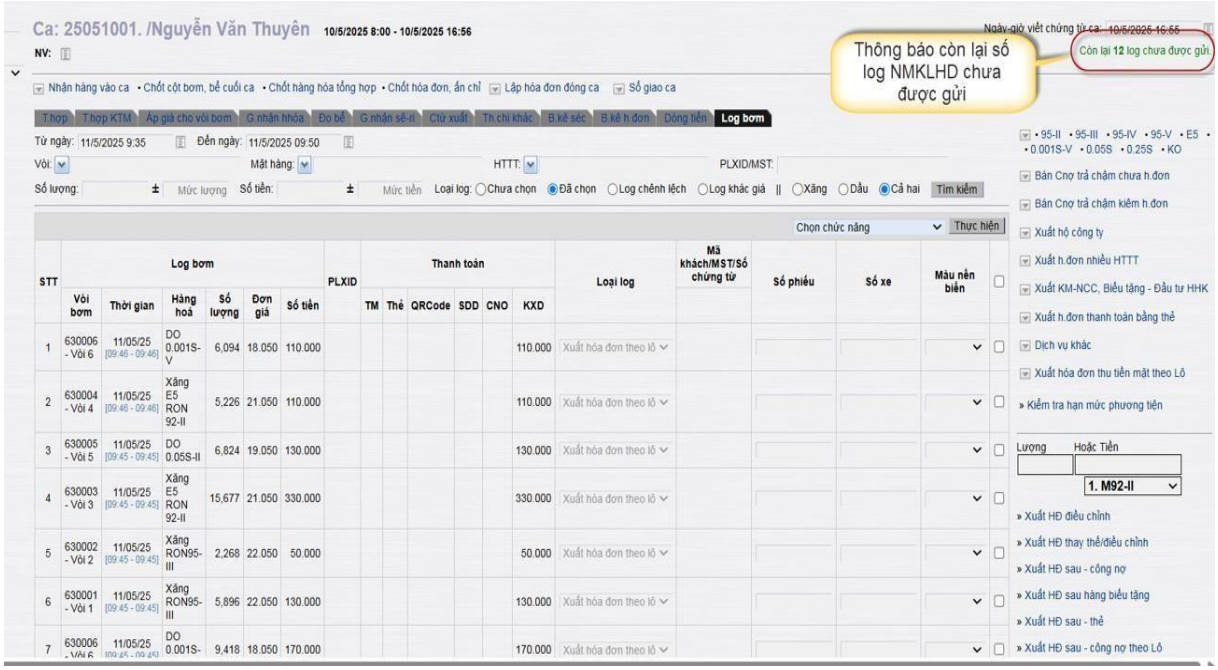


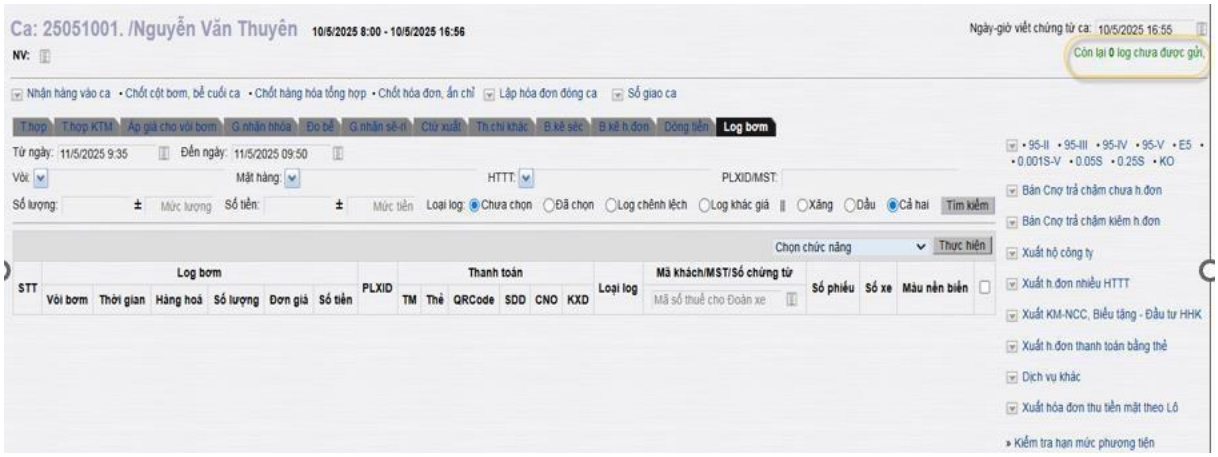

**<u>Lưu ý</u>**: *Nếu ca có tồn tại 493 mà chưa có 494 thì thông báo "Chứng từ 493 (999.999,999 lít) và 494 (0 lít) chưa khớp. Đề nghị kiểm tra lại!" và không cho đóng ca.*

### 3.1.5 Cập nhật thông tin lô 493 NMKLHĐ

Mục đích: Cập nhật trạng thái các lô 493

- Trạng thái các lô 493 (nếu có lỗi)
- Thông tin thuế các lô 493 (hóa đơn, seri HD, trạng thái thuế)

Đường dẫn : Hệ thống/ E-Invoice/ Xử lý sự cố hóa đơn NMKLHĐ

Người thực hiện: Nghiệp vụ VP/ CHXD

Quyền thực hiện: CH1,CH2,CH3, EINV

Thực hiện

- Bước 1: Chọn các lô để cập nhật trạng thái
  - Từ ngày – đến ngày : cập nhật khoảng thời gian thực hiện
  - Trạng thái: để mặc định "Chưa có thông tin hóa đơn"

| | Ca bán hàng / Số C.từ | Ngày C.từ | Trạng thái nhận | Trạng thái xử lý | Cập nhật trạng thái lô | Cập nhật thông tin hóa đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 25072202-1 | | | | | |
| 1 | 493.1584 (Chi tiết log) | 22/7/2025 7:53 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 2 | 493.1585 (Chi tiết log) | 22/7/2025 9:53 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 3 | 493.1586 (Chi tiết log) | 22/7/2025 11:45 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 4 | 493.1587 (Chi tiết log) | 22/7/2025 13:20 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 5 | 493.1588 (Chi tiết log) | 22/7/2025 15:19 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 6 | 493.1589 (Chi tiết log) | 22/7/2025 17:19 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 7 | 493.1590 (Chi tiết log) | 22/7/2025 19:21 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 8 | 493.1591 (Chi tiết log) | 22/7/2025 21:09 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 9 | 493.1592 (Chi tiết log) | 22/7/2025 22:25 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 10 | 493.1593 (Chi tiết log) | 22/7/2025 23:39 | Đã nhận | Lỗi (-1) | | |
| 11 | 493.1594 (Chi tiết log) | 22/7/2025 23:54 | Đã nhận | Lỗi (-1) | | |

- Bước 2: Cập nhật trạng thái lô
  - Tích chọn để cập nhật trạng thái các lô nếu vẫn còn lô có trạng thái xử lý khác "đã phát hành" :

| | Ca bán hàng / Số C.từ | Ngày C.từ | Trạng thái nhận | Trạng thái xử lý | Cập nhật trạng thái lô | Cập nhật thông tin hóa đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 25072202-1 | | | | | |
| 1 | 493.1584 (Chi tiết log) | 22/7/2025 7:53 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 2 | 493.1585 (Chi tiết log) | 22/7/2025 9:53 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 3 | 493.1586 (Chi tiết log) | 22/7/2025 11:45 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 4 | 493.1587 (Chi tiết log) | 22/7/2025 13:20 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 5 | 493.1588 (Chi tiết log) | 22/7/2025 15:19 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 6 | 493.1589 (Chi tiết log) | 22/7/2025 17:19 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 7 | 493.1590 (Chi tiết log) | 22/7/2025 19:21 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 8 | 493.1591 (Chi tiết log) | 22/7/2025 21:09 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 9 | 493.1592 (Chi tiết log) | 22/7/2025 22:25 | Đã nhận | Đã phát hành | | |
| 10 | 493.1593 (Chi tiết log) | 22/7/2025 23:39 | Đã nhận | Lỗi (-1) | ☑ | |
| 11 | 493.1594 (Chi tiết log) | 22/7/2025 23:54 | Đã nhận | Lỗi (-1) | ☑ | |

- Kích chọn "Cập nhật trạng thái lô", sau khi cập nhật sẽ có thông báo:

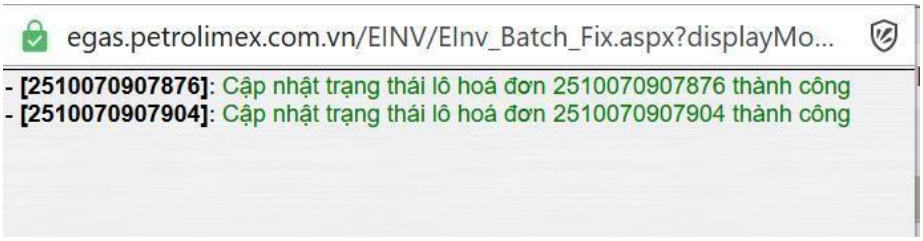


- Bước 3: Cập nhật thông tin hóa đơn
  - Tích chọn các lô sẽ thực hiện cập nhật thông tin hóa đơn (chọn nút trên cùng nếu thực hiện cho tất cả các lô)

| | Ca bán hàng / Số C.từ | Ngày C.từ | Trạng thái nhận | Trạng thái xử lý | Cập nhật trạng thái lô | Cập nhật thông tin hóa đơn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 25072202-1 | | | | | |
| 1 | 493.1584 (Chi tiết log) | 22/7/2025 7:53 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 2 | 493.1585 (Chi tiết log) | 22/7/2025 9:53 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 3 | 493.1586 (Chi tiết log) | 22/7/2025 11:45 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 4 | 493.1587 (Chi tiết log) | 22/7/2025 13:20 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 5 | 493.1588 (Chi tiết log) | 22/7/2025 15:19 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 6 | 493.1589 (Chi tiết log) | 22/7/2025 17:19 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 7 | 493.1590 (Chi tiết log) | 22/7/2025 19:21 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 8 | 493.1591 (Chi tiết log) | 22/7/2025 21:09 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 9 | 493.1592 (Chi tiết log) | 22/7/2025 22:25 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 10 | 493.1593 (Chi tiết log) | 22/7/2025 23:39 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |
| 11 | 493.1594 (Chi tiết log) | 22/7/2025 23:54 | Đã nhận | Đã phát hành | | ☑ |

Kích chọn “Cập nhật thông tin hóa đơn” để thực hiện, sau khi thực hiện thành công sẽ có thông báo thông tin về các lô vừa thực hiện:

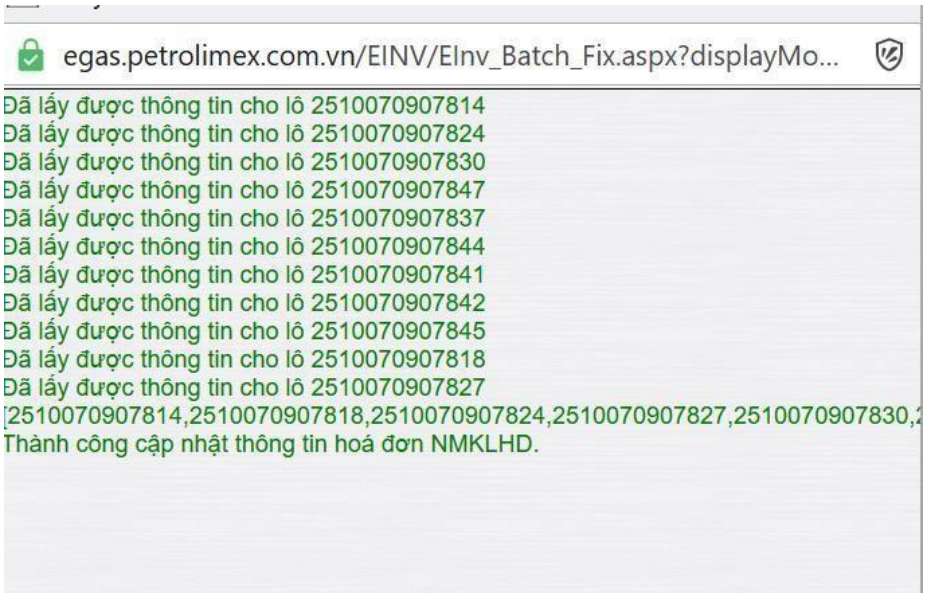


- Tại Hóa đơn NMKLHD theo lô các lô lên đủ thông tin thuế:

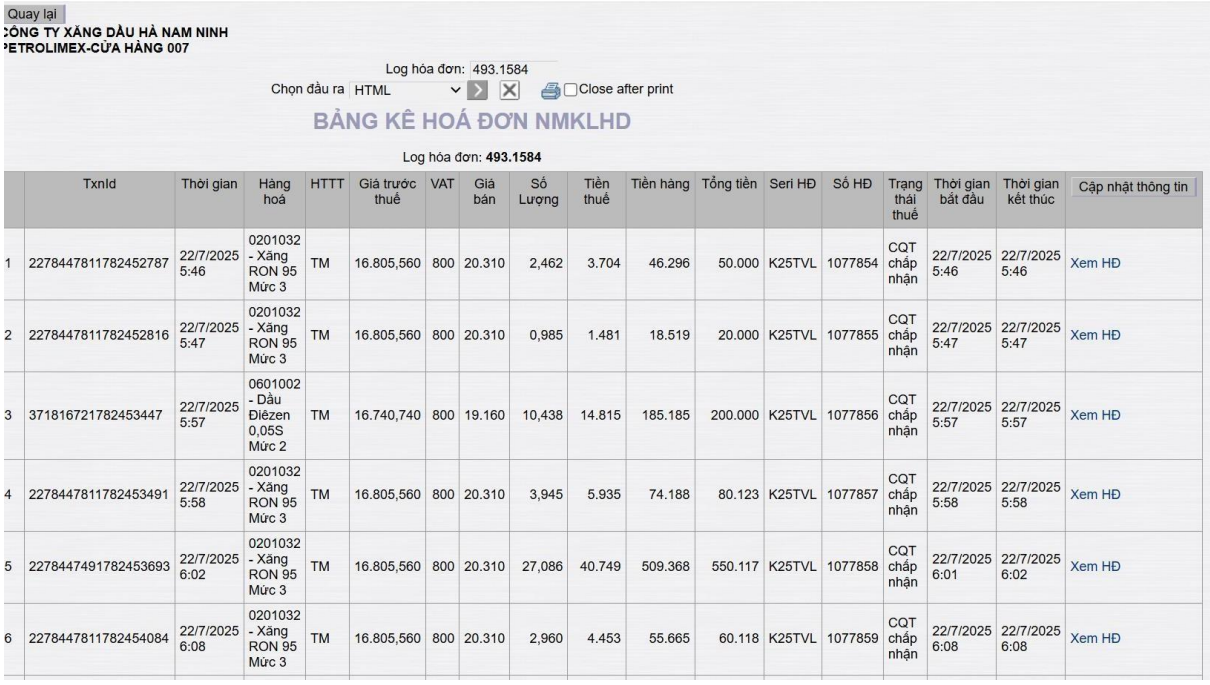


| | TxnId | Thời gian | Hàng hoá | HTTT | Giá trước thuế | VAT | Giá bán | Số Lượng | Tiền thuế | Tiền hàng | Tổng tiền | Seri HĐ | Số HĐ | Trạng thái thuế | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc | Cập nhật thông tin |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2278447811782452787 | 22/7/2025 5:46 | 0201032 - Xăng RON 95 Mức 3 | TM | 16.805,560 | 800 | 20.310 | 2,462 | 3.704 | 46.296 | 50.000 | K25TVL | 1077854 | CQT chấp nhận | 22/7/2025 5:46 | 22/7/2025 5:46 | Xem HĐ |
| 2 | 2278447811782452816 | 22/7/2025 5:47 | 0201032 - Xăng RON 95 Mức 3 | TM | 16.805,560 | 800 | 20.310 | 0,985 | 1.481 | 18.519 | 20.000 | K25TVL | 1077855 | CQT chấp nhận | 22/7/2025 5:47 | 22/7/2025 5:47 | Xem HĐ |
| 3 | 371816721782453447 | 22/7/2025 5:57 | 0601002 - Dầu Điêzen 0,05S Mức 2 | TM | 16.740,740 | 800 | 19.160 | 10,438 | 14.815 | 185.185 | 200.000 | K25TVL | 1077856 | CQT chấp nhận | 22/7/2025 5:57 | 22/7/2025 5:57 | Xem HĐ |
| 4 | 2278447811782453491 | 22/7/2025 5:58 | 0201032 - Xăng RON 95 Mức 3 | TM | 16.805,560 | 800 | 20.310 | 3,945 | 5.935 | 74.188 | 80.123 | K25TVL | 1077857 | CQT chấp nhận | 22/7/2025 5:58 | 22/7/2025 5:58 | Xem HĐ |
| 5 | 2278447491782453693 | 22/7/2025 6:02 | 0201032 - Xăng RON 95 Mức 3 | TM | 16.805,560 | 800 | 20.310 | 27,086 | 40.749 | 509.368 | 550.117 | K25TVL | 1077858 | CQT chấp nhận | 22/7/2025 6:01 | 22/7/2025 6:02 | Xem HĐ |
| 6 | 2278447811782454084 | 22/7/2025 6:08 | 0201032 - Xăng RON 95 Mức 3 | TM | 16.805,560 | 800 | 20.310 | 2,960 | 4.453 | 55.665 | 60.118 | K25TVL | 1077859 | CQT chấp nhận | 22/7/2025 6:08 | 22/7/2025 6:08 | Xem HĐ |

**<u>Lưu ý:</u>** *Nếu lô 493 có trạng thái xử lý khác “đã phát hành” thì sẽ không thực hiện cập nhật thông tin hóa đơn thành công tại bước 3*

### 3.1.6 Xử lý hóa đơn cuối ca bán hàng

***Xử lý tình huống cuối ca bán hàng***: Trường hợp nếu hệ thống EINVOICE hoặc hệ thống EGAS gặp sự cố, dẫn tới các log bơm của NMKLHD không phát hành được hóa đơn điện tử thì CHXD thực hiện tổng hợp số liệu và lập hóa đơn hạch toán theo mặt hàng và HTTT tương ứng. Cụ thể:

- Gỡ lô 493 (mặc định không phân quyền – chỉ phân quyền khi cần xử lý sự cố) sau khi đã thực hiện kiểm tra tại E-Invoice đảm bảo lô không tồn tại
- Xóa và làm lại 494 – nếu trước đó đã tồn tại 494
- Hệ thống hạch toán số tổng theo Hàng hóa/ HTTT vào 495 đối với các lô 493 không thể gửi phát hành hóa đơn đồng thời khi thực hiện 494

Điều kiện thực hiện: Hệ thống EGAS dựng cờ "**Đã khóa phát hành NMKLHD**" khi có thông báo bằng văn bản E-Invoice có sự cố cho PLX. PLX thông báo cho đơn vị để triển khai phương án xử lý sự cố toàn ngành.

## 3.2 Xử lý sự cố hóa đơn NMKLHD gửi lô

### 3.2.1 Mục đích

Xử lý các trường hợp hóa đơn NMKLHD đã gửi đi gặp sự cố, NSD vào kiểm tra và thực hiện gửi lại hóa đơn

### 3.2.2 Đường dẫn

Menu: Tại màn hình Uhome\ Hóa đơn NMKLHD theo lô

- Người thực hiện: CHXD
- Quyền thực hiện: CH1 - Trưởng ca, Nghiệp vụ, CHT
- Chỉ được thực hiện chạy dữ liệu tại môi trường EGAS CLIENT

### 3.2.3 Hướng dẫn chi tiết

- Bước 1: Tại màn hình Uhome chọn *Hóa đơn NMKLHD theo lô*

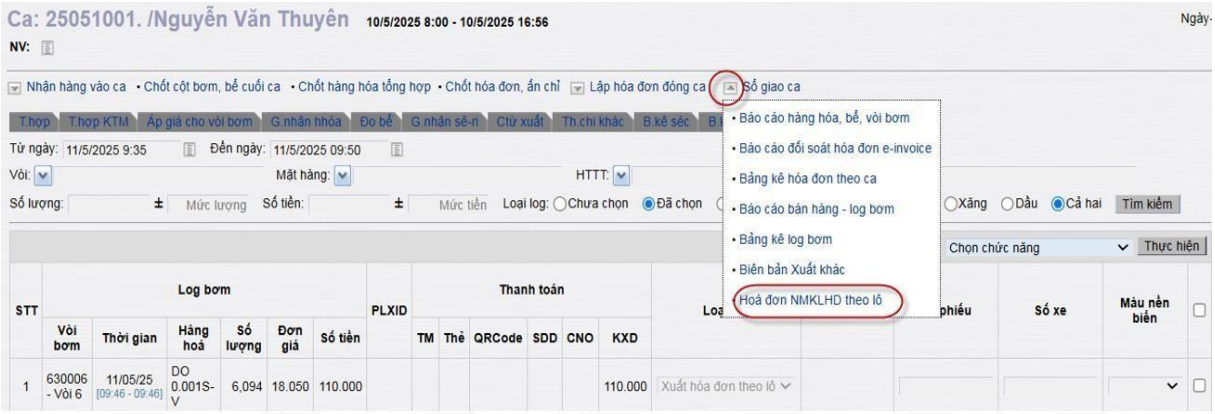


- Bước 2: Màn hình xử lý sự cố *Hóa đơn NMKLHD theo lô*
  - Tích chọn một/ nhiều lô/ tất cả có Trạng thái nhận: Lỗi(1)
  - Tích chọn vào dòng chứng từ lỗi cần gửi

- Chọn nút: Gửi lại để hệ thống thực hiện gửi lại các lô lấy trạng thái và update lại

**<u>Lưu ý:</u>** *Với các lô không có lỗi nút "Gửi lại" không xuất hiện*

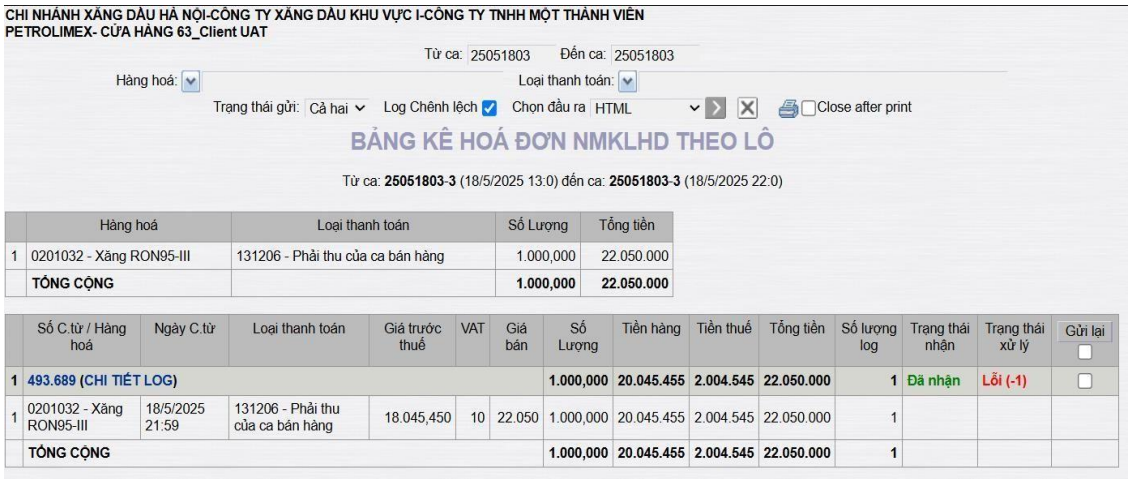


| | Hàng hoá | Loại thanh toán | Số Lượng | Tổng tiền |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 1.000,000 | 22.050.000 |
| | TỔNG CỘNG | | 1.000,000 | 22.050.000 |

| | Số C.từ / Hàng hoá | Ngày C.từ | Loại thanh toán | Giá trước thuế | VAT | Giá bán | Số Lượng | Tiền hàng | Tiền thuế | Tổng tiền | Số lượng log | Trạng thái nhận | Trạng thái xử lý | Gửi lại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 493.689 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 1.000,000 | 20.045.455 | 2.004.545 | 22.050.000 | 1 | Đã nhận | Lỗi (-1) | |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 18/5/2025 21:59 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 1.000,000 | 20.045.455 | 2.004.545 | 22.050.000 | 1 | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | 1.000,000 | 20.045.455 | 2.004.545 | 22.050.000 | 1 | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | 493.561 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 18,527 | 354.545 | 35.455 | 390.000 | 1 | Lỗi (1) | Lỗi (-1) | |
| 1 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | 10/5/2025 10:11 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 17.226,360 | 10 | 21.050 | 18,527 | 354.545 | 35.455 | 390.000 | 1 | | | |
| 26 | 493.562 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 14,407 | 254.545 | 25.455 | 280.000 | 2 | Lỗi (1) | Lỗi (-1) | |
| 1 | 0601005 - DO 0.001S-V | 10/5/2025 10:12 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 15.409,090 | 10 | 18.050 | 9,418 | 154.545 | 15.455 | 170.000 | 1 | | | |
| 2 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:12 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 4,989 | 100.000 | 10.000 | 110.000 | 1 | | | |
| 27 | 493.563 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 5,442 | 109.091 | 10.909 | 120.000 | 1 | Lỗi (1) | Lỗi (-1) | |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:12 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 5,442 | 109.091 | 10.909 | 120.000 | 1 | | | |
| 28 | 493.564 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 20,903 | 409.090 | 40.909 | 450.000 | 5 | Lỗi (1) | Lỗi (-1) | |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 9,977 | 200.000 | 20.000 | 220.000 | 2 | | | |
| 2 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 17.226,360 | 10 | 21.050 | 10,926 | 209.090 | 20.909 | 230.000 | 3 | | | |
| 29 | 493.565 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 16,627 | 327.272 | 32.727 | 360.000 | 4 | Lỗi (-2) | Lỗi (-1) | |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 9,977 | 200.000 | 20.000 | 220.000 | 2 | | | |
| 2 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 17.226,360 | 10 | 21.050 | 6,650 | 127.272 | 12.727 | 140.000 | 2 | | | |



- Màn hình thông báo gửi hóa đơn NMKLHD thành công

- Màn hình Bảng kê hóa đơn NMKLHD có Trạng thái nhận: Đã gửi

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 27 | 493.563 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 5,442 | 109.091 | 10.909 | 120.000 | 1 | Lỗi (1) | Lỗi (-1) | ☐ |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:12 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 5,442 | 109.091 | 10.909 | 120.000 | 1 | | | |
| 28 | 493.564 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 20,903 | 409.090 | 40.909 | 450.000 | 5 | Đã gửi | Lỗi (-1) | ☐ |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 9,977 | 200.000 | 20.000 | 220.000 | 2 | | | |
| 2 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 17.226,360 | 10 | 21.050 | 10,926 | 209.090 | 20.909 | 230.000 | 3 | | | |
| 29 | 493.565 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 16,627 | 327.272 | 32.727 | 360.000 | 4 | Lỗi (-2) | Lỗi (-1) | ☐ |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 9,977 | 200.000 | 20.000 | 220.000 | 2 | | | |
| 2 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 17.226,360 | 10 | 21.050 | 6,650 | 127.272 | 12.727 | 140.000 | 2 | | | |

- Tại màn hình này chứng từ 493.564 chương trình đang gom theo tổng từng mặt hàng. NSD có thể xem chi tiết các log bằng cách chọn vào xem *Chi tiết log* đã được gửi và xem chi tiết từng hóa đơn

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 27 | 493.563 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 5,442 | 109.091 | 10.909 | 120.000 | 1 | Lỗi (1) | Lỗi (-1) | ☐ |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:12 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 5,442 | 109.091 | 10.909 | 120.000 | 1 | | | |
| 28 | 493.564 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 20,903 | 409.090 | 40.909 | 450.000 | 5 | Đã gửi | Lỗi (-1) | ☐ |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 9,977 | 200.000 | 20.000 | 220.000 | 2 | | | |
| 2 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 17.226,360 | 10 | 21.050 | 10,926 | 209.090 | 20.909 | 230.000 | 3 | | | |
| 29 | 493.565 (CHI TIẾT LOG) | | | | | | 16,627 | 327.272 | 32.727 | 360.000 | 4 | Lỗi (-2) | Lỗi (-1) | ☐ |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 9,977 | 200.000 | 20.000 | 220.000 | 2 | | | |
| 2 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | 10/5/2025 10:13 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 17.226,360 | 10 | 21.050 | 6,650 | 127.272 | 12.727 | 140.000 | 2 | | | |

Quay lại

CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT

Log hóa đơn: 493.564

Chọn đầu ra HTML ☐ Close after print

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN NMKLHD

Log hóa đơn: 493.564

| | TxnId | Thời gian | Hàng hoá | HTTT | Giá trước thuế | VAT | Giá bán | Số Lượng | Tiền thuế | Tiền hàng | Tổng tiền | Seri HĐ | Số HĐ | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 431326361775901452 | 10/5/2025 9:57 | 0201032 - Xăng RON95-III | TM | 18.045,450 | 1000 | 22.050 | 4,535 | 9.091 | 90.909 | 100.000 | | | 10/5/2025 9:57 | 10/5/2025 9:57 | Xem HĐ |
| 2 | 431327491775901469 | 10/5/2025 9:57 | 0201032 - Xăng RON95-III | TM | 18.045,450 | 1000 | 22.050 | 5,442 | 10.909 | 109.091 | 120.000 | | | 10/5/2025 9:57 | 10/5/2025 9:57 | Xem HĐ |
| 3 | 431327561775901460 | 10/5/2025 9:57 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | TM | 17.226,360 | 1000 | 21.050 | 2,850 | 5.455 | 54.545 | 60.000 | | | 10/5/2025 9:57 | 10/5/2025 9:57 | Xem HĐ |
| 4 | 431327591775901464 | 10/5/2025 9:57 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | TM | 17.226,360 | 1000 | 21.050 | 3,800 | 7.273 | 72.727 | 80.000 | | | 10/5/2025 9:57 | 10/5/2025 9:57 | Xem HĐ |
| 5 | 431327591775901484 | 10/5/2025 9:58 | 0201004 - Xăng E5 RON 92-II | TM | 17.226,360 | 1000 | 21.050 | 4,276 | 8.182 | 81.818 | 90.000 | | | 10/5/2025 9:58 | 10/5/2025 9:58 | Xem HĐ |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | 20,903 | 40.910 | 409.090 | 450.000 | | | | | |

## 3.3 Người mua không lấy hóa đơn (NMKLHĐ) - 494

### 3.3.1 Mục đích

Là chứng từ hạch toán tổng các hóa đơn NMKLHD trong ca bán hàng (không thực hiện viêc gửi EINV)

### 3.3.2 Đường dẫn

Menu Uhome\Màn hình ca bán hàng

### 3.3.3 Thông tin trên chứng từ

Tab "Lượng còn lại" giá trị được tính theo quy tắc sau:

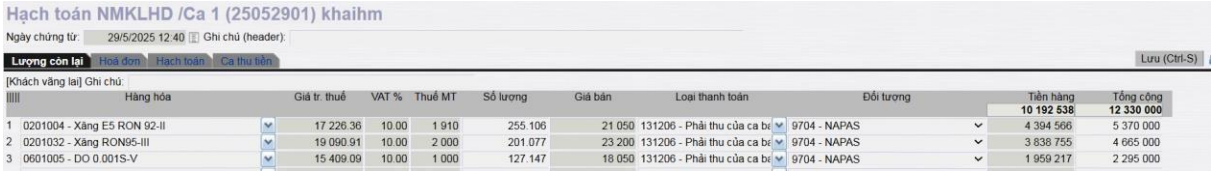


- Tổng số lượng, tiền hàng, Tổng cộng các chứng từ *493 - Hóa đơn NMKLHD theo lô* theo Hàng hóa, Giá bán, Loại thanh toán, mức thuế GTGT, Mức thuế BVMT trong Ca bán hàng.
- Trong đó, chứng từ 493 - Hóa đơn NMKLHĐ theo lô gồm Tổng số lượng, tiền hàng, Tổng cộng các *Hóa đơn NMKLHD* theo Hàng hóa, Giá bán, Loại thanh toán, mức thuế GTGT, Mức thuế BVMT được phát hành tự động hoặc thủ công trong Ca bán hàng.

Tab "Ca thu tiền" hỗ trợ người dùng cập nhật giá trị theo tài khoản các hóa đơn do không xác định chính xác HTTT nên được phát hành với HTTT = TM gồm:

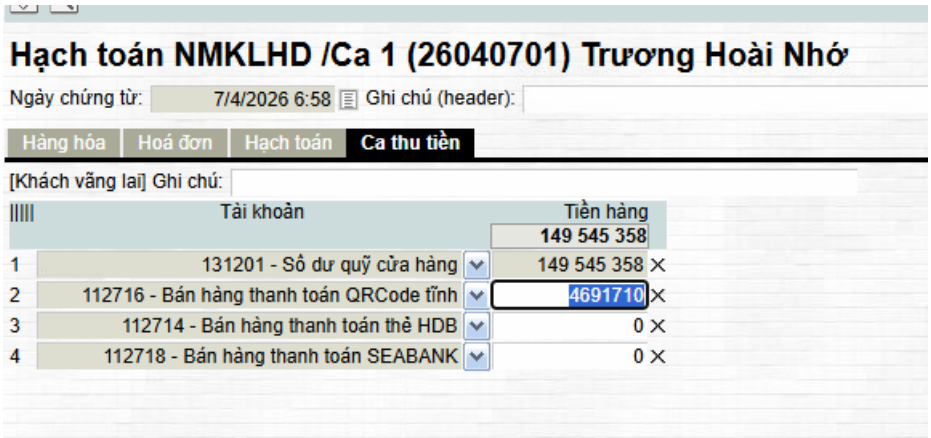

- "112714 - Bán hàng thanh toán thẻ HDBank": giá trị các hóa đơn được khách hàng thanh toán qua POS HDBank nhưng hạch toán theo HTTT = TM
- "112716 - Bán hàng thanh toán QRCode tĩnh": giá trị các hóa đơn được khách hàng thanh toán bằng hình thức quét QRCode tĩnh của HDBank nhưng hạch toán theo HTTT = TM.
- "112718 - Bán hàng thanh toán SEABANK": giá trị các hóa đơn được khách hàng thanh toán qua POS PLX nhưng hạch toán theo HTTT = TM

**Lưu ý:**

- Hệ thống không cho đóng ca nếu:
  - Đã tồn tại 493 chưa hạch toán 494
  - Lượng 493 khác 494 trong ca. Thông báo "Chứng từ 493 (999.999,999 lít) và 494 (0 lít) chưa khớp. Đề nghị kiểm tra lại!"

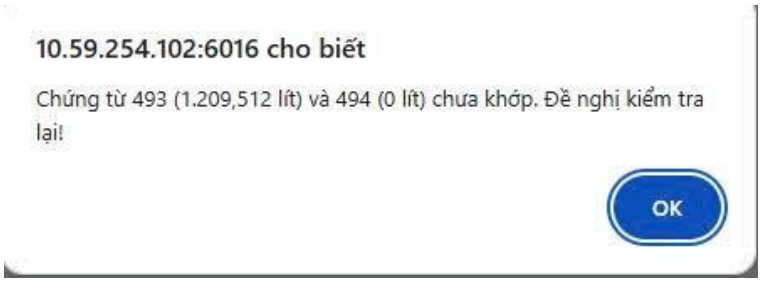


  - Đối với mỗi mặt hàng bán qua cột bơm kiểm tra giá trị tuyệt đối của (Số lượng giao nhận – Số đã xuất trong ca) > 0.020 thì chặn không cho đóng ca và thông báo:

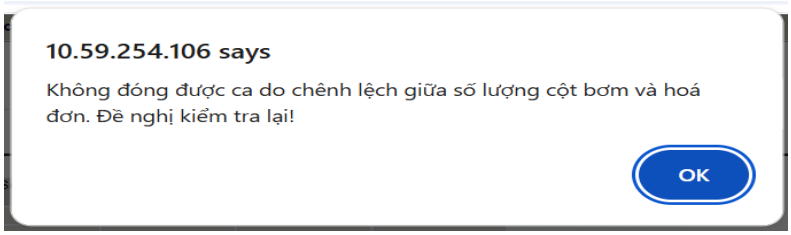


- Chặn và thông báo chặn xuất âm kho theo từng mặt hàng - tức sum tổng số lượng mặt hàng từ các dòng chi tiết không được vượt quá số lượng tồn sổ sách tại thời điểm tạo chứng từ 494

## 3.4 Hóa đơn xử lý sự cố - 495

### 3.4.1 Mục đích

Hệ thống hạch toán số tổng theo Hàng hóa/ HTTT vào 495 đối với các lô 493 không thể gửi phát hành hóa đơn đồng thời khi thực hiện 494

### 3.4.2 Đường dẫn

Menu: Uhome\Màn hình ca bán hàng\Lập hóa đơn đóng ca\Hóa đơn xử lý sự cố

- Quyền thực hiện: CH1 - Trưởng ca, Nghiệp vụ, CHT
- Chỉ được thực hiện chạy dữ liệu tại môi trường EGAS CLIENT

### 3.4.3 Hướng dẫn thực hiện

- Bước 1: Văn phòng thực hiện khai báo nhóm Seri cho CHXD phương thức 495
  - Menu Hệ thống\EINVoice\Gán nhóm Seri cho CHXD
  - Người thực hiện: Cán bộ văn phòng có quyền EINV
- Bước 2: Cửa hàng thực hiện
  - Đường dẫn thực hiện hóa đơn xử lý sự cố - 495

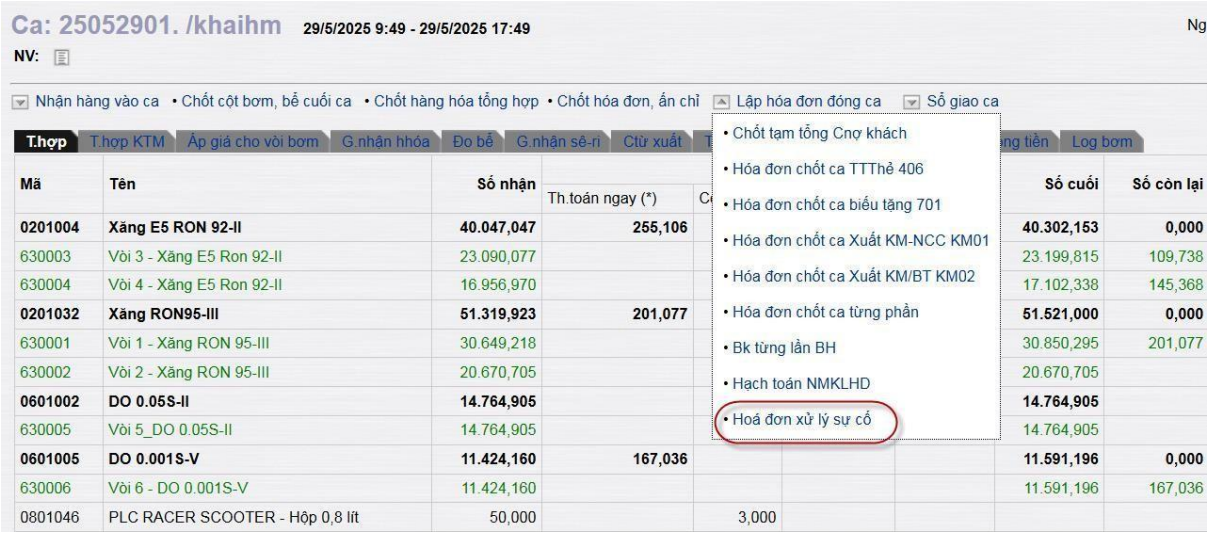


  - Chứng từ 495 hạch toán

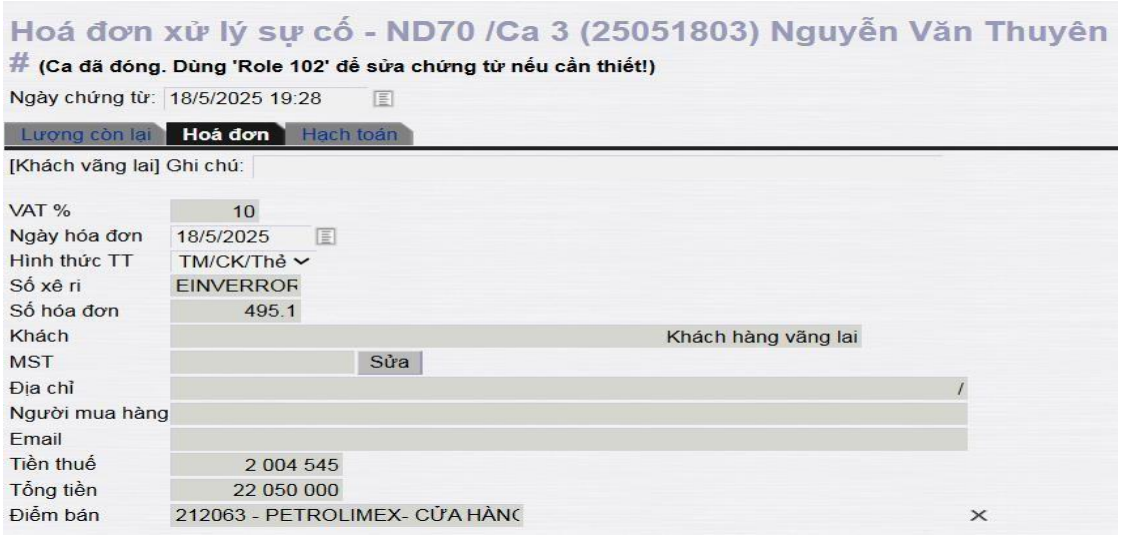


## 3.5 Chặn phát hành hóa đơn NMKLHĐ và tạo log chênh lệch

### 3.5.1 Chênh lệch hàng hóa và chênh lệch vòi bơm

Sau khi tạo chứng từ WS3 - Chốt bể cột bơm cuối ca thành công, phần mềm thực hiện đối chiếu chênh lệch hàng hóa XDS và chênh lệch vòi bơm như sau:

- Số lượng chênh lệch hàng hóa XDS_L_h= Giá trị "Chênh lệch" tại Tab “Vòi bơm” chứng từ WS3 - (Số lượng hóa đơn/chứng từ đã xuất trong ca bao gồm gắn log và không gắn log + Số lượng chứng từ 493 + Số lượng log bơm đã phân loại).
- Số lượng chênh lệch vòi bơm_L_v = Giá trị "Chênh lệch" tại Tab “Vòi bơm” chứng từ WS3 - Số lượng toàn bộ log bơm trong ca.
- Bù trừ chênh lệch hàng hóa và chênh lệch vòi bơm theo công thức:
- L_hcl = L_h - Tổng (L_v)

Nếu phát sinh chênh lệch giữa Chênh lệch hàng hóa XDS - L_h và Chênh lệch vòi bơm - L_v, phần mềm sẽ thực hiện như sau:

- Nếu Giá trị tuyệt đối (L_h) < = 0,02 hoặc Giá trị tuyệt đối (L_v) <=0,02; cửa hàng có thể đóng ca bình thường.
- Nếu L_h = Tổng (L_v), trường hợp này xảy ra khi trong ca có vòi bơm bị mất log, khi đó phần mềm sẽ tạo log chênh lệch cho các vòi bơm.
- Nếu L_h > Tổng (L_v), phần mềm sẽ chặn không thực hiện phát hành hóa đơn NMKLHĐ.

### 3.5.2 Log chênh lệch

Nếu L_h = Tổng (L_v), phần mềm sẽ tự động tạo log chênh lệch cho các vòi bơm theo thông tin Chênh lệch vòi bơm của mỗi vòi bơm và phát hành hóa đơn NMKLHĐ cho các log chênh lệch. Thông tin trên log chênh lệch có giá trị như sau:

- ID: Được tạo ra theo quy tắc "Mã cửa hàng"+ "Số thứ tự tăng dần"
- Vòi bơm: Mã - tên vòi bơm có chênh lệch
- Mặt hàng: Mã - tên mặt hàng của log chênh lệch
- Số lượng: Số lượng chênh lệch của vòi bơm L_v.
- Đơn giá: Giá bán lẻ có hiệu lực theo thời gian chứng từ chốt bể, cột bơm cuối ca WS3.
- Thành tiền = L_v * Đơn giá
- Bắt đầu bơm = Kết thúc bơm = Ngày giờ chứng từ chốt bể cột bơm cuối ca WS3.
- Hóa đơn được tạo từ log chênh lệch có thể thực hiện các thao tác xử lý hóa đơn sai sót tương tự các hóa đơn NMKLHĐ: Thay thế = 0, thay thế đổi giá, đảo log.

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I
PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT

Mã lô: 212063119213

Chọn đầu ra HTML Close after print

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN NMKLHD

Mã lô: **2120631192136**

| | TxnId | Thời gian | Hàng hoá | HTTT | Giá trước thuế | VAT | Giá bán | Số Lượng | Tiền thuế | Tiền thuế MT | Tiền hàng chưa thuế | Tiền hàng | Tổng tiền | Seri HĐ | Số HĐ | Trạng thái thuế | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc | Cập nhật thông tin |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 212063000000082890 | 31/10/2025 18:00 | 0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 | TM | 17.091,110 | 8 | 20.100 | 8,956 | 13.335 | 13.613 | 153.068 | 166.681 | 180.016 | | | Không xác định -1 | 31/10/2025 18:00 | 31/10/2025 18:00 | Xem HĐ |
| 2 | 212063000000082891 | 31/10/2025 18:00 | 0201004 - Xăng E5 RON 92 Mức 2 | TM | 17.091,110 | 8 | 20.100 | 11,941 | 17.779 | 18.150 | 204.085 | 222.235 | 240.014 | | | Không xác định -1 | 31/10/2025 18:00 | 31/10/2025 18:00 | Xem HĐ |
| | **TỔNG CỘNG** | | | | | | | **20,897** | **31.114** | **31.763** | **357.153** | **388.916** | **420.030** | | | | | | |

# 4 NGHIỆP VỤ PHÂN LOẠI LOG

## 4.1 Quy tắc chung

- Nghiệp vụ Xuất khác: Thực hiện như hiện tại ở Tab Log bơm
- Nghiệp vụ Xuất bán:
  - Log bơm xuất hóa đơn từ POS không thành công: Sẽ được tự động phân loại tại Tab Log bơm/ Đã chọn. Tại đây NSD có thể sử dụng thực hiện xuất hóa đơn

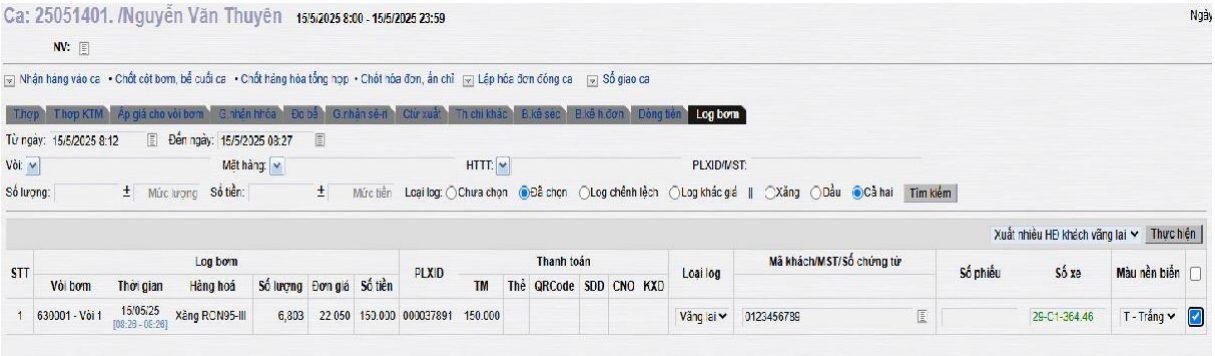


  - Thực hiện phân loại log(Vãng lai/Công nợ) cho các log bơm xuất bán cần giữ lại tại Tab Log bơm/ Chưa chọn

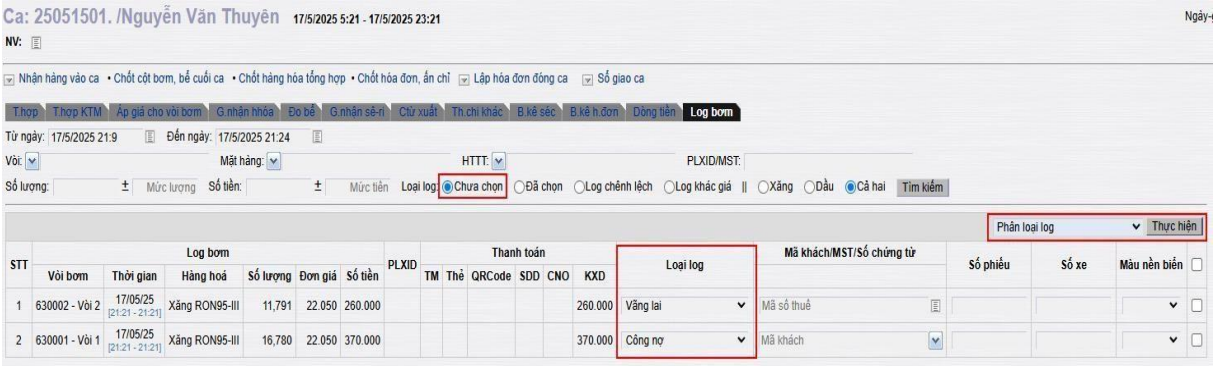


- Thực hiện xuất hóa đơn cho các log bơm đã được phân loại tại Tab Log bơm/ Đã chọn

## 4.2 Hướng dẫn chi tiết

**Bước 1:** Vào Màn hình Uhome Tab *Log bơm* chọn *Chưa chọn* để chọn các log cần giữ lại.

- Tại Tab Log bơm những log bơm quá thời gian giữ log do TĐ khai báo (hiện tại là 120 phút) là những log quá thời gian sử dụng chương trình sẽ chặn không cho chọn tích giữ lại
- Chỉ cho chọn tối đa số log sao cho : Số lượng các log định phân loại + Số lượng các log đã phân loại <= Số lượng log tối đa được giữ lại ở tab log bơm do TĐ khai báo hiện là 40 log.
  - Tich ô: Chưa chọn
  - Loại log: Chọn log theo danh sách cần phân loại
  - Chọn chức năng: Phân loại log
  - Tích vào các dòng cần phân loại log và bấm nút Thực hiện
  - Chọn Phân loại log để giữ log.

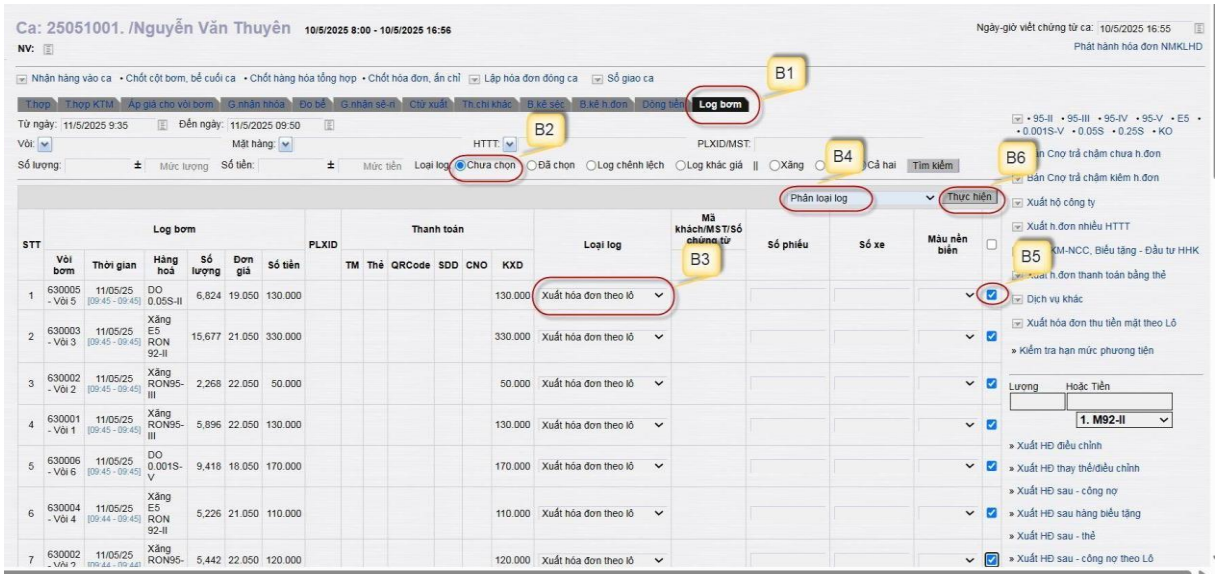


**Bước 2**: Màn hình Uhome Tab *Log bơm* chọn *Đã chọn* để lọc ra các log đã giữ lại

- Tại màn hình này log được giữ lại tối đa được TĐ khai báo hiện tại là 40 log.
- Sau thời gian tối đa log được giữ lại là xác định Min(MD, CC) hiện tại là 120 phút NSD không dùng các log này chương trình sẽ tự động giải phóng ra ngoài. Chỉ thực hiện giải phóng với các Loại log sau:
  - Đối với các log bơm "Vãng lai", "Công nợ" mà có thời gian kết thúc bơm so với hiện tại > "Thời gian giữ log tối đa ở tab log bơm/Đã chọn", các log bơm

này sẽ bị loại bỏ khỏi tab log bơm/Đã chọn. Và đưa vào hàng chờ, chờ phát hành HĐNMKLHĐ

- Các log kiểm định không giải phóng

# 5 XỬ LÝ HÓA ĐƠN CÓ SAI SÓT

## 5.1 Quyền xử lý hóa đơn sai sót

### 5.1.1 Quyền thay thế hóa đơn giá trị = 0

***a) Mục đích***

- Quản lý việc thực hiện thay thế hóa đơn NMKLHD, NMCLHD giá trị = 0 và thay thế đổi giá hóa đơn NMKLHD.

***b) Điều kiện áp dụng:***

- User có nhóm quyền "ADMCTY - Admin công ty" hoặc "VP3 - Kinh doanh phân quyền".

***c) Cách thực hiện***

- User VPCTy truy cập tab Tab Assign to Access Grp-Comp, nhấn Thêm để khai báo nhóm quyền "INV0 -Thay thế 0" cho user cửa hàng cần thực hiện.

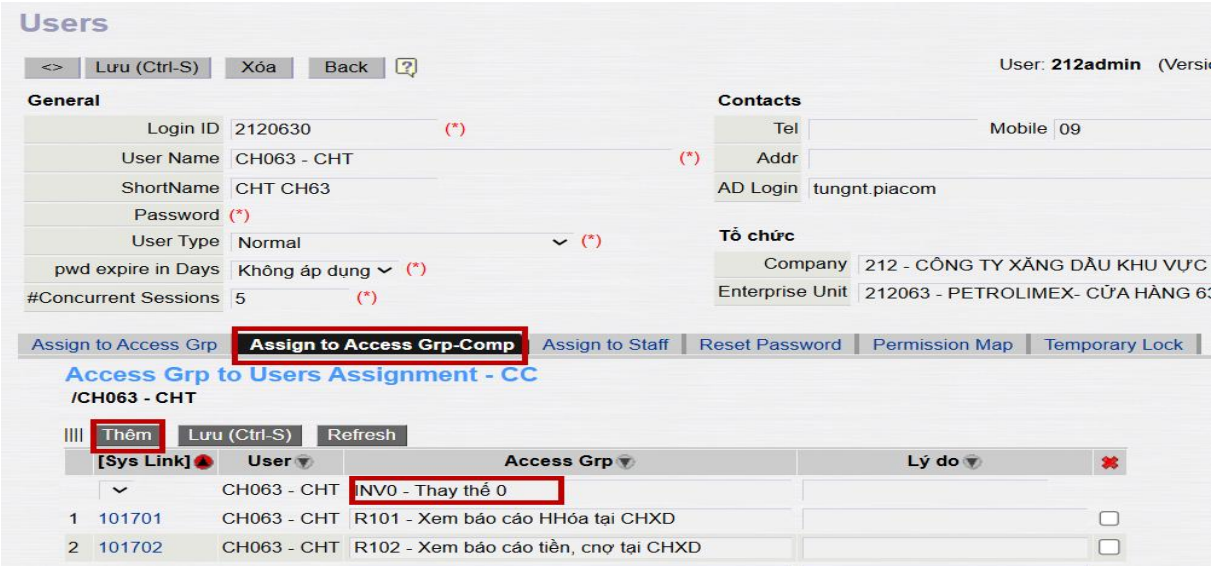


- User cửa hàng sau khi được phân quyền, giao diện sẽ hiển thị như sau:
  - Loại hóa đơn = NMCLHĐ, người dùng sẽ có chức năng "Thay thế về 0"

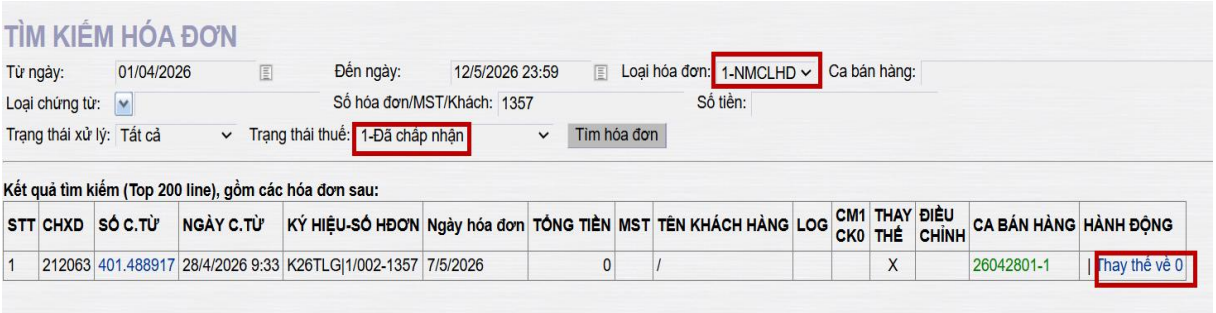

- Loại hóa đơn = NMCLHD và Loại chứng từ = “KM01, KM02”, người dùng sẽ có chức năng Thay thế và Thay thế = 0

- Loại hóa đơn = NMKLHD, người dùng sẽ có chức năng “Thay thế về 0”.

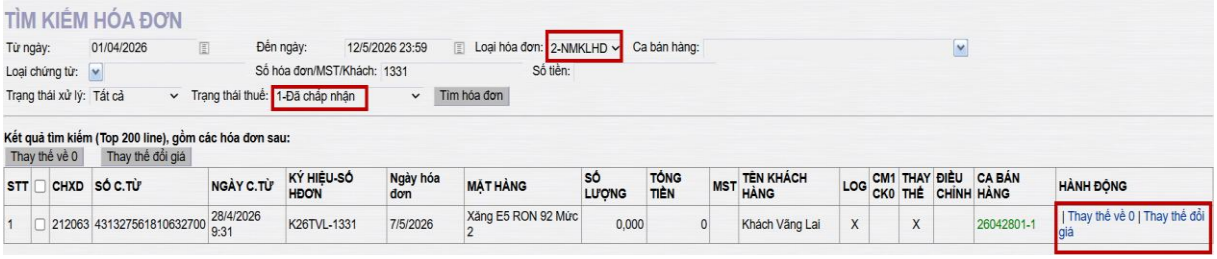


**<u>Lưu ý</u>**: *Sau khi được phân quyền, người dùng cần đăng nhập lại bằng cách “Log out” và “Log in” phần mềm để cập nhật các thay đổi.*

### 5.1.2 Quyền thay thế hóa đơn và điều chỉnh MST

#### *a) Mục đích*

- Quản lý việc thực hiện thay thế hóa đơn NMKLHD, NMCLHD và điều chỉnh MST trên hóa đơn.

#### *b) Điều kiện áp dụng:*

- User có nhóm quyền “ADMCTY - Admin công ty” hoặc “VP3 - Kinh doanh phân quyền”.

#### *c) Cách thực hiện*

- User VPCTy truy cập tab Tab Assign to Access Grp-Comp, nhấn Thêm để khai báo nhóm quyền “CH42 - Thay thế, điều chỉnh hóa đơn” cho user cửa hàng cần thực hiện.

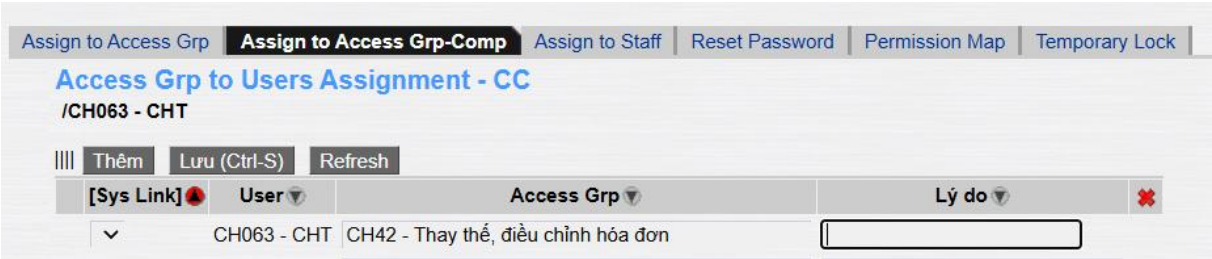


- Người dùng sau khi được phân quyền sẽ hiển thị như sau:

- Loại hóa đơn = “NMCLHĐ”, người dùng có chức năng “Thay thế”

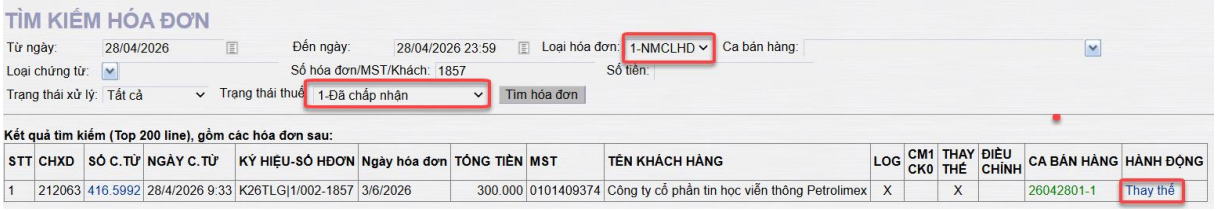


- Loại hóa đơn = “NMKLHD”, người dùng có chức năng “Thay thế”, “Thay thế (cũ - GT)” và “Thay thế đổi giá”.

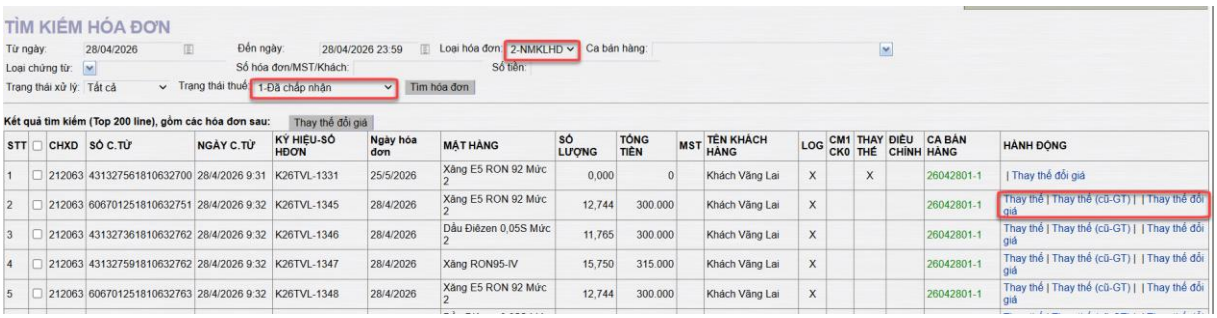


- Người dùng có thể thực hiện điều chỉnh MST trên hóa đơn tại phương thức INVC.

- Người dùng không được phân quyền sẽ không có các chức năng Thay thế hóa đơn, và khi truy cập chức năng Điều chỉnh hóa đơn INVC sẽ hiển thị thông báo “Người dùng chưa được cấp quyền Thay thế, điều chỉnh hóa đơn”

**<u>Lưu ý</u>**: *Sau khi được phân quyền, người dùng cần đăng nhập lại bằng cách “Log out” và “Log in” phần mềm để cập nhật các thay đổi.*

## 5.2 Thay thế hóa đơn NMCLHD

### 5.2.1 Mục đích

Thực hiện khi cửa hàng xuất hóa đơn NMCLHD mà sai lượng/ giá trị/ mặt hàng

### 5.2.2 Đường dẫn chức năng

Menu: *Ca bán hàng\ Xuất hóa đơn thay thế*

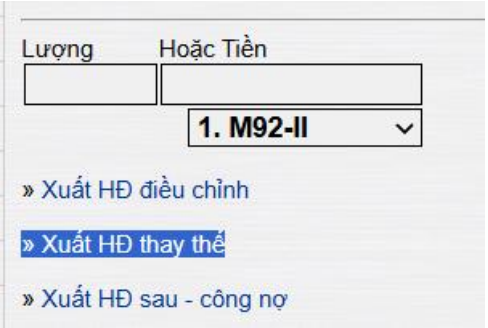


- Người thực hiện: Ca trưởng hoặc Kế toán nghiệp vụ
- Nhóm quyền thực hiện: CH42 - Thay thế, điều chỉnh hóa đơn

### 5.2.3 Điều kiện áp dụng

- Hóa đơn thuộc ca bán hàng đang mở và trạng thái thuế = "CQT chấp nhận"
- Chưa có phát sinh chứng từ kế tiếp: CM1, CK0
- Hóa đơn chưa được điều chỉnh
- Hóa đơn được tạo ở môi trường đang thao tác (Chứng từ được tạo ở Client chỉ được thay thế tại Client. Chứng từ được tạo ở Center chỉ được thay thế ở Center).

### 5.2.4 Nguyên tắc xử lý

- Vô hiệu hóa đơn gốc, thay thế bằng hóa đơn mới
- Hóa đơn 416: thừa kế loại thanh toán của hóa đơn gốc
- Hóa đơn mới:
  - Ngày hóa đơn: Giá trị trường Ngày hóa đơn tại tab "Hóa đơn VAT" và thời gian bắt đầu của log bơm được gắn chứng từ (nếu có).
  - Ca bán hàng = Ca của hóa đơn gốc
  - Giá bán trên hóa đơn: Hồ sơ giá có hiệu lực thuộc chứng từ giá đang tồn tại trên phần mềm.
- Trạng thái hóa đơn:
  - Hóa đơn gốc = Bị thay thế
  - Hóa đơn mới = Hóa đơn thay thế

### 5.2.5 Cách thức thực hiện

Màn hình Uhome chọn ***Xuất HĐ thay thế***

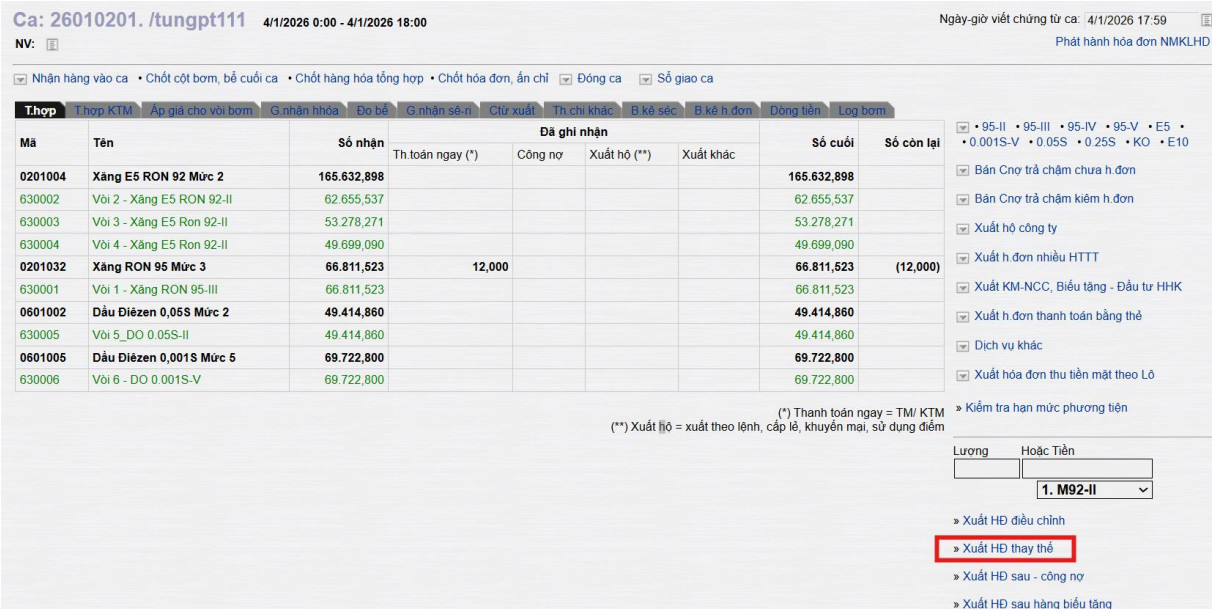


## a) *Thay thế hóa đơn NMCLHD → NMCLHD có gắn log*

- Bước 1: Lựa chọn hóa đơn cần thay thế
  - Loại hóa đơn: 1 – NMCLHD: Hóa đơn người mua có lấy hóa đơn (Tcode 401,411, 416,495,490...)
  - Loại chứng từ: Theo danh sách các chứng từ được thay thế
  - Chọn loại: Thay thế
  - Bấm Tìm hóa đơn

- Bước 2: Chọn hóa đơn chứng từ có gán log cần thay thế

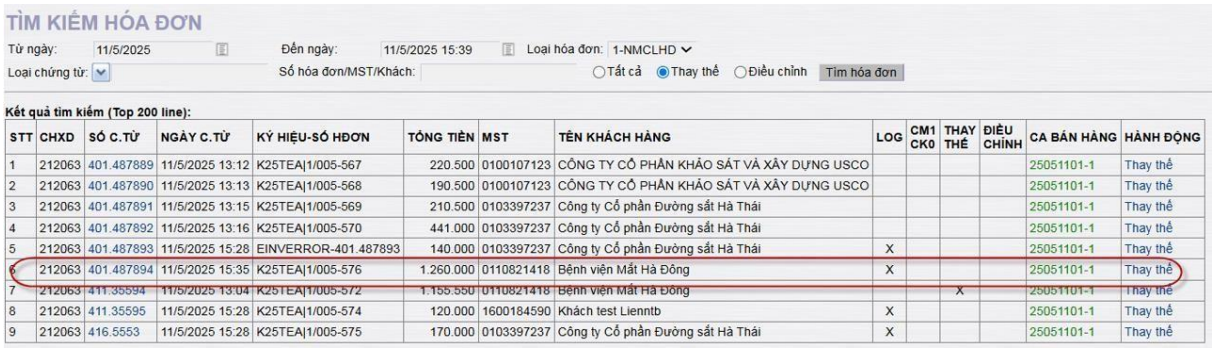


| STT | CHXD | SỐ C.TỪ | NGÀY C.TỪ | KÝ HIỆU-SỐ HĐƠN | TỔNG TIỀN | MST | TÊN KHÁCH HÀNG | LOG | CM1 CK0 | THAY THẾ | ĐIỀU CHỈNH | CA BÁN HÀNG | HÀNH ĐỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 212063 | 401.487889 | 11/5/2025 13:12 | K25TEA\|1/005-567 | 220.500 | 0100107123 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG USCO | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 2 | 212063 | 401.487890 | 11/5/2025 13:13 | K25TEA\|1/005-568 | 190.500 | 0100107123 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG USCO | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 3 | 212063 | 401.487891 | 11/5/2025 13:15 | K25TEA\|1/005-569 | 210.500 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 4 | 212063 | 401.487892 | 11/5/2025 13:16 | K25TEA\|1/005-570 | 441.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 5 | 212063 | 401.487893 | 11/5/2025 15:28 | EINVERROR-401.487893 | 140.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 6 | 212063 | 401.487894 | 11/5/2025 15:35 | K25TEA\|1/005-576 | 1.260.000 | 0110821418 | Bệnh viện Mắt Hà Đông | X | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 7 | 212063 | 411.35594 | 11/5/2025 13:04 | K25TEA\|1/005-572 | 1.155.550 | 0110821418 | Bệnh viện Mắt Hà Đông | | | X | | 25051101-1 | Thay thế |
| 8 | 212063 | 411.35595 | 11/5/2025 15:28 | K25TEA\|1/005-574 | 120.000 | 1600184590 | Khách test Lienntb | X | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 9 | 212063 | 416.5553 | 11/5/2025 15:28 | K25TEA\|1/005-575 | 170.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25051101-1 | Thay thế |

- Bước 3: Màn hình thay thế hóa đơn
  - Chọn Lý do: Trong danh sách
  - Cách thức xử lý: 1- NMCLHD
  - Chọn T-code: Chọn trong danh sách Tcode cần thay thế
  - Bấm Xác nhận

- Bước 4: Màn hình xuất hóa đơn thay thế
  - Mặc định = thông tin log bơm lấy từ hóa đơn gốc sang. Cho chọn lại log bơm từ log chưa sử dụng
  - Ngày giờ chứng từ = Ngày bắt đầu log bơm
  - Khách hàng: Thừa kế từ hóa đơn gốc cho phép NSD sửa lại
  - Hàng hóa: Theo thông tin log được gắn
  - Số lượng: Vì đây là hóa đơn gán log nên NSD chọn lại log cần thay thế
  - Ghi chú: Lý do + thay thế cho hóa đơn mẫu số …ký hiệu … số ….. ngày
  - Số seri, số hóa đơn, ngày hóa đơn: nhận kết quả trả về từ EINV
  - Chọn: Lưu chứng tứ
  - Mặc định, hệ thống gắn với Log bơm của hóa đơn gốc. Trường hợp cần đổi lại Log bơm cho chứng từ, NSD kích chọn vào nút I để chọn log cần thay thế

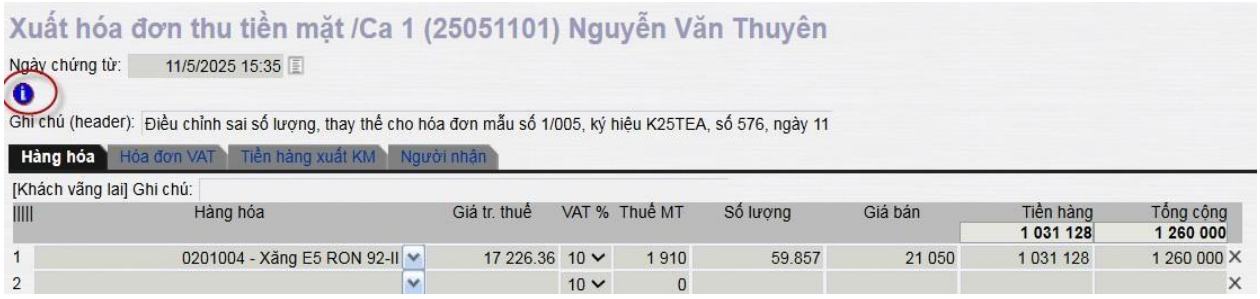

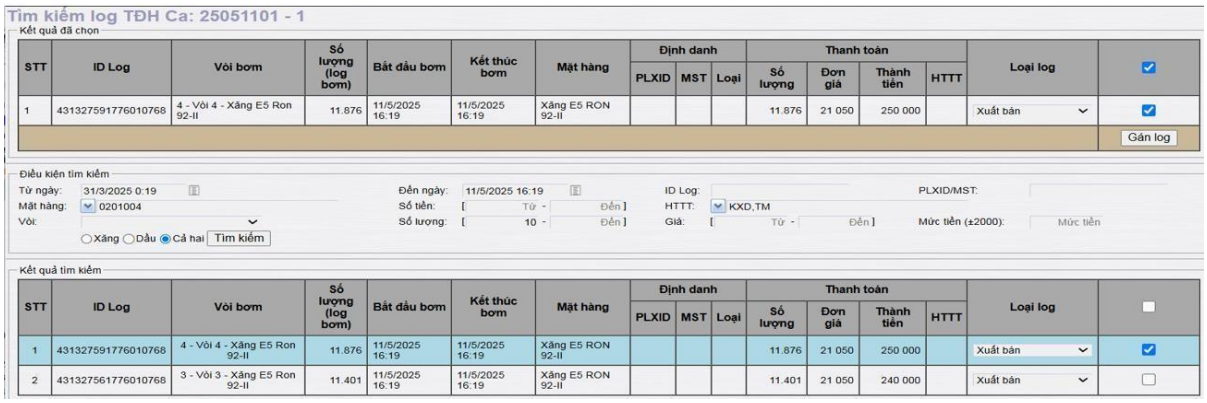


- Tai Tab Hóa đơn VAT mặc định thông tin Ghí chú Thay thế

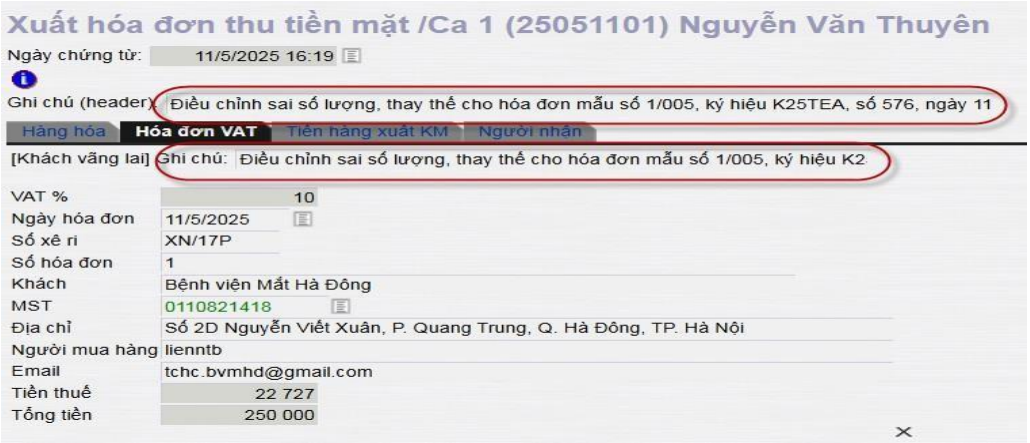


- Lưu chứng từ

- Màn hình Tìm kiếm hóa đơn trước và sau khi thay thế chứng từ . Hóa đơn thay thế được đưa vào cột Thay thế (Đánh dấu X)

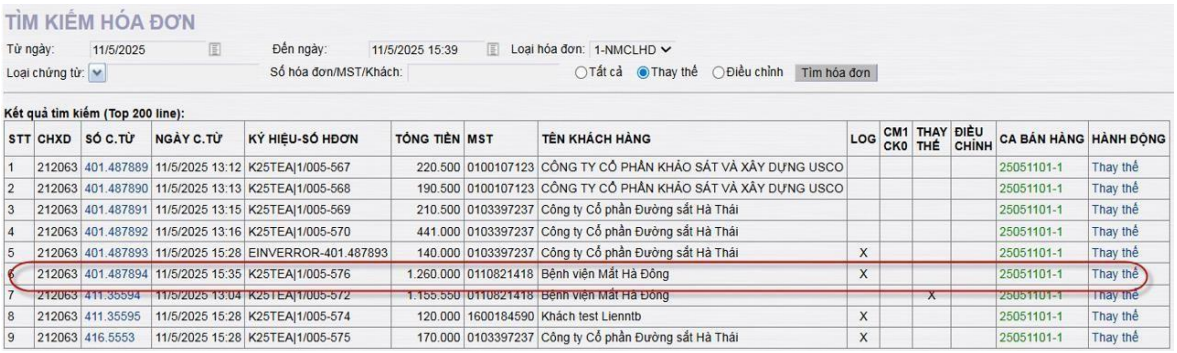

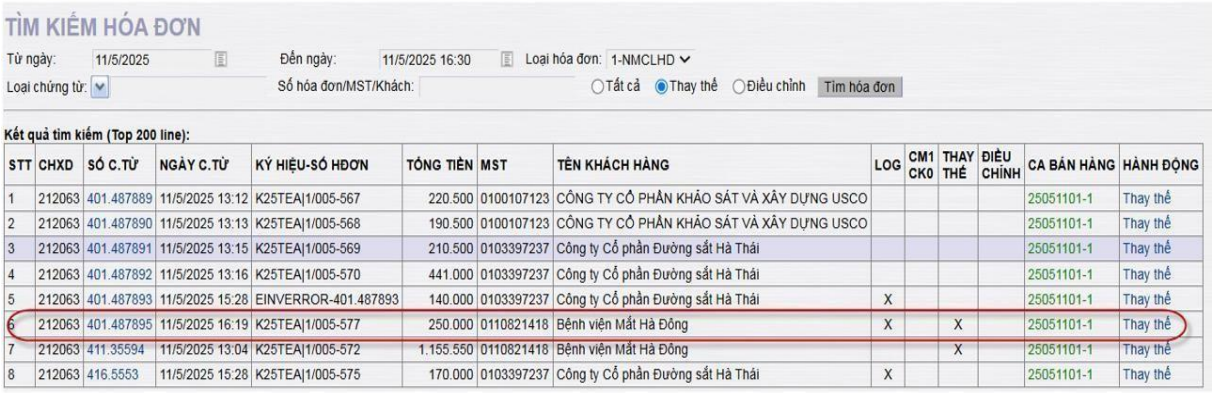


| STT | CHXD | SỐ C.TỪ | NGÀY C.TỪ | KÝ HIỆU-SỐ HĐƠN | TỔNG TIỀN | MST | TÊN KHÁCH HÀNG | LOG | CM1 CK0 | THAY THẾ | ĐIỀU CHỈNH | CA BÁN HÀNG | HÀNH ĐỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 212063 | 401.487889 | 11/5/2025 13:12 | K25TEA\|1/005-567 | 220.500 | 0100107123 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG USCO | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 2 | 212063 | 401.487890 | 11/5/2025 13:13 | K25TEA\|1/005-568 | 190.500 | 0100107123 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG USCO | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 3 | 212063 | 401.487891 | 11/5/2025 13:15 | K25TEA\|1/005-569 | 210.500 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 4 | 212063 | 401.487892 | 11/5/2025 13:16 | K25TEA\|1/005-570 | 441.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 5 | 212063 | 401.487893 | 11/5/2025 15:28 | EINVERROR-401.487893 | 140.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 6 | 212063 | 401.487895 | 11/5/2025 16:19 | K25TEA\|1/005-577 | 250.000 | 0110821418 | Bệnh viện Mắt Hà Đông | X | | X | | 25051101-1 | Thay thế |
| 7 | 212063 | 411.35594 | 11/5/2025 13:04 | K25TEA\|1/005-572 | 1.155.550 | 0110821418 | Bệnh viện Mắt Hà Đông | | | X | | 25051101-1 | Thay thế |
| 8 | 212063 | 416.5553 | 11/5/2025 15:28 | K25TEA\|1/005-575 | 170.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25051101-1 | Thay thế |

### b) *Thay thế hóa đơn NMCLHD ➔ NMCLHD không gắn log*

B1: Thực hiện tìm kiếm hóa đơn thay thế hóa đơn Chọn Loại hóa đơn: 1. NMCLHD

- Loại chứng từ: Chọn từ danh sách
- Chọn loại: Thay thế
- Bấm Tìm hóa đơn

B2: Chọn hóa đơn thay thế từ chứng từ không gắn log B3: Màn hình Thay thế/ điều chỉnh hóa đơn

- Chọn Lý do: Chọn từ danh sách
- Cách thức xử lý: Chương trình mặc định theo Bước B2 Thay thế HĐ NMCLHD
- T-Code: Chọn từ danh sách
- Chọn Xác nhận

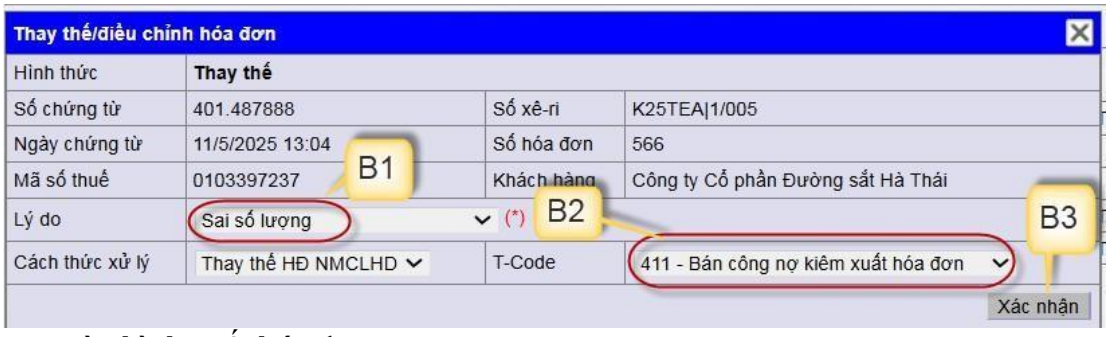


B4: Màn hình xuất hóa đơn

- Mặc định thông tin lấy từ hóa đơn gốc sang chưa gắn với khách hàng
- Ngày giờ chứng từ = Ngày hóa đơn gốc
- Hàng hóa: mặc định theo thông tin hóa đơn gốc cho phép NSD sửa lại
- Tab Hóa đơn VAT Khách hàng: Chọn lại mã khách hàng công nợ cần xuất thay thế. Nếu khách được giảm giá thì chương trình sẽ load lại hồ sơ giá tại thời điểm của chứng từ(Trường hợp thay thế từ chứng từ 411 → 401 thì chứng từ 401 cũng được load lại giá tại thời điểm của chứng từ)

- Số lượng: Vì đây là hóa đơn không gán log nên cho phép NSD gõ lại số lượng cần thay thế
- Ghi chú: Chương trình mặc định thông tin ghi chú tại dòng ***Ghi chú(header)*** và dòng ghi chú tại ***tab Hóa đơn Vat – 411*** NSD sẽ không sửa lại được các thông tin ghi chú này
- Chọn: Lưu chứng tứ

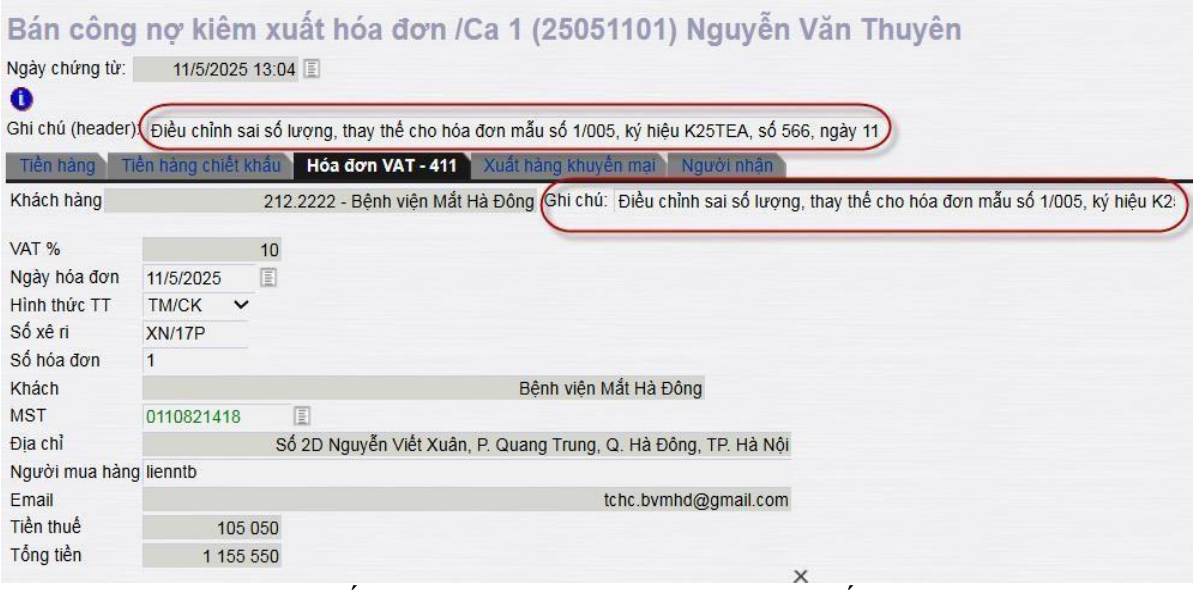


- Màn hình Tìm kiếm hóa đơn trước và sau khi thay thế chứng từ . Hóa đơn được thay thế được đưa vào cột Thay thế (Đánh dấu X)

| STT | CHXD | SỐ C.TỪ | NGÀY C.TỪ | KÝ HIỆU-SỐ HĐƠN | TỔNG TIỀN | MST | TÊN KHÁCH HÀNG | LOG | CM1 CK0 | THAY THẾ | ĐIỀU CHỈNH | CA BÁN HÀNG | HÀNH ĐỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 212063 | 401.487888 | 11/5/2025 13:04 | K25TEA\|1/005-566 | 1.052.500 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 2 | 212063 | 401.487889 | 11/5/2025 13:12 | K25TEA\|1/005-567 | 220.500 | 0100107123 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG USCO | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 3 | 212063 | 401.487890 | 11/5/2025 13:13 | K25TEA\|1/005-568 | 190.500 | 0100107123 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG USCO | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 4 | 212063 | 401.487891 | 11/5/2025 13:15 | K25TEA\|1/005-569 | 210.500 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 5 | 212063 | 401.487892 | 11/5/2025 13:16 | K25TEA\|1/005-570 | 441.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | | | 25051101-1 | Thay thế |

| STT | CHXD | SỐ C.TỪ | NGÀY C.TỪ | KÝ HIỆU-SỐ HĐƠN | TỔNG TIỀN | MST | TÊN KHÁCH HÀNG | LOG | CM1 CK0 | THAY THẾ | ĐIỀU CHỈNH | CA BÁN HÀNG | HÀNH ĐỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 212063 | 401.487889 | 11/5/2025 13:12 | K25TEA\|1/005-567 | 220.500 | 0100107123 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG USCO | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 2 | 212063 | 401.487890 | 11/5/2025 13:13 | K25TEA\|1/005-568 | 190.500 | 0100107123 | CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG USCO | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 3 | 212063 | 401.487891 | 11/5/2025 13:15 | K25TEA\|1/005-569 | 210.500 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 4 | 212063 | 401.487892 | 11/5/2025 13:16 | K25TEA\|1/005-570 | 441.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | | | 25051101-1 | Thay thế |
| 5 | 212063 | 411.35594 | 11/5/2025 13:04 | K25TEA\|1/005-572 | 1.155.550 | 0110821418 | Bệnh viện Mắt Hà Đông | | | X | | 25051101-1 | Thay thế |

Hóa đơn thay thế

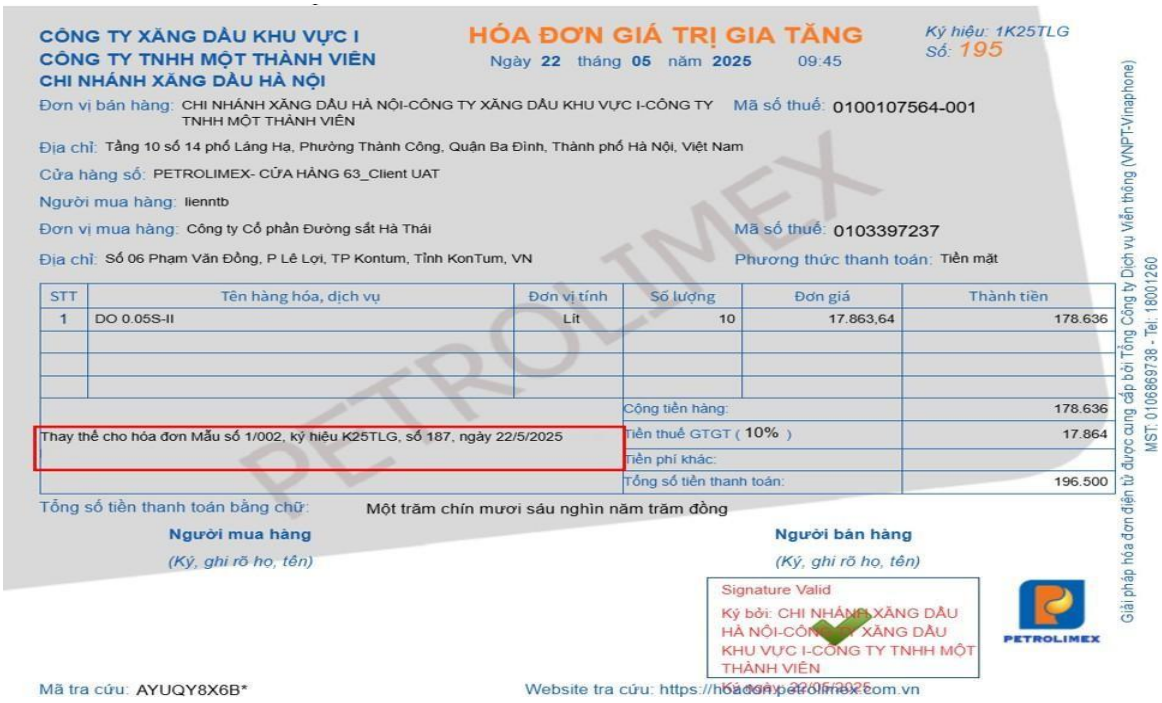

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Ngày 22 tháng 05 năm 2025 09:45

Ký hiệu: 1K25TLG
Số: 195

Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN — Mã số thuế: 0100107564-001

Địa chỉ: Tầng 10 số 14 phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cửa hàng số: PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT

Người mua hàng: lienntb

Đơn vị mua hàng: Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái — Mã số thuế: 0103397237

Địa chỉ: Số 06 Phạm Văn Đồng, P Lê Lợi, TP Kontum, Tỉnh KonTum, VN — Phương thức thanh toán: Tiền mặt

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DO 0.05S-II | Lít | 10 | 17.863,64 | 178.636 |
| | | | | Cộng tiền hàng: | 178.636 |
| | Thay thế cho hóa đơn Mẫu số 1/002, ký hiệu K25TLG, số 187, ngày 22/5/2025 | | | Tiền thuế GTGT ( 10% ) | 17.864 |
| | | | | Tiền phí khác: | |
| | | | | Tổng số tiền thanh toán: | 196.500 |

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Ký ngày: 22/05/2025

PETROLIMEX

Mã tra cứu: AYUQY8X6B* — Website tra cứu: https://hoadon.petrolimex.com.vn

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) MST: 0106869738 - Tel: 18001260

Biên bản thay thế hóa đơn: Mở hóa đơn thay thế → Kích chọn nút in → Chọn Biên bản thay thế hóa đơn

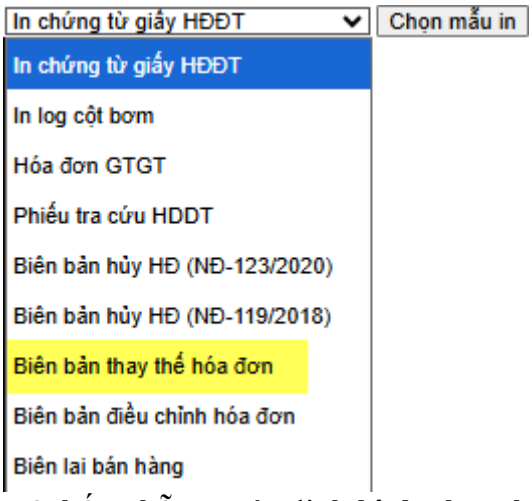


Hệ thống hỗ trợ xác định lý do thay thế trên biên bản. Trường hợp muốn thay đổi lý do, NDS kích chọn vào lý do và sửa lại → Kích chọn Print để in biên bản

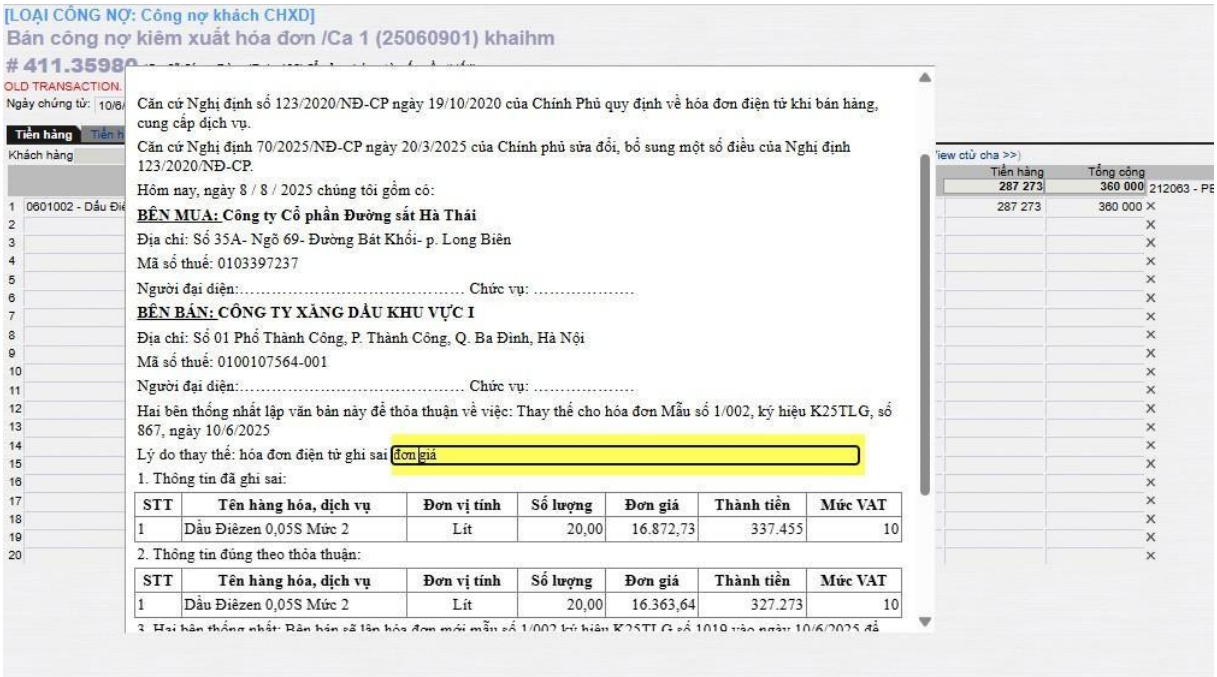


Hệ thống tự động nhận diện lý do thay thế dựa trên sự khác biệt giữa hóa đơn gốc và hóa đơn thay thế như sau:

- Hóa đơn thay thế và hóa đơn gốc khác mặt hàng: Lý do = sai mặt hàng
- Cùng mặt hàng, cùng số lượng, cùng đơn giá, khác mức VAT: Lý do = sai mức thuế
- Cùng mặt hàng, cùng số lượng, khác đơn giá: Lý do = sai giá
- Cùng mặt hàng, khác số lượng, cùng đơn giá: Lý do = sai lượng
- Cùng mặt hàng, khác số lượng, khác đơn giá: Lý do = sai lượng, sai giá
- Khác: Lý do = sai thông tin khách hàng

### *c) Thay thế hóa đơn BHTQ*

Bước 1: Màn hình tìm kiếm hóa đơn điền các thông tin:

- Lý do: Chọn trong danh sách
- Tcode 411 Bán công nợ kiêm xuất hóa đơn
- BHTQ: Tích chọn nếu là khách BHTQ
- Không tích chọn trong trường hợp là khách công nợ CHXD

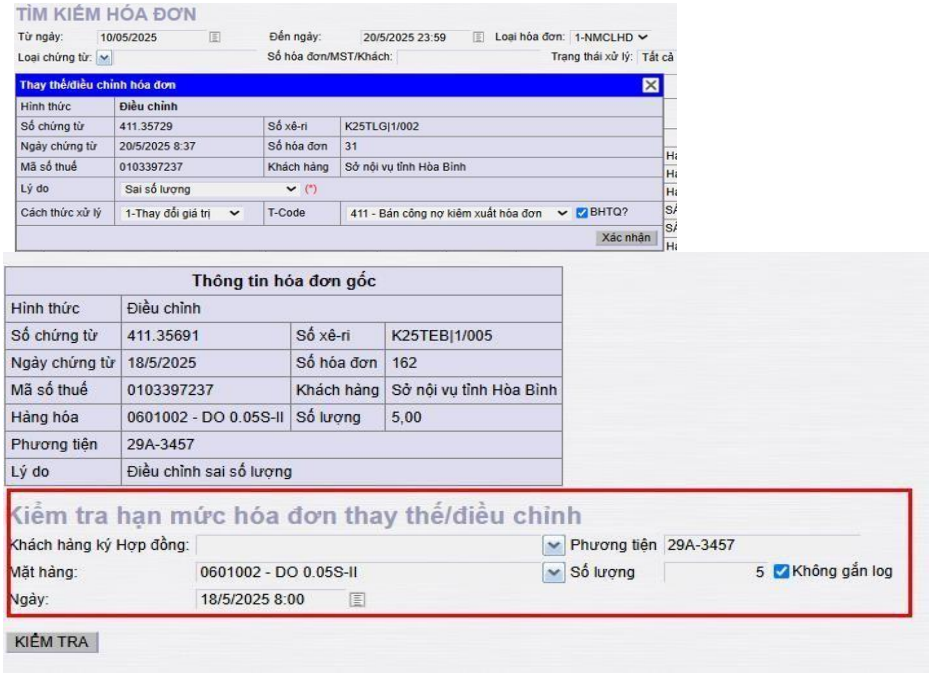


Bước 2: Kiểm tra hạn mức hóa đơn thay thế/ điều chỉnh

- Khách hàng ký hợp dồng: NSD nhập lại thông tin
- Phương tiện, mặt hàng, số lương: Mặc định theo hóa đơn gốc, cho phép NSD nhập lại
- Ngày: Mặc định theo hóa đơn gốc, không cho sửa

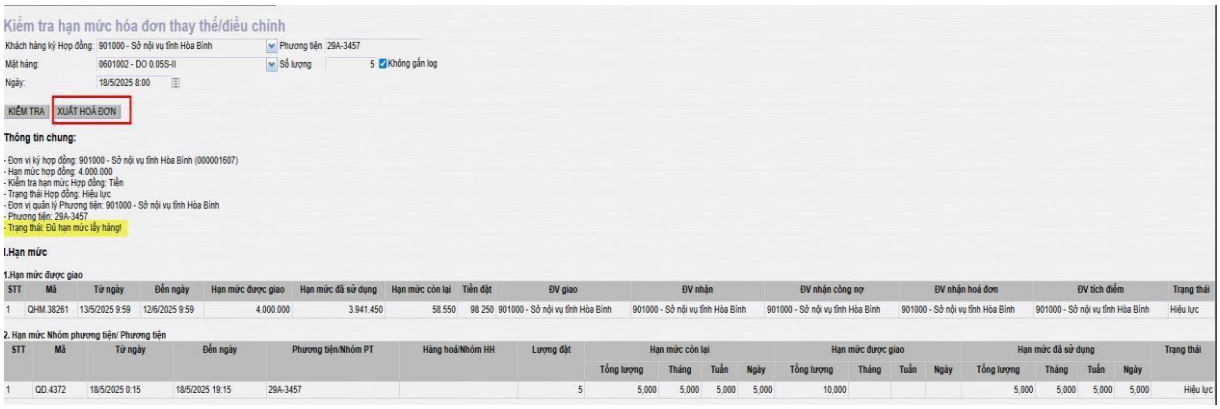


Bước 3: Click chọn "Kiểm tra"

Bước 4: Click chọn"Xuất hoa đơn"

**<u>Lưu ý:</u>**

- *Chỉ "xuất hóa đơn" chỉ được hiển thị khi đủ hạn mức lấy hàng.*

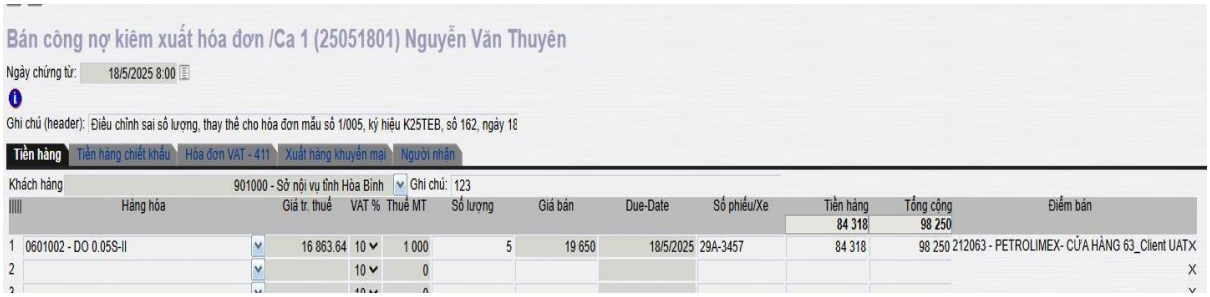

- *Mặc định thông tin hóa đơn theo màn hình kiểm tra hạn mức*
- *Khi lưu hóa đơn tự động đồng bộ sang Congdichvu và ESC*

### *d) Thay thế hóa đơn NMCLHD bằng log bơm của hóa đơn NMKLHD (gián tiếp)*

Bước 1 - Tìm hóa đơn NMKLHD cần thay thế → Kích chọn "Thay thế (Cũ-GT)"

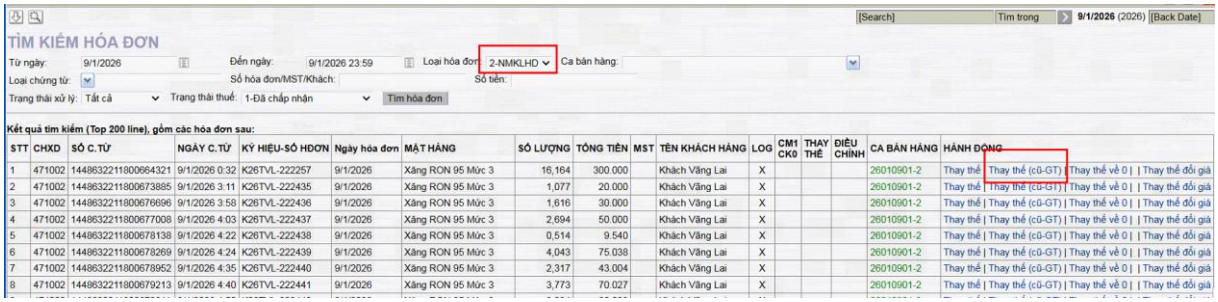


Bước 2 - chọn Tcode cần chuyển đổi → Kích chọn "Xác nhận"

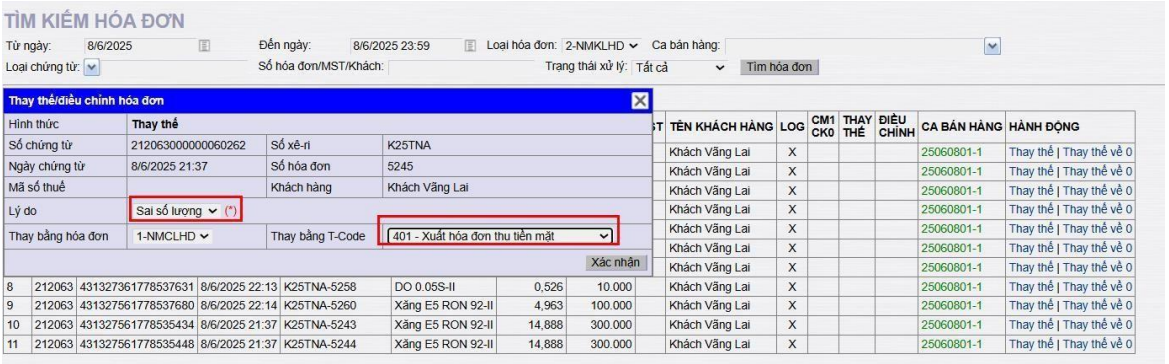


Bước 3 - Hệ thống tự động load thông tin tab "Hàng hóa" theo thông tin Log bơm của NMKLHD.

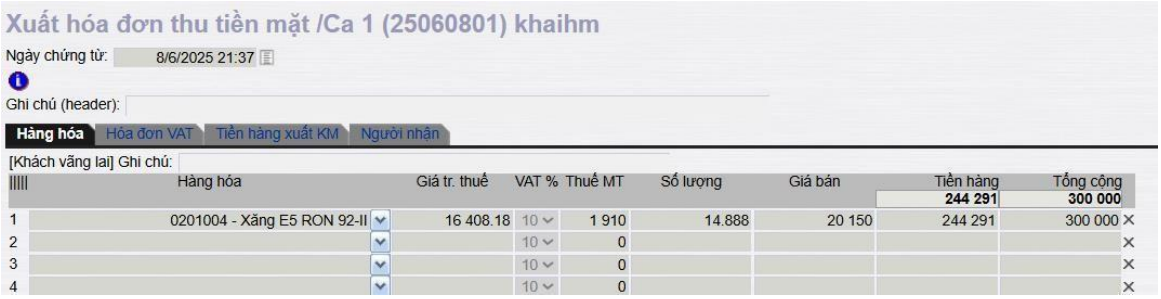


Các Tab còn lại, NSD nhập thông tin khách hàng cần xuất hóa đơn.

Bước 4 - Lưu chứng từ

**Kết quả sau khi thay thế hóa đơn gồm:**

- 01 hóa đơn NMKLHD có giá trị =0 để thay thế cho hóa đơn NMKLHD gốc
- và 01 hóa đơn NMCLHD gắn với Log bơm của hóa đơn gốc NMKLHD (hóa đơn này là hóa đơn phát hành mới, không phải là hóa đơn thay thế)

**<u>Lưu ý:</u>**

- *Ca bán hàng chưa phát sinh chứng từ 494 (Nếu có cần phải xóa 494 trước khi thực hiện)*
- *Ngày hóa đơn tại Tab "Hóa đơn VAT" là ngày hóa đơn gửi lên E-invoice).*

***e) Thay thế hóa đơn NMCLHĐ bằng log bơm của hóa đơn NMKLHĐ (trực tiếp)***

Bước 1 - Tìm hóa đơn NMKLHD cần thay thế → Kích chọn "Thay thế"

Bước 2 - chọn Tcode cần chuyển đổi → Kích chọn "Xác nhận"

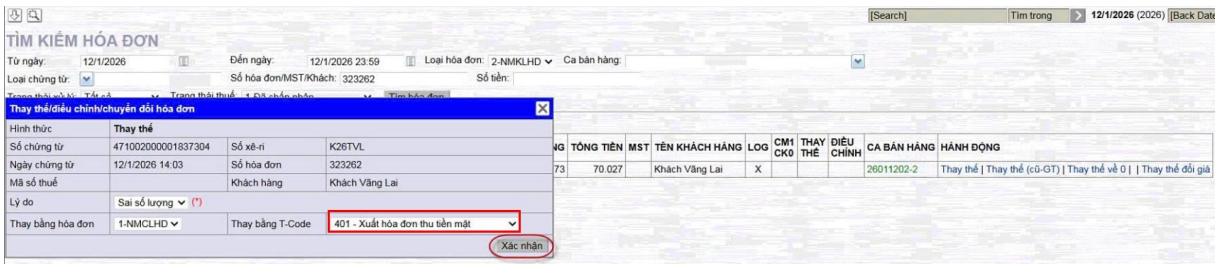


Bước 3 - Hệ thống tự động load thông tin tab "Hàng hóa" theo thông tin Log bơm của NMKLHD. Các Tab còn lại, NSD nhập thông tin khách hàng cần xuất hóa đơn.

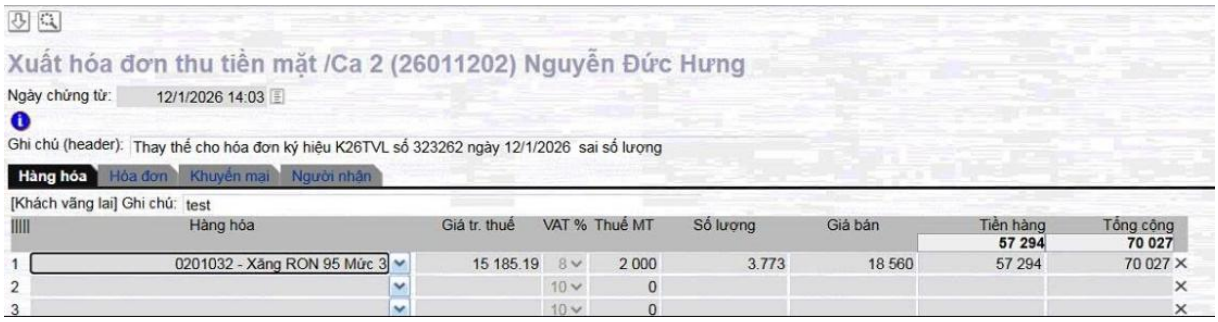


Bước 4 - Lưu chứng từ

**Kết quả sau khi thay thế hóa đơn gồm:** 01 hóa đơn NMCLHD thay thế cho hóa đơn gốc của NMKLHD và gắn với log bơm hóa đơn gốc

**<u>Lưu ý:</u>**

- *Ca bán hàng chưa phát sinh chứng từ 494 (Nếu có cần phải xóa 494 trước khi thực hiện)*
- *Ngày hóa đơn tại Tab "Hóa đơn VAT" là ngày hóa đơn gửi lên E-invoice).*

### *f) Thay thế hóa đơn NMCLHD giá trị = 0*

Bước 1 - Tìm hóa đơn NMCLHD cần thay thế → Kích chọn "Thay thế về 0"

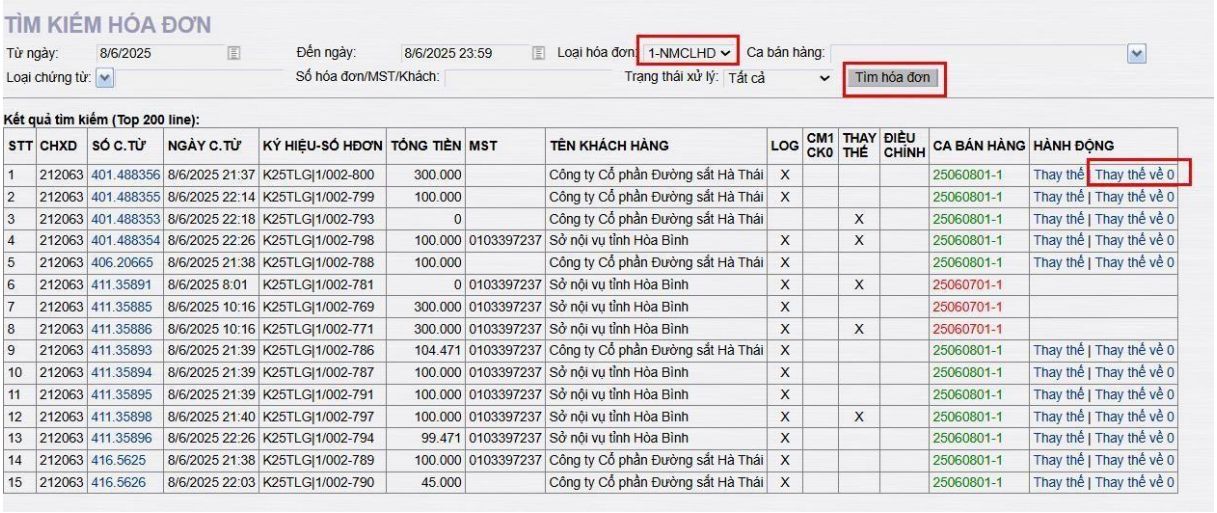


| STT | CHXD | SỐ C.TỪ | NGÀY C.TỪ | KÝ HIỆU-SỐ HĐƠN | TỔNG TIỀN | MST | TÊN KHÁCH HÀNG | LOG | CM1 CK0 | THAY THẾ | ĐIỀU CHỈNH | CA BÁN HÀNG | HÀNH ĐỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 212063 | 401.488356 | 8/6/2025 21:37 | K25TLG\|1/002-800 | 300.000 | | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 2 | 212063 | 401.488355 | 8/6/2025 22:14 | K25TLG\|1/002-799 | 100.000 | | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 3 | 212063 | 401.488353 | 8/6/2025 22:18 | K25TLG\|1/002-793 | 0 | | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | | | X | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 4 | 212063 | 401.488354 | 8/6/2025 22:26 | K25TLG\|1/002-798 | 100.000 | 0103397237 | Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình | X | | X | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 5 | 212063 | 406.20665 | 8/6/2025 21:38 | K25TLG\|1/002-788 | 100.000 | | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 6 | 212063 | 411.35891 | 8/6/2025 8:01 | K25TLG\|1/002-781 | 0 | 0103397237 | Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình | X | | X | | 25060701-1 | |
| 7 | 212063 | 411.35885 | 8/6/2025 10:16 | K25TLG\|1/002-769 | 300.000 | 0103397237 | Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình | X | | | | 25060701-1 | |
| 8 | 212063 | 411.35886 | 8/6/2025 10:16 | K25TLG\|1/002-771 | 300.000 | 0103397237 | Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình | X | | X | | 25060701-1 | |
| 9 | 212063 | 411.35893 | 8/6/2025 21:39 | K25TLG\|1/002-786 | 104.471 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 10 | 212063 | 411.35894 | 8/6/2025 21:39 | K25TLG\|1/002-787 | 100.000 | 0103397237 | Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 11 | 212063 | 411.35895 | 8/6/2025 21:39 | K25TLG\|1/002-791 | 100.000 | 0103397237 | Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 12 | 212063 | 411.35898 | 8/6/2025 21:40 | K25TLG\|1/002-797 | 100.000 | 0103397237 | Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình | X | | X | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 13 | 212063 | 411.35896 | 8/6/2025 22:26 | K25TLG\|1/002-794 | 99.471 | 0103397237 | Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 14 | 212063 | 416.5625 | 8/6/2025 21:38 | K25TLG\|1/002-789 | 100.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 15 | 212063 | 416.5626 | 8/6/2025 22:03 | K25TLG\|1/002-790 | 45.000 | | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |

Bước 2 - Nhập lý do cần thay thế → chọn OK/ Cancel

- OK: Nếu thực sự muốn thay thế hóa đơn về giá trị =0 → Chuyển sang bước 3
- Cancel: Hủy thao tác → Thoát khỏi thao tác

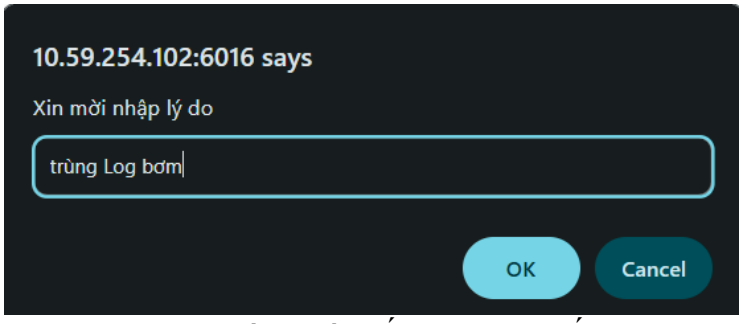


Bước 3 - Nhận thông báo kết quả thay thế

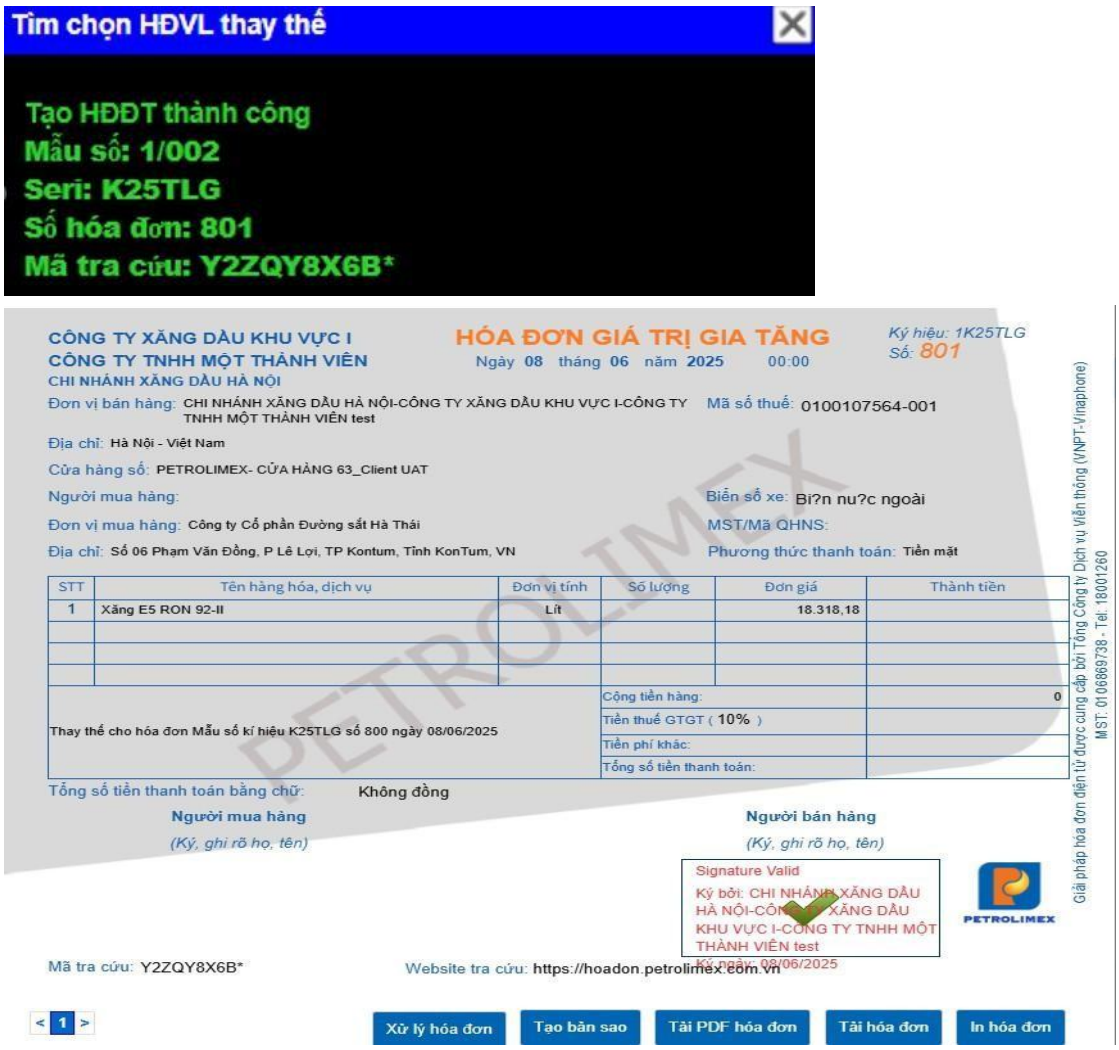


### *g) Thay thế hóa đơn NMCLHĐ đã thay thế giá trị = 0.*

Bước 1: Vào Menu "Uhome/Xuất hóa đơn thay thế" → Chọn Loại hóa đơn = 1-NMCLHD; trạng thái thuế = 1- Đã chấp nhận → Kích chọn "Thay thế về 0" với hóa đơn cần xử lý.

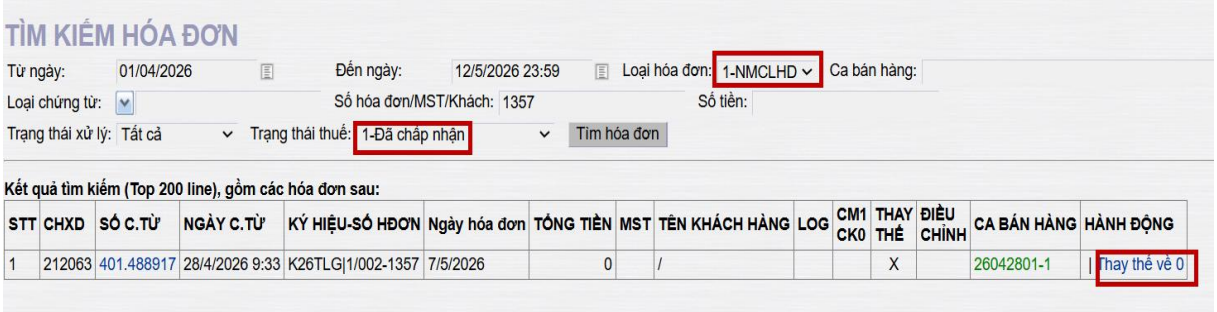


Nhập lý do thay thế

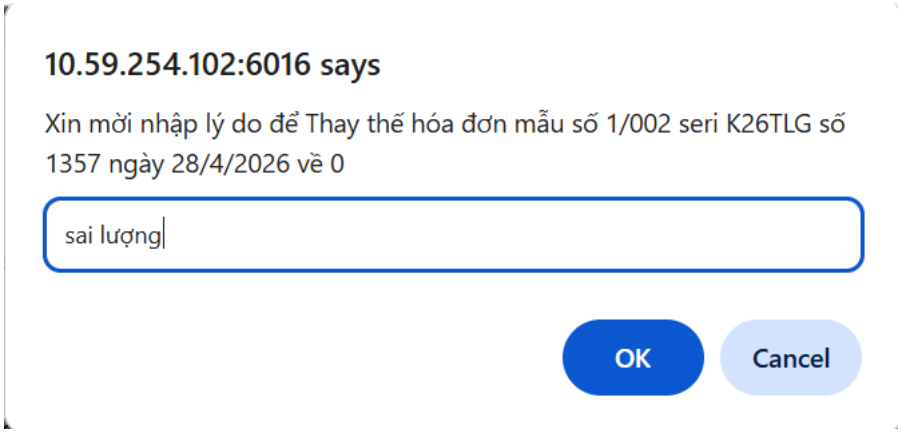


Thay thế thành công báo

***Lưu ý***:

- User được phân nhóm quyền "***INV0 - Thay thế 0***" Với các hóa đơn NMCLHD chỉ hiển thị chức năng **Thay thế về 0**, các chức năng Thay thế khác không hiển thị

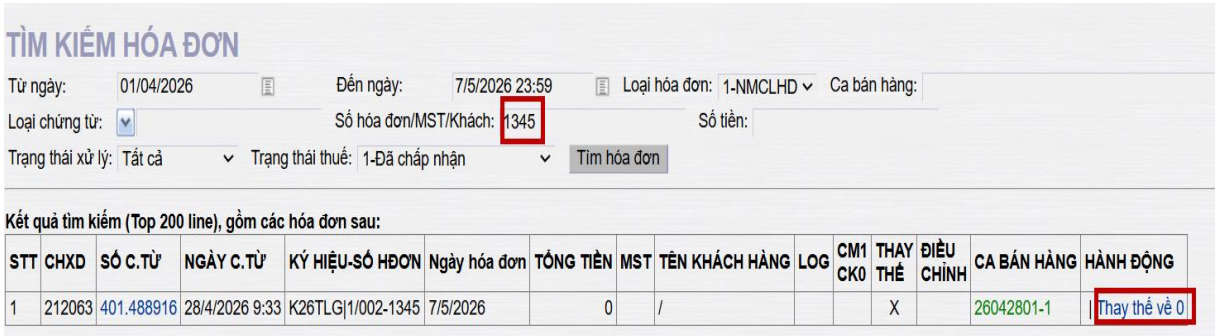


- Trường hợp làm thay thế cho các Tcode KM01, KM02 tại màn hình Tìm kiếm Thay thế hóa đơn cho phép hiển thị toàn bộ chức năng Thay thế

## 5.3 Thay thế hóa đơn NMKLHD

### 5.3.1 Mục đích

Áp dụng trong các trường hợp

- CHXD bị trùng Log bơm
- Hoặc 01 Log bơm vừa phát hành hóa đơn NMCLHD và NMKLHD

### 5.3.2 Điều kiện áp dụng

- Hóa đơn NMKLHD(493) phải nằm trong ca bán hàng đang mở và trạng thái thuế = “CQT Chấp nhận”
- Ca bán hàng chưa phát sinh chứng từ 494 (Nếu có cần phải xóa 494 trước khi thực hiện)
- Chỉ thực hiện tại Egas Client

### 5.3.3 Cách thực hiện

#### *a) Thay thế từng hóa đơn về giá trị = 0*

Bước 1 - Tìm hóa đơn NMKLHD cần thay thế → Kích chọn “Thay thế về 0”

| STT | | CHXD | SỐ C.TỪ | NGÀY C.TỪ | KÝ HIỆU-SỐ HĐƠN | Ngày hóa đơn | MẶT HÀNG | SỐ LƯỢNG | TỔNG TIỀN | MST | TÊN KHÁCH HÀNG | LOG | CM1 CK0 | THAY THẾ | ĐIỀU CHỈNH | CA BÁN HÀNG | HÀNH ĐỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | 212063 | 431326361783676743 | 4/8/2025 9:45 | K25TNA-8113 | 4/8/2025 | Xăng RON 95 Mức 3 | 17,045 | 375,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| Thay thế đổi giá |
| 2 | | 212063 | 431327491783676748 | 4/8/2025 9:46 | K25TNA-8115 | 4/8/2025 | Xăng RON 95 Mức 3 | 27,955 | 615,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| \| Thay thế đổi giá |
| 3 | | 212063 | 431326361783676167 | 4/8/2025 9:36 | K25TNA-7918 | 4/8/2025 | Xăng RON 95 Mức 3 | 17,045 | 375,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| \| Thay thế đổi giá |
| 4 | | 212063 | 431327491783676168 | 4/8/2025 9:36 | K25TNA-7919 | 4/8/2025 | Xăng RON 95 Mức 3 | 17,727 | 390,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| \| Thay thế đổi giá |
| 5 | | 212063 | 431327561783676168 | 4/8/2025 9:36 | K25TNA-7920 | 4/8/2025 | Xăng E5 RON 92 Mức 2 | 15,496 | 375,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| \| Thay thế đổi giá |
| 6 | | 212063 | 431327591783676169 | 4/8/2025 9:36 | K25TNA-7921 | 4/8/2025 | Xăng E5 RON 92 Mức 2 | 15,496 | 375,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| \| Thay thế đổi giá |
| 7 | | 212063 | 606701251783676170 | 4/8/2025 9:36 | K25TNA-7922 | 4/8/2025 | Dầu Điêzen 0,001S Mức 5 | 19,410 | 375,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| \| Thay thế đổi giá |
| 8 | | 212063 | 431326361783676177 | 4/8/2025 9:36 | K25TNA-7923 | 4/8/2025 | Xăng RON 95 Mức 3 | 17,045 | 375,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| \| Thay thế đổi giá |
| 9 | | 212063 | 431327491783676177 | 4/8/2025 9:36 | K25TNA-7924 | 4/8/2025 | Xăng RON 95 Mức 3 | 17,727 | 390,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| \| Thay thế đổi giá |
| 10 | | 212063 | 431327561783676178 | 4/8/2025 9:36 | K25TNA-7925 | 4/8/2025 | Xăng E5 RON 92 Mức 2 | 15,496 | 375,000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25080401-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 \| \| Thay thế đổi giá |

Bước 2 - Kích chọn OK/ Cancel

- OK: Nếu thực sự muốn thay thế hóa đơn về giá trị =0 → Chuyển sang bước 3
- Cancel: Hủy thao tác → Thoát khỏi thao tác

Bước 3 - Nhận thông báo kết quả thay thế

Hóa đơn thay thế

## Lưu ý:

- *Hóa đơn được thay thế được nằm tại chứng từ 493 của hóa đơn gốc.*
- *Hóa đơn đã thay thế = 0 có thể thay thế =0 nhiều lần.*

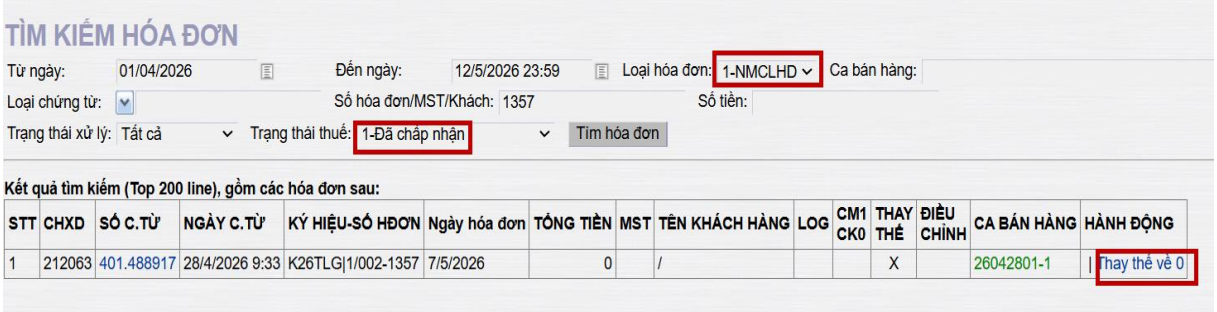


### b) *Thay thế nhiều hóa đơn về giá trị = 0*

B1: Thực hiện chọn thời gian có hóa đơn NMKLHD; loại hóa đơn: 2-NMKLHD:

B2: Chọn các hóa đơn cần thay thế về 0, nếu thay thế tất cả các hóa đơn đã tìm kiếm thì kích chọn nút trên cùng

B3: Kích chọn nút “Thay thế về 0” , hệ thống sẽ ra thông báo :

Kích chọn “OK” để thực hiện tiếp

- Hệ thống tự động tạo hóa đơn thay thế có số Lượng = Số tiền = 0 ( thực hiện tuần tự từng hóa đơn và thông báo kết quả từng hóa đơn)
- Tính lại giá trước thuế cho các hóa đơn thay thế NMKLHD:

  Giá trước thuế = Round(Giá bán / (1+ Mức VAT) - Mức BVMT,4)
- Chứng từ 493 có chứa hóa đơn gốc: Tự động tính toán lại theo số lượng, số tiền đã thay thế
- Hệ thống thông báo kết quả thành công cùng thông tin từng hóa đơn thay thế:

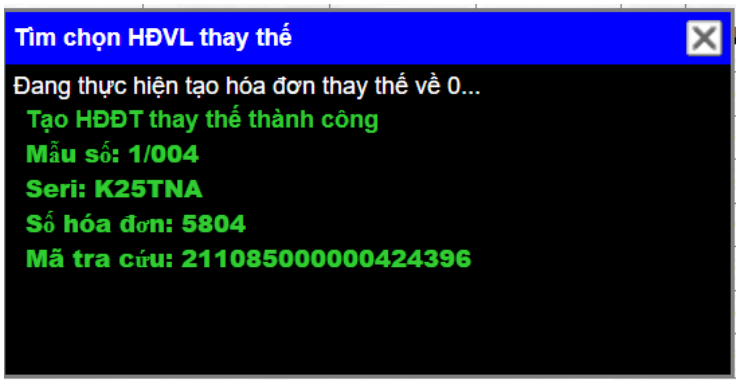


**<u>Lưu ý:</u>**

- *User thực hiện cần được phân quyền MIR - Multi Invoices Replace*
- *Hóa đơn được thay thế được nằm tại chứng từ 493 của hóa đơn gốc.*
- *Chức năng tìm kiếm hóa đơn hiển thị hóa đơn đã thay thế = 0 để thực hiện thay thế nhiều lần.*

### *c) Thay thế đổi giá cho từng hóa đơn*

Menu: Uhome/ Xuất hóa đơn thay thế

Bước 1 - Tìm hóa đơn NMKLHD cần thay thế → Kích chọn “Thay thế đổi giá”

| STT | CHXD | SỐ C.TỪ | NGÀY C.TỪ | KÝ HIỆU-SỐ HĐƠN | MẶT HÀNG | SỐ LƯỢNG | TỔNG TIỀN | MST | TÊN KHÁCH HÀNG | LOG | CM1 CK0 | THAY THẾ | ĐIỀU CHỈNH | CA BÁN HÀNG | HÀNH ĐỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 212063 | 431327561778535472 | 8/6/2025 21:37 | K25TNA-5246 | Xăng E5 RON 92-II | 14,888 | 300.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 2 | 212063 | 431327561778535493 | 8/6/2025 21:38 | K25TNA-5247 | Xăng E5 RON 92-II | 4,963 | 100.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 3 | 212063 | 431327561778535520 | 8/6/2025 21:38 | K25TNA-5250 | Xăng E5 RON 92-II | 26,799 | 540.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 4 | 212063 | 431327561778535681 | 8/6/2025 21:41 | K25TNA-5252 | Xăng E5 RON 92-II | 20,099 | 405.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 5 | 212063 | 431327361778537025 | 8/6/2025 22:03 | K25TNA-5256 | DO 0.05S-II | 0,526 | 10.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 6 | 212063 | 431326361778537616 | 8/6/2025 22:13 | K25TNA-5257 | Xăng RON95-III | 14,286 | 300.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 7 | 212063 | 431327361778537631 | 8/6/2025 22:13 | K25TNA-5258 | DO 0.05S-II | 0,526 | 10.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 8 | 212063 | 431327561778537680 | 8/6/2025 22:14 | K25TNA-5260 | Xăng E5 RON 92-II | 4,963 | 100.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 9 | 212063 | 431327561778535434 | 8/6/2025 21:37 | K25TNA-5243 | Xăng E5 RON 92-II | 14,888 | 300.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |
| 10 | 212063 | 431327561778535448 | 8/6/2025 21:37 | K25TNA-5244 | Xăng E5 RON 92-II | 14,888 | 300.000 | | Khách Vãng Lai | X | | | | 25060801-1 | Thay thế \| Thay thế về 0 |

Bước 2 - Kích chọn OK/ Cancel

- OK: Nếu thực sự muốn thay thế hóa đơn → Chuyển sang bước 3
- Cancel: Hủy thao tác → Thoát khỏi thao tác

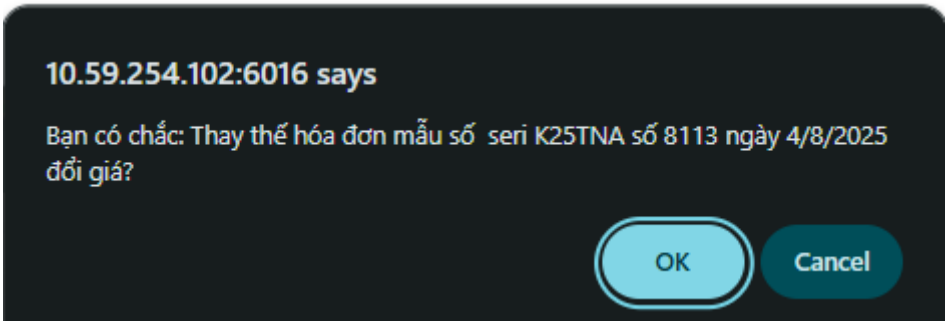


Bước 3 - Nhận thông báo kết quả thay thế

**<u>Lưu ý:</u>**

*Áp dụng trong các trường hợp hóa đơn NMKLHD phát hành bị sai giá bán*

*Hóa đơn NMKLHD thay thế cho hóa đơn NMKLHD gốc bị sai giá:*

- *Ngày hóa đơn = Thời điểm thay thế (Sysdate)*
- *Số lượng = Số lượng của hóa đơn gốc*
- *Các thành phần tiền (Tiền hàng, tiền thuế, tổng tiền) tự động tính toán theo hồ sơ giá được xác định tại thời điểm bắt đầu của log bơm.*
- *Tính lại giá trước thuế của hóa đơn NMKLHD:*
    - *Giá trước thuế = Round(Giá bán / (1+ Mức VAT) - Mức BVMT,4)*

*Hóa đơn thay thế được nằm tại chứng từ 493 của hóa đơn gốc.*

### d) *Thay thế đổi giá cho nhiều hóa đơn*

Bước 1 - Tìm hóa đơn NMKLHD cần thay thế → Tích chọn các hóa đơn cần thay thế (nếu thay thế tất cả các hóa đơn trong danh sách tìm kiếm thì tích chọn nút trên cùng

Hệ thống hỗ trợ tìm nhiều hóa đơn bằng cách nhập nhiều số hóa đơn, mỗi số cách nhau bằng dấu phẩy

B2: Kích chọn nút → Kích chọn OK/ Cancel:

- OK: Nếu thực sự muốn thay thế hóa đơn → Chuyển sang bước 3
- Cancel: Hủy thao tác → Thoát khỏi thao tác

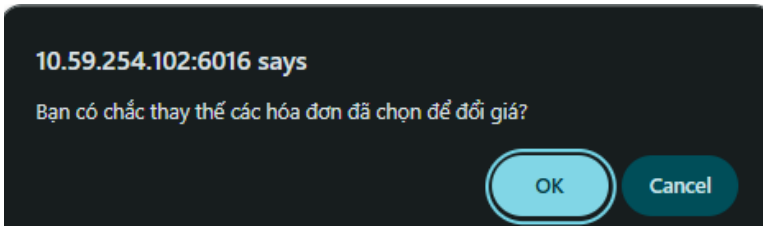


Bước 3 - Nhận thông báo kết quả thay thế

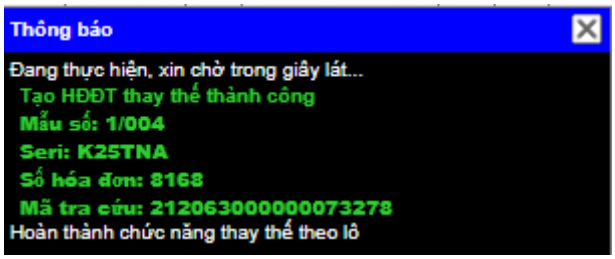


- Hệ thống tự động tạo hóa đơn thay thế đổi giá (thực hiện tuần tự từng hóa đơn và thông báo kết quả từng hóa đơn)
- Chứng từ 493 có chứa hóa đơn thay thế: Tự động tính toán lại theo số lượng, số tiền đã thay thế

### e) *Thay thế hóa đơn NMKLHĐ đã thay thế giá trị = 0*

Bước 1: Vào Menu "Uhome/Xuất hóa đơn thay thế" → Chọn Loại hóa đơn = 1-NMKLHD; trạng thái thuế = 1- Đã chấp nhận → Kích chọn "***Thay thế về 0***" hoặc "***Thay thế đổi giá***" với hóa đơn cần xử lý.

***Thực hiện chức năng Thay thế về 0***

Nhập lý do cần Thay thế

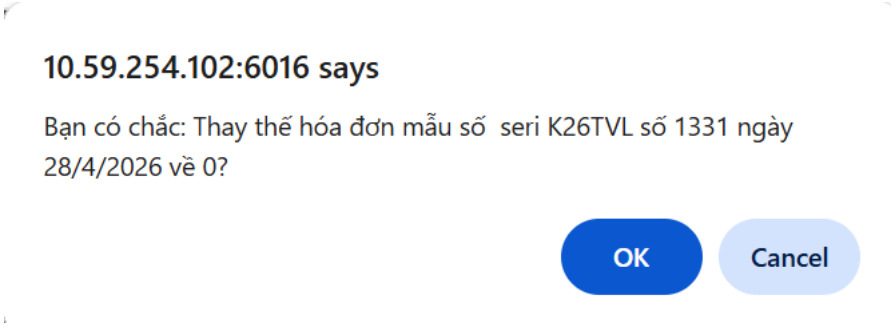


Màn hình thông báo Thay thế thành công

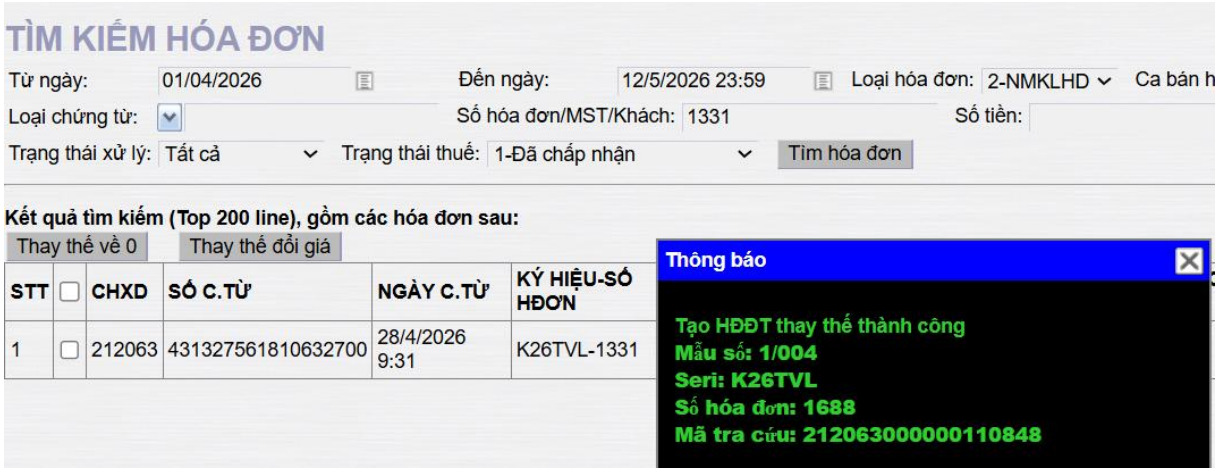


***Thực hiện chức năng Thay thế đổi giá***

Màn hình hỏi lại có chắc thực hiện Thay đổi giá

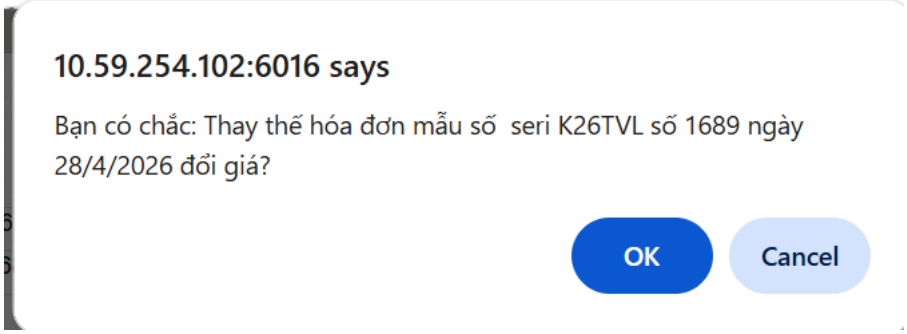

Màn hình thay thế đổi giá thành công

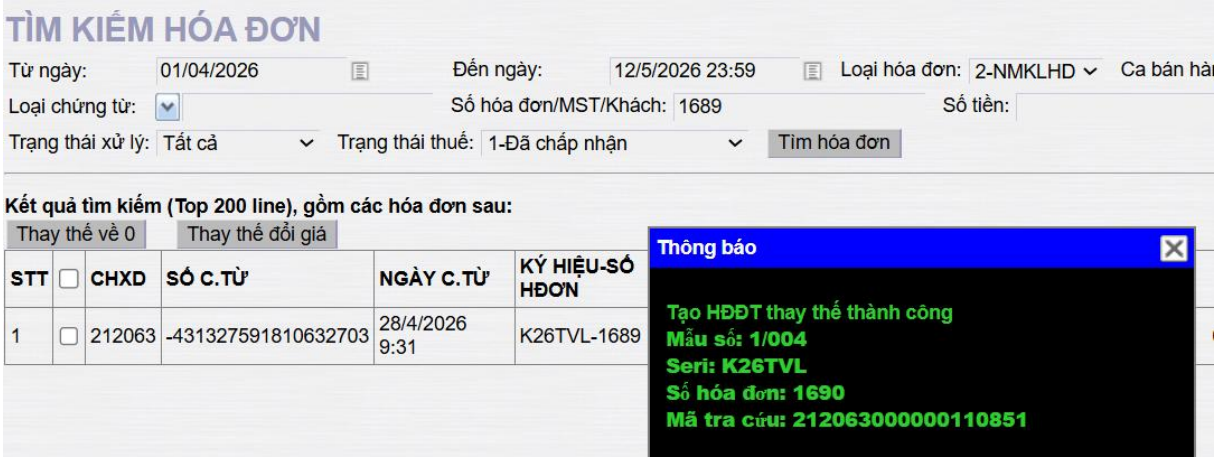


***Lưu ý:***

- User được phân nhóm quyền "***INV0 - Thay thế 0***" Với các hóa đơn NMKLHD chỉ hiển thị chức năng **Thay thế về 0** hoặc **Thay thế đổi giá,** các chức năng Thay thế khác không hiển thị.

## 5.4 Xử lý sự cố thay thế hóa đơn

Khi phát hành hóa đơn lỗi tạo

Xử lý sự cố hóa đơn Ca bán hàng: Ca bán hàng\Menu Uhome\Tab Bke hóa đơn

Xử lý sự cố hóa đơn Cửa hàng: Menu Hệ thống\E INVC\Xử lý sự cố hóa đơn

| # | Số c/từ | Mã lỗi | Seri | Số h/đơn | Ngày | Đối tượng | MST | Hàng hóa Dịch vụ | Tiền hàng | Thuế suất | Tiền thuế | Mã tra cứu | Trạng thái thuế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 411.35816 | 3 - Lỗi tạo | EINVERROR | 411.35816 | 26/5/2025 | Khách test 3 | 0103397237 | DO 0.05S-II | 399.715,00 | | 39.971,00 | HAVQY8X6B* | N/A |
| 2 | 411.35817 | 3 - Lỗi tạo | EINVERROR | 411.35817 | 26/5/2025 | Khách test 3 | 0103397237 | DO 0.05S-II | (399.715,00) | | (39.971,00) | KAVQY8X6B* | N/A |

**<u>Chú ý:</u>** *Với khách hàng NMKLHD: chỉ thực hiện xử lý sự cố ở menu: Hệ thống/ E-invoice/ Xử lý sự cố hóa đơn.*

## 5.5 Chuyển đổi hạch toán (Chuyển đổi Tcode) cho hóa đơn

### 5.5.1 Mục đích:

Áp dụng trong các trường hợp không thay đổi nội dung trên hóa đơn nhưng cần điều chỉnh thông tin hạch toán trên hệ thống EGAS, ví dụ như:

- Sai hình thức thanh toán
- Sai đối tượng khách hàng (Ví dụ: công nợ → vãng lai, vãng lai → công nợ)

Cách thức thực hiện tương tự như thay thế hóa đơn, nhưng không phát hành hóa đơn thay thế mà gắn với hóa đơn gốc

### 5.5.2 Điều kiện áp dụng:

Ca bán hàng mở và trạng thái thuế = "CQT Chấp nhận"

Hóa đơn gốc chưa được thay thế, điều chỉnh

- Hóa đơn đã chuyển đổi hạch toán → được thay thế, điều chỉnh.
- Hóa đơn đã thay thế, điều chỉnh → không được chuyển đổi hạch toán

Thực hiện tại Egas Client hoặc Egas Center

### 5.5.3 Cách thức thực hiện

Bước 1: Vào Menu "Uhome/Xuất hóa đơn thay thế" → Chọn Loại hóa đơn = 1-NMCLHD; trạng thái thuế = 1- Đã chấp nhận → Kích chọn "Chuyển T-code" với hóa đơn cần xử lý.

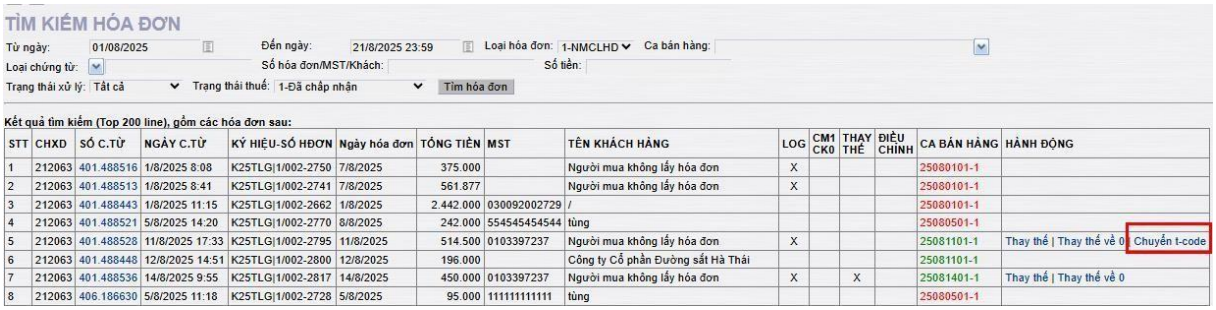


Bước 2: Chọn Tcode cần chuyển đổi → Kích chọn "Xác nhận"

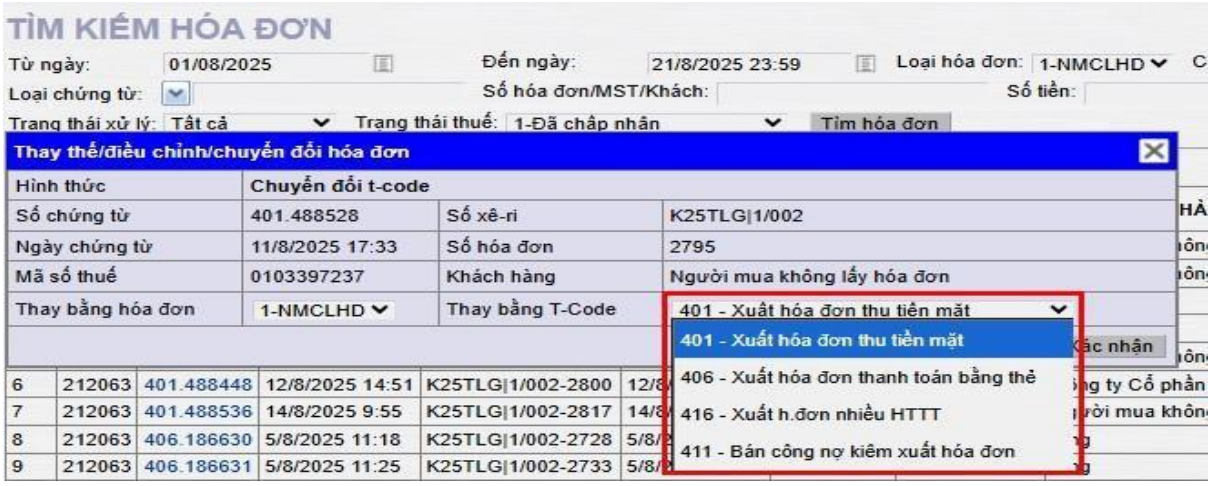


Bước 3: Hệ thống hiển thị giao diện theo Tcode chuyển đổi.

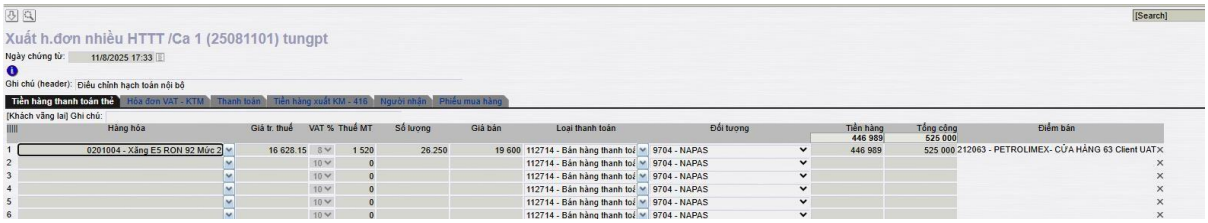


- Mặc định, hệ thống lấy toàn bộ thông tin hàng hóa, hóa đơn từ chứng từ gốc. Không cho NSD thay đổi thông tin liên quan đến hàng hóa và hóa đơn.

Bước 4: Kích chọn nút "Lưu" để thực hiện chuyển Tcode

**<u>Lưu ý</u>**: *Khi chuyển đổi Tcode hệ thống sẽ kiểm tra công nợ khách (nếu có) tại bước lưu chứng từ. Nếu còn hạn mức công nợ cho phép lưu chứng từ. Ngược lại, thông báo "Khách không đủ hạn mức".*

## 5.6 Điều chỉnh hóa đơn (INVC)

### 5.6.1 Mục đích

Thực hiện điều chỉnh hóa đơn bị sai thông tin MST hoặc mã QHNS

### 5.6.2 Điều kiện áp dụng:

Hóa đơn được thuế chấp nhận

Không phải hóa đơn thay thế

### 5.6.3 Cách thức thực hiện:

Bước 1: Vào Menu “Uhome/ Xuất hóa đơn điều chỉnh

- Thực hiện cập nhật các thông tin tìm kiếm: từ ngày, đến ngày, …. Trạng thái, trạng thái thuế.
- Chỉ cho phép tích chọn để điều chỉnh đối với các hóa đơn thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:
  - Hóa đơn được thuế chấp nhận
  - Không phải hóa đơn thay thế
- Các hóa đơn không thỏa điều kiện trên sẽ: Không cho phép tích chọn

Bước 2 : Chọn hóa đơn cần điều chỉnh MST/ QHNS và cập nhật thông tin tại tab “Hóa đơn VAT – không thuế”

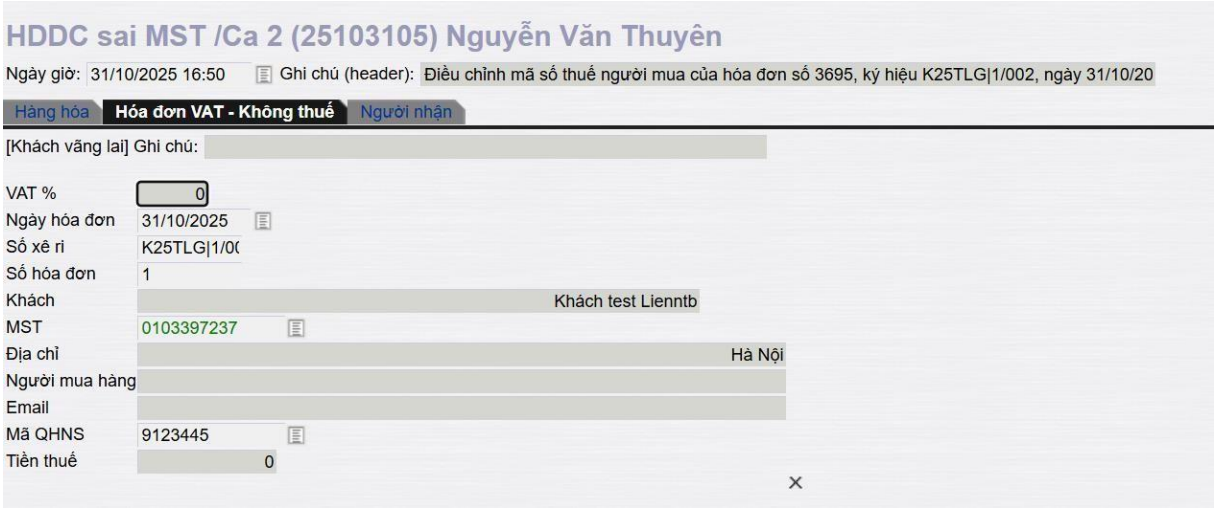


Kiểm tra cập nhật thông tin tab “Người nhận”

Bước 3: Kích nút lưu để tạo HD điều chỉnh.

## 5.7 Xử lý hóa đơn bị thuế từ chối

### 5.7.1 Hóa đơn thay thế NMKLHD bị thuế từ chối

Kiểm tra hóa đơn trên trang https://hoadondientu.gdt.gov.vn/ đảm bảo hóa đơn bị thuế từ chối

Điều kiện thực hiện:

- Trạng thái Ca bán hàng = Mở ca
- Ca bán hàng không có 494. Nếu có 494 cần xóa trước khi thực hiện
- Thực hiện tại Egas Client
- User thực hiện được phân quyền MIR

Cách thực hiện:

B1: Vào menu: Uhome/Xuất hóa đơn thay thế → Chọn Loại hóa đơn = 2-NMKLHD; Trạng thái xử lý = Thay thế; trạng thái thuế = 0-Không chấp nhận

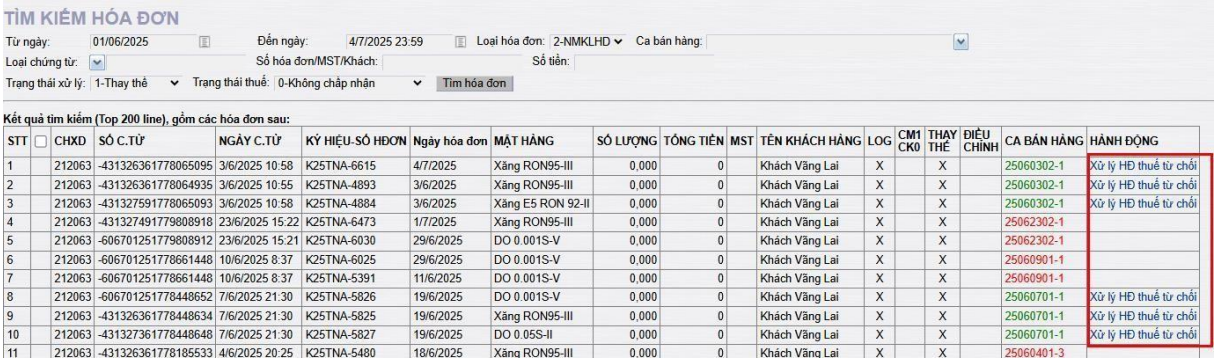


| STT | | CHXD | SỐ C.TỪ | NGÀY C.TỪ | KÝ HIỆU-SỐ HĐƠN | Ngày hóa đơn | MẶT HÀNG | SỐ LƯỢNG | TỔNG TIỀN | MST | TÊN KHÁCH HÀNG | LOG | CM1 CK0 | THAY THẾ | ĐIỀU CHỈNH | CA BÁN HÀNG | HÀNH ĐỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | 212063 | -431326361778065095 | 3/6/2025 10:58 | K25TNA-6615 | 4/7/2025 | Xăng RON95-III | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25060302-1 | Xử lý HĐ thuế từ chối |
| 2 | | 212063 | -431326361778064935 | 3/6/2025 10:55 | K25TNA-4893 | 3/6/2025 | Xăng RON95-III | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25060302-1 | Xử lý HĐ thuế từ chối |
| 3 | | 212063 | -431327591778065093 | 3/6/2025 10:58 | K25TNA-4884 | 3/6/2025 | Xăng E5 RON 92-II | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25060302-1 | Xử lý HĐ thuế từ chối |
| 4 | | 212063 | -431327491779808918 | 23/6/2025 15:22 | K25TNA-6473 | 1/7/2025 | Xăng RON95-III | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25062302-1 | |
| 5 | | 212063 | -606701251779808912 | 23/6/2025 15:21 | K25TNA-6030 | 29/6/2025 | DO 0.001S-V | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25062302-1 | |
| 6 | | 212063 | -606701251778661448 | 10/6/2025 8:37 | K25TNA-6025 | 29/6/2025 | DO 0.001S-V | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25060901-1 | |
| 7 | | 212063 | -606701251778661448 | 10/6/2025 8:37 | K25TNA-5391 | 11/6/2025 | DO 0.001S-V | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25060901-1 | |
| 8 | | 212063 | -606701251778448652 | 7/6/2025 21:30 | K25TNA-5826 | 19/6/2025 | DO 0.001S-V | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25060701-1 | Xử lý HĐ thuế từ chối |
| 9 | | 212063 | -431326361778448634 | 7/6/2025 21:30 | K25TNA-5825 | 19/6/2025 | Xăng RON95-III | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25060701-1 | Xử lý HĐ thuế từ chối |
| 10 | | 212063 | -431327361778448648 | 7/6/2025 21:30 | K25TNA-5827 | 19/6/2025 | DO 0.05S-II | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25060701-1 | Xử lý HĐ thuế từ chối |
| 11 | | 212063 | -431326361778185533 | 4/6/2025 20:25 | K25TNA-5480 | 18/6/2025 | Xăng RON95-III | 0,000 | 0 | | Khách Vãng Lai | X | | X | | 25060401-3 | |

B2: Kích chọn "Xử lý HĐ thuế từ chối" với hóa đơn cần xử lý

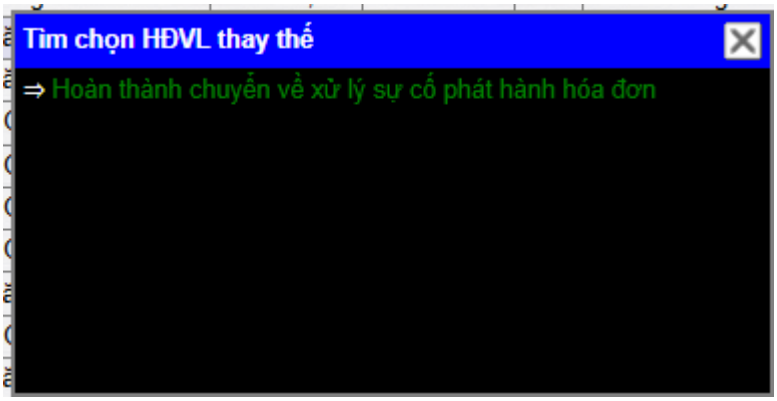


B3: Vào menu: Hệ thống/ E-invoice/ Xử lý sự cố hóa đơn → Chọn “Xử lý sự cố thay thế hóa đơn khách vãng lai” → Chọn Trạng thái = Lỗi thay thế → Tích chọn vào hóa đơn vừa xử lý → Chọn "Gửi xử lý"

| # | Số c/từ | Mã lỗi | Seri | Số h/đơn | Ngày | Đối tượng | MST | Hàng hóa Dịch vụ | Tiền hàng | Thuế suất | Tiền thuế | Mã tra cứu | Trạng thái thuế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | -431326361778065095 | 3 - Lỗi thay thế | | | 3/6/2025 | Khách Vãng Lai | | Xăng RON95-III | | 10,00 | | -431326361778065095 | N/A |
| 2 | -431327561778065145 | 3 - Lỗi thay thế | | | 3/6/2025 | Khách Vãng Lai | | Xăng E5 RON 92-II | | 10,00 | | -431327561778065145 | N/A |
| 3 | -606701251778065157 | 3 - Lỗi thay thế | | | 3/6/2025 | Khách Vãng Lai | | DO 0.001S-V | | 10,00 | | -606701251778065157 | N/A |
| 4 | -431327491778448627 | 3 - Lỗi thay thế | | | 7/6/2025 | Khách Vãng Lai | | Xăng RON95-III | | 10,00 | | -431327491778448627 | N/A |
| 5 | -431326361778448746 | 3 - Lỗi thay thế | | | 7/6/2025 | Khách Vãng Lai | | Xăng RON95-III | | 10,00 | | -431326361778448746 | N/A |
| 6 | -431327491778661446 | 3 - Lỗi thay thế | | 0 | 10/6/2025 | Khách Vãng Lai | | Xăng RON95-III | | 10,00 | | -431327491778661446 | N/A |
| 7 | 606701251778348983 | 3 - Lỗi thay thế | K25TNA\|1/004 | 5133 | 6/6/2025 | Khách Vãng Lai | | DO 0.001S-V | 231.818,00 | 10,00 | 23.182,00 | 606701251778348983 | HĐLH - Đã gửi |

B4: Kiểm tra hóa đơn tồn tại trên trang https://hoadondientu.gdt.gov.vn/

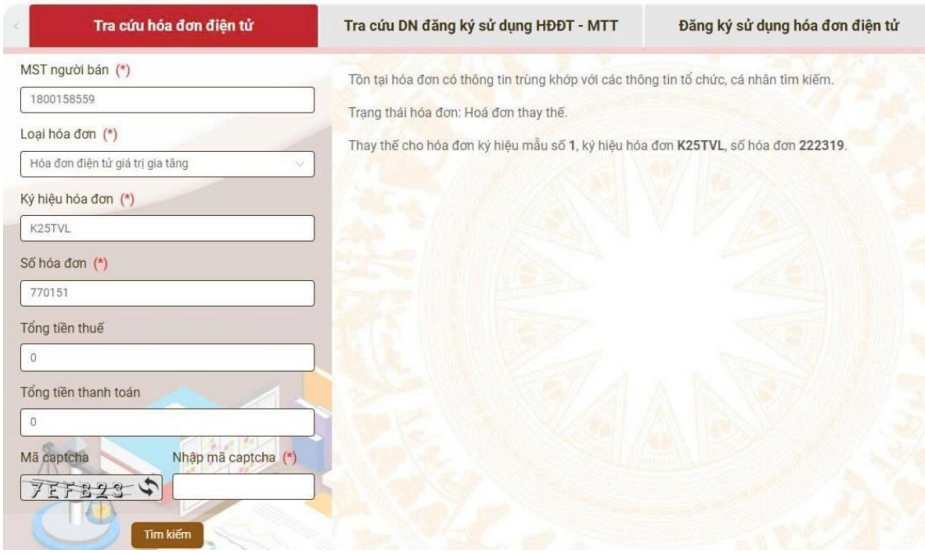


### 5.7.2 Hóa đơn thay thế NMCLHD bị thuế từ chối

Kiểm tra hóa đơn trên trang https://hoadondientu.gdt.gov.vn/ đảm bảo hóa đơn bị thuế từ chối

Cách thức xử lý:

- Hóa đơn thay thế bị từ chối: Chuyển từ “Lưu hành” sang “Hủy”

- Hóa đơn bị thay thế (hóa đơn gốc): Khôi phục hóa đơn gốc (chuyển từ "Hủy" sang "Lưu hành")

Điều kiện thực hiện:

- Tại E-invoice: Đã khôi phục hóa đơn gốc, hủy hóa đơn thay thế
  - Trạng thái hóa đơn gốc = Lưu hành hoặc Thay thế;
  - Trạng thái thuế hóa đơn gốc = Chấp nhận.
  - Trạng thái hóa đơn thay thế = Hủy.
- Tại EGAS:
  - Log bơm được gắn vào hóa đơn gốc chưa được gắn cho chứng từ khác
  - Trạng thái Ca bán hàng = Mở ca
  - Thực hiện tại Egas Client/ Center

Cách thực hiện

- Bước 1: Vào Menu "Uhome/Xuất hóa đơn thay thế" → Chọn Loại hóa đơn = 1-NMCLHD; Trạng thái xử lý = Thay thế; trạng thái thuế = 0- Không chấp nhận

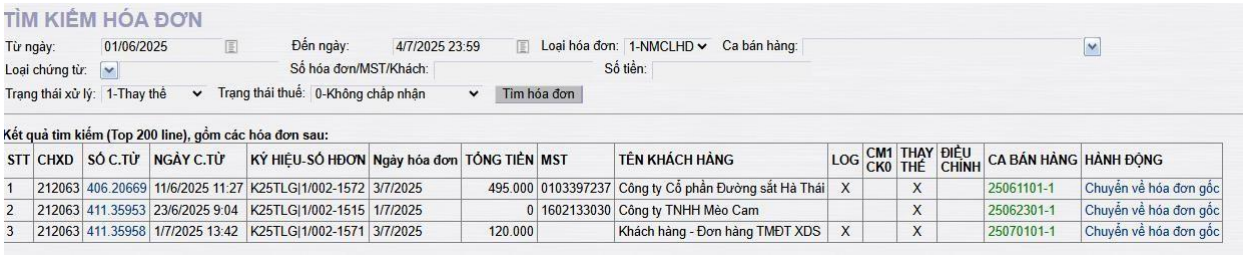


| STT | CHXD | SỐ C.TỪ | NGÀY C.TỪ | KÝ HIỆU-SỐ HĐƠN | Ngày hóa đơn | TỔNG TIỀN | MST | TÊN KHÁCH HÀNG | LOG | CM1 CK0 | THAY THẾ | ĐIỀU CHỈNH | CA BÁN HÀNG | HÀNH ĐỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 212063 | 406.20669 | 11/6/2025 11:27 | K25TLG\|1/002-1572 | 3/7/2025 | 495.000 | 0103397237 | Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái | X | | X | | 25061101-1 | Chuyển về hóa đơn gốc |
| 2 | 212063 | 411.35953 | 23/6/2025 9:04 | K25TLG\|1/002-1515 | 1/7/2025 | 0 | 1602133030 | Công ty TNHH Mèo Cam | | | X | | 25062301-1 | Chuyển về hóa đơn gốc |
| 3 | 212063 | 411.35958 | 1/7/2025 13:42 | K25TLG\|1/002-1571 | 3/7/2025 | 120.000 | | Khách hàng - Đơn hàng TMĐT XDS | X | | X | | 25070101-1 | Chuyển về hóa đơn gốc |

- Bước 2: Kích chọn "Chuyển về hóa đơn gốc" với hóa đơn cần xử lý.
- Bước 3: Hệ thống thông báo kết quả:
  - 1- Khôi phục hóa đơn gốc thành công: Hóa đơn thay thế bị hủy, hóa đơn gốc của hóa đơn thay thế được chuyển từ trạng thái hủy về trạng thái Lưu hành

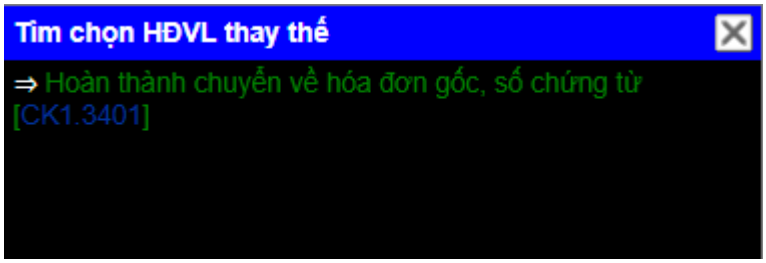


  - 2 - Không khôi phục thành công:
    - Nguyên nhân do E-invoice chưa đủ điều kiện khôi phục hóa đơn gốc → Cần thực hiện khôi phục hóa đơn gốc và hủy hóa đơn thay thế tại E-invoice trước khi thực hiện tại EGAS

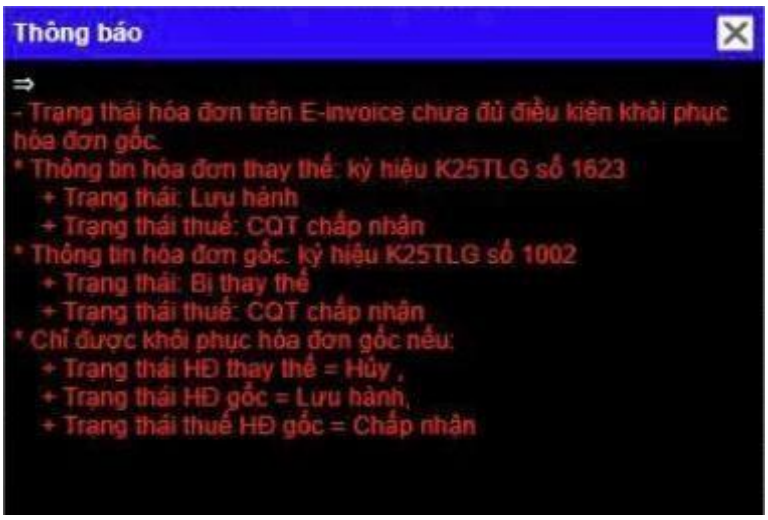


- Nguyên nhân do Log bơm của hóa đơn gốc đã được gắn sang chứng từ khác

# 6 PHÁT HÀNH HÓA ĐƠN CHO KHÁCH HÀNG CÓ MÃ QUAN HỆ NGÂN SÁCH

## 6.1 Mục đích

Trường hợp người mua là đơn vị có quan hệ ngân sách thì tên, địa chỉ, mã số đơn vị có quan hệ ngân sách thể hiện trên hóa đơn phải ghi mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách được cấp.

## 6.2 Đường dẫn

Menu: Tại màn hình Tcode xuất hóa đơn

Người thực hiện: CHXD

Quyền thực hiện: CH1 - Trưởng ca, Nghiệp vụ, CHT

## 6.3 Hướng dẫn chi tiết

Lập hóa đơn cho người mua là đơn vị có quan hệ ngân sách

- Bước 1: Tab Hàng hóa nhập các thông tin mua hàng

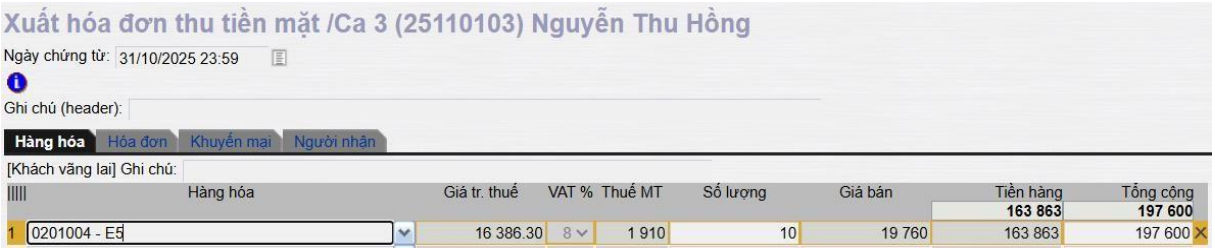


- Bước 2: Tab Hóa đơn VAT
  - MST: mã số thuế của khách (không bắt buộc nhập).
  - Mã QHNS: nhập mã QHNS bao gồm 7 chữ số.
  - Với Tcode 411 thông tin này được lấy từ danh mục khách và không được sửa

- Bước 3: Tab Người nhận
  - Đối tượng: Chọn đơn vị có QHNS
  - Số xe: Bắt buộc nhập

- Bước 4: Chọn lưu chứng từ.

- Hóa đơn in ra đủ thông tin MST và mã QHNS nếu thực hiện cập nhật cả 2 thông tin tại tab "Hoá đơn VAT" :

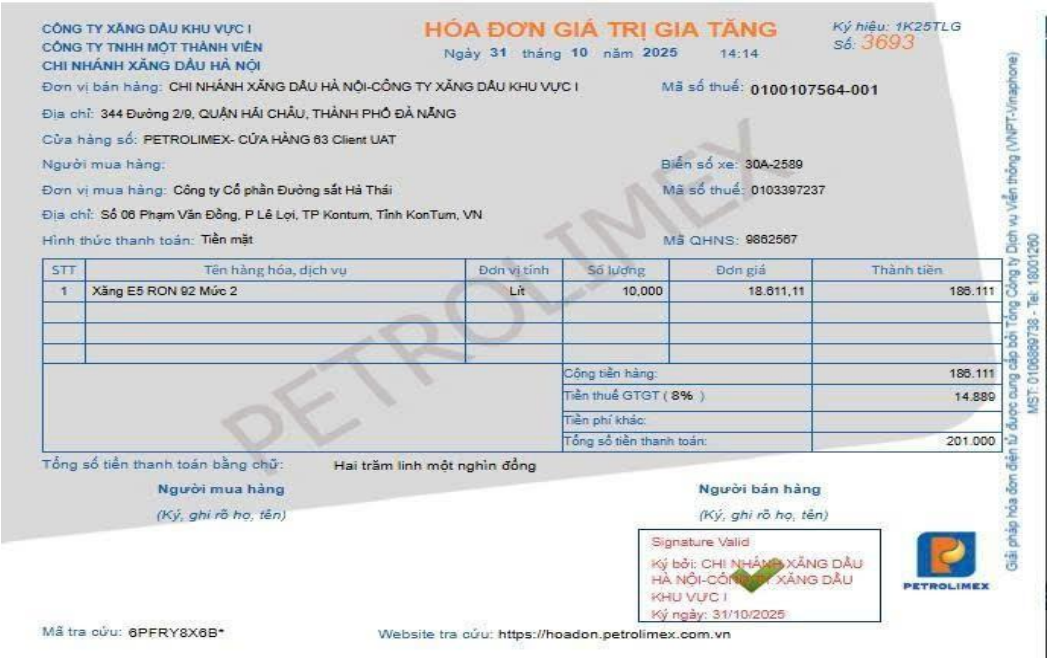

# 7 CHỨC NĂNG TÍCH HỢP DỮ LIỆU TỰ ĐỘNG

## 7.1 Xác nhận trạng thái dữ liệu để kiểm soát tích hợp

### 7.1.1 Mục đích

CHXD/ Ca bán hàng xác nhận đã hoàn thành dữ liệu, sẵn sàng tích hợp SAP. Dữ liệu được xác nhận chỉ bao gồm dữ liệu được tích hợp SAP

Người quản lý dữ liệu luôn nhận được mail thông báo tình hình dữ liệu ca bán hàng kịp thời nhất cho đến khi tích hợp thành công lên SAP

### 7.1.2 Hướng dẫn chi tiết

Bước 1: Cuối ca/ cuối ngày, Ca/ CHXD tổng hợp dữ liệu gửi lên EGAS Center(bao gồm dữ liệu ca bán hàng và ngoài ca bán hàng). Người dùng có thể gửi nhiều lần

Bước 2: Định kỳ hàng ngày (từ 1h00-06h00), hệ thống tự động so sánh dữ liệu tại Center với dữ liệu Tổng hợp của từng CHXD, nếu:

- Dữ liệu đủ → Hệ thống tự động tích hợp dữ liệu sang HTTG của SAP.
- Nếu dữ liệu chưa đủ hoặc Ca/CHXD chưa gửi dữ liệu tổng hợp → Hệ thống ghi nhận để gửi mail sau này.

**<u>Lưu ý:</u>** *Nếu SAP đã lấy số liệu, thì khi có thay đổi dữ liệu, cần thực hiện tích hợp thủ công*

#### *a) Xác nhận dữ liệu ca bán hàng*

Đường dẫn: Tại màn hình Uhome/ Gửi dữ liệu tích hợp (sau menu "Sổ giao ca"). Menu này chỉ xuất hiện nếu ca đã được đóng

Người thực hiện: CHXD

Quyền thực hiện: CH1 - Trưởng ca

Bước 1: Vào ***Gửi dữ liệu tích hợp***

Bước 2: Gửi dữ liệu tích hợp bấm ***Xác nhận dữ liệu***

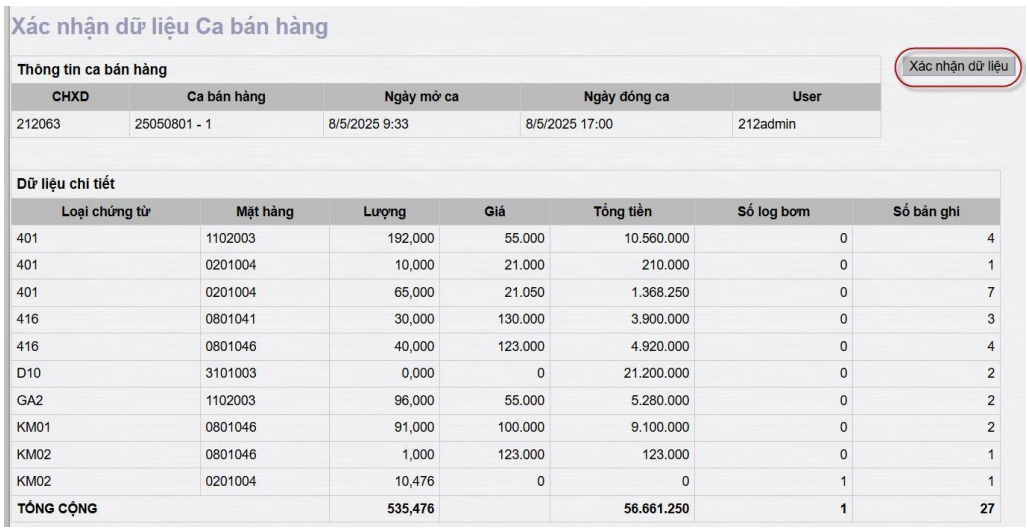


Thông tin ca bán hàng

| CHXD | Ca bán hàng | Ngày mở ca | Ngày đóng ca | User |
|---|---|---|---|---|
| 212063 | 25050801 - 1 | 8/5/2025 9:33 | 8/5/2025 17:00 | 212admin |

Dữ liệu chi tiết

| Loại chứng từ | Mặt hàng | Lượng | Giá | Tổng tiền | Số log bơm | Số bản ghi |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 401 | 1102003 | 192,000 | 55.000 | 10.560.000 | 0 | 4 |
| 401 | 0201004 | 10,000 | 21.000 | 210.000 | 0 | 1 |
| 401 | 0201004 | 65,000 | 21.050 | 1.368.250 | 0 | 7 |
| 416 | 0801041 | 30,000 | 130.000 | 3.900.000 | 0 | 3 |
| 416 | 0801046 | 40,000 | 123.000 | 4.920.000 | 0 | 4 |
| D10 | 3101003 | 0,000 | 0 | 21.200.000 | 0 | 2 |
| GA2 | 1102003 | 96,000 | 55.000 | 5.280.000 | 0 | 2 |
| KM01 | 0801046 | 91,000 | 100.000 | 9.100.000 | 0 | 2 |
| KM02 | 0801046 | 1,000 | 123.000 | 123.000 | 0 | 1 |
| KM02 | 0201004 | 10,476 | 0 | 0 | 1 | 1 |
| **TỔNG CỘNG** | | **535,476** | | **56.661.250** | **1** | **27** |

Bước 3: Thông báo NSD có chắc chắn xác nhận dữ liệu

Màn hình Thông báo gửi dữ liệu

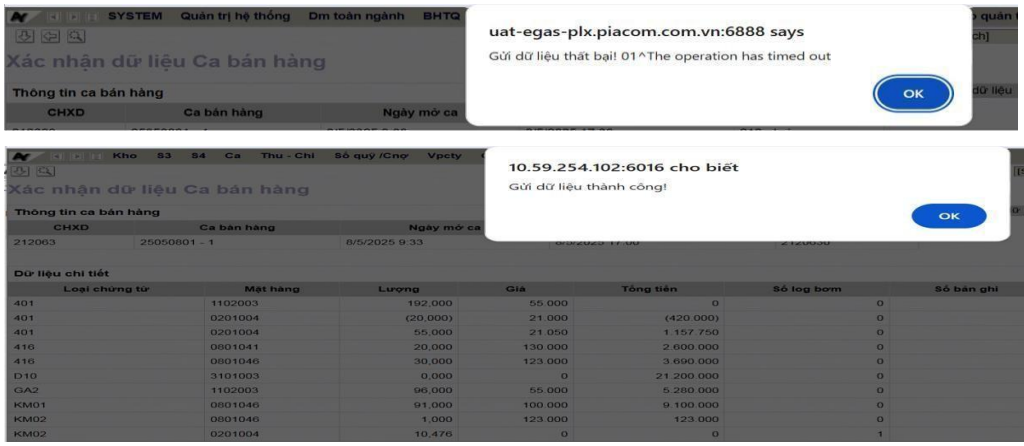


Màn hình Xác nhận gửi dữ liệu thành công

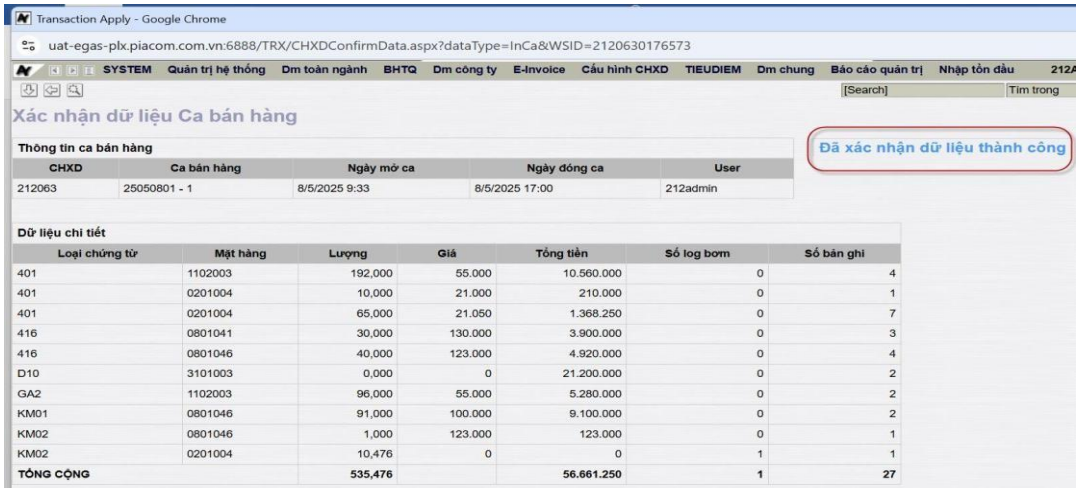


Thông tin ca bán hàng

| CHXD | Ca bán hàng | Ngày mở ca | Ngày đóng ca | User |
|---|---|---|---|---|
| 212063 | 25050801 - 1 | 8/5/2025 9:33 | 8/5/2025 17:00 | 212admin |

Dữ liệu chi tiết

| Loại chứng từ | Mặt hàng | Lượng | Giá | Tổng tiền | Số log bơm | Số bản ghi |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 401 | 1102003 | 192,000 | 55.000 | 10.560.000 | 0 | 4 |
| 401 | 0201004 | 10,000 | 21.000 | 210.000 | 0 | 1 |
| 401 | 0201004 | 65,000 | 21.050 | 1.368.250 | 0 | 7 |
| 416 | 0801041 | 30,000 | 130.000 | 3.900.000 | 0 | 3 |
| 416 | 0801046 | 40,000 | 123.000 | 4.920.000 | 0 | 4 |
| D10 | 3101003 | 0,000 | 0 | 21.200.000 | 0 | 2 |
| GA2 | 1102003 | 96,000 | 55.000 | 5.280.000 | 0 | 2 |
| KM01 | 0801046 | 91,000 | 100.000 | 9.100.000 | 0 | 2 |
| KM02 | 0801046 | 1,000 | 123.000 | 123.000 | 0 | 1 |
| KM02 | 0201004 | 10,476 | 0 | 0 | 1 | 1 |
| **TỔNG CỘNG** | | **535,476** | | **56.661.250** | **1** | **27** |

NSD chỉnh sửa dữ liệu thì cần thực hiện xác nhận lại. Hệ thống lưu lại dữ liệu vào bảng và tự động tăng Version tương ứng

View dữ liệu ca bán hàng

| Mã | Tên | Số nhận | Đã ghi nhận | | | | Số cuối | Số còn lại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Th.toán ngay (*) | Công nợ | Xuất hộ (**) | Xuất khác | | |
| 0201004 | Xăng E5 RON 92-II | 33.487,127 | 75,000 | | 10,476 | | 33.552,370 | (20,233) |
| 630003 | Vòi 3 - Xăng E5 Ron 92-II | 19.246,600 | | | | | 19.285,170 | 38,570 |
| 630004 | Vòi 4 - Xăng E5 Ron 92-II | 14.240,527 | | | | | 14.267,200 | 26,673 |
| 0201032 | Xăng RON95-III | 45.048,608 | | | | | 45.143,779 | 95,171 |
| 630001 | Vòi 1 - Xăng RON 95-III | 26.585,660 | | | | | 26.618,110 | 32,450 |
| 630002 | Vòi 2 - Xăng RON 95-III | 18.462,948 | | | | | 18.525,669 | 62,721 |

Màn hình xem dữ liệu tích hợp Tổng hợp của ca bán hàng

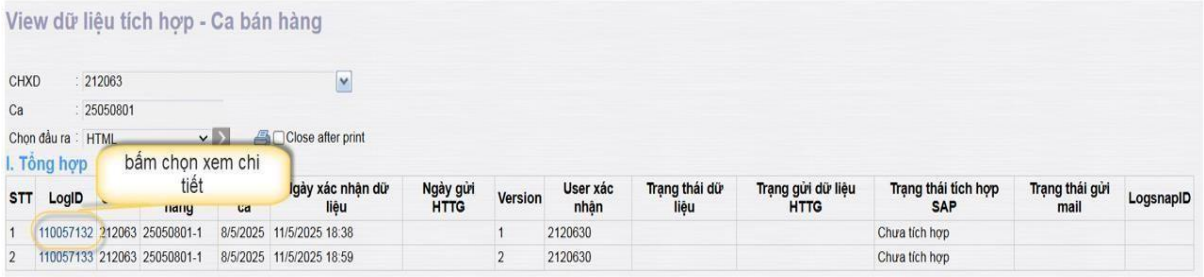


| STT | LogID | | | | | Ngày xác nhận dữ liệu | Ngày gửi HTTG | Version | User xác nhận | Trạng thái dữ liệu | Trạng gửi dữ liệu HTTG | Trạng thái tích hợp SAP | Trạng thái gửi mail | LogsnapID |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 110057132 | 212063 | 25050801-1 | 8/5/2025 | | 11/5/2025 18:38 | | 1 | 2120630 | | | Chưa tích hợp | | |
| 2 | 110057133 | 212063 | 25050801-1 | 8/5/2025 | | 11/5/2025 18:59 | | 2 | 2120630 | | | Chưa tích hợp | | |

Bấm chọn xem chi tiết dữ liệu tích hợp của ca bán hàng

| STT | LogID | CHXD | Ca bán hàng | Ngày ca | Ngày xác nhận dữ liệu | Ngày gửi HTTG | Version | User xác nhận | Trạng thái dữ liệu | Trạng gửi dữ liệu HTTG | Trạng thái tích hợp SAP | Trạng thái gửi mail | LogsnapID |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 110057132 | 212063 | 25050801-1 | 8/5/2025 | 11/5/2025 18:38 | | 1 | 2120630 | | | Chưa tích hợp | | |

II. Chi tiết kiểm kê

| STT | Loại chứng từ | Mặt hàng | Lượng | Giá | Tổng tiền | Số bản ghi |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 401 | 1102003-Gas Butan 30/70 bình 48 | 192 | 55.000 | | 8 |
| 2 | 401 | 0201004-Xăng E5 RON 92-II | -20 | 21.000 | (420.000) | 6 |
| 3 | 401 | 0201004-Xăng E5 RON 92-II | 55 | 21.050 | 1.157.750 | 8 |
| 4 | 416 | 0801041-PLC RACER SJ - Hộp 0,8 lít | 20 | 130.000 | 2.600.000 | 4 |
| 5 | 416 | 0801046-PLC RACER SCOOTER - Hộp 0,8 lít | 30 | 123.000 | 3.690.000 | 5 |
| 6 | D10 | 3101003-Dịch vụ khác | 0 | | 21.200.000 | 2 |
| 7 | GA2 | 1102003-Gas Butan 30/70 bình 48 | 96 | 55.000 | 5.280.000 | 2 |
| 8 | KM01 | 0801046-PLC RACER SCOOTER - Hộp 0,8 lít | 91 | 100.000 | 9.100.000 | 2 |
| 9 | KM02 | 0801046-PLC RACER SCOOTER - Hộp 0,8 lít | 1 | 123.000 | 123.000 | 1 |
| 10 | KM02 | 0201004-Xăng E5 RON 92-II | 10.476 | | | 1 |

### b) *Xác nhận dữ liêu CHXD*

Đường dẫn: CHXD\ Kho\ Gửi dữ liệu tích hợp CHXD. Giao diện xác nhận, luồng xác nhận và tích hợp SAP tương tự chức năng như ca bán hàng

Người thực hiện: CHXD

Quyền thực hiện: Nghiệp vụ, CHT

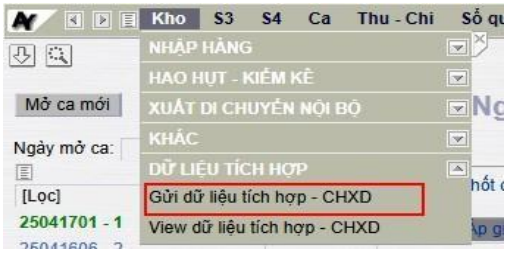


Bước 1: Chọn ngày xác nhận. Bấm xác nhận dữ liệu CHXD

Bước 2: Thông báo xác nhận dữ liệu CHXD Thông báo gửi dữ liệu thành công

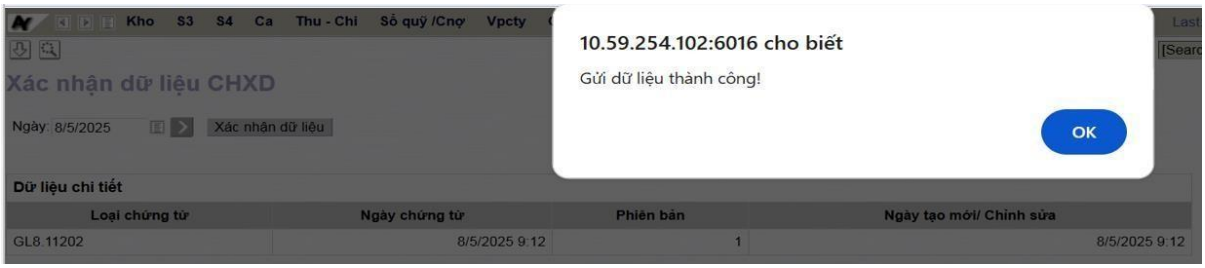


Màn hình xác nhận đã gửi dữ liệu thành công tại CHXD

NSD chỉnh sửa dữ liệu thì cần thực hiện xác nhận lại. Hệ thống lưu lại dữ liệu vào bảng và tự động tăng Version tương ứng

**Menu View dữ liệu tích hợp của CHXD**

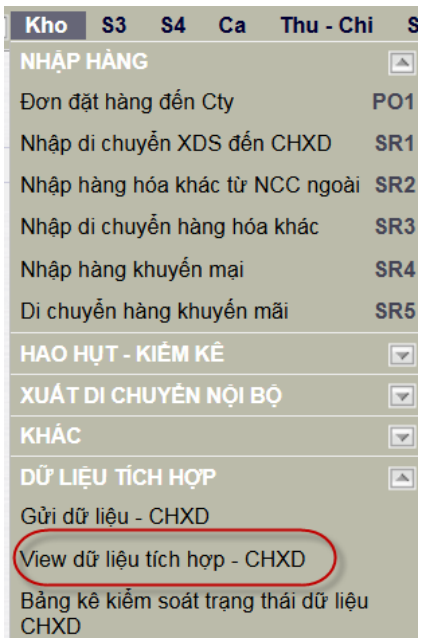


**Màn hình view dữ liệu tích hợp của CHXD**

## 7.2 Đồng bộ dữ liệu tự động sang HTTG để tích hợp SAP

### 7.2.1 Mục đích

Kiểm soát trạng thái dữ liệu CHXD đã đủ/ chưa đủ điều kiện kết xuất dữ liệu

Kết xuất dữ liệu ra HTTG để sẵn sàng tích hợp SAP

Ghi nhận trạng thái dữ liệu và tự động gửi mail báo cáo tình hình, bao gồm cả trạng thái SAP dựng cờ tại HTTG

### 7.2.2 Cách thức thực hiện

Hệ thống thực hiện bằng job tự động với tần suất 30 phút/ lần. Thực hiện chạy định kỳ sau 01h00 đến 6h30 ngày hôm sau để xử lý dữ liệu cho ngày hôm trước liền kề. Sau thời gian này, nếu CHXD nào còn chưa tích hợp sẽ thực hiện thủ công như hiện nay.

Hệ thống luôn lấy vesion cuối cùng để so sánh dữ liệu

Khi hệ thống tự động chạy xong sẽ thực hiện update lại các trạng thái cho các bản ghi được tích hợp

| STT | LogID | CHXD | Ngày | Ngày xác nhận dữ liệu | Ngày gửi HTTG | Version | User xác nhận | Trạng thái dữ liệu | Trạng gửi dữ liệu HTTG | Trạng thái tích hợp SAP | Trạng thái gửi mail | LogsnapID |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 110056587 | 212063 | 2/5/2025 | 3/5/2025 20:40 | 3/5/2025 20:41 | 1 | 2120630 | Đủ | Đã gửi | Chưa tích hợp | Không gửi | 1578090 |

## 7.3 Gửi mail cảnh báo trạng thái tích hợp tự động

### 7.3.1 Mục đích

Hệ thống gửi cảnh báo cho các CHXD chưa đủ/chưa có dữ liệu và các CHXD chưa được tích hợp

### 7.3.2 Đường dẫn

Menu: Quản trị hệ thống\Cảnh báo số liêu\Gán mã cảnh báo cho công ty

Người thực hiện: Văn phòng Công ty, CHXD

### 7.3.3 Hướng dẫn chi tiết

Hệ thống sẽ gửi mail cảnh báo cho email được khai báo tại danh mục " Gán mã cảnh báo cho công ty" và cho email của các CHXD mà hệ thống phát hiện ra

**Khai báo gửi mail cảnh báo trạng thái tích hợp tự động**

- Thực hiện khai báo mã cảnh báo "013 – Cảnh báo xác nhận dữ liệu", các thông tin cần khai báo:
- Mã cảnh báo: Chọn mã 013 – Cảnh báo xác nhận dữ liệu
- Giá trị cảnh báo: Không điền
- Ngày hiệu lực: Khai báo ngày hiệu lực áp dụng
- Ngày kết thúc: Khai báo ngày kế thúc áp dụng

- CHXD: Nếu áp dụng cho toàn CC thì không cần khai báo. Nếu cần áp dụng cho riêng CHXD nào thì chọn CHXD đó
- Danh sách mail: Nhập email cần nhận được cảnh báo

## 7.4 Kiểm soát thay đổi dữ liệu sau tích hợp

### 7.4.1 Mục đích

CHXD nhập yêu cầu thay thế/ điều chỉnh (Tcode YC1), được CTY/ TĐ phê duyệt trước khi tháy thế / điều chỉnh

### 7.4.2 Cách thức thực hiện

- Với dữ liệu đã tích hợp SAP, thực hiện:
  - Cảnh báo khi gửi mail và khi phê duyệt mức CC
  - Tại báo cáo có nội dung cảnh báo và link sang yêu cầu để NSD có thể truy xuất
- Khi tạo mới YC1: Khi NSD tạo mới YC1, nếu trong yêu cầu mà có chứa các chứng từ có ngày chứng từ là ngày mà hê thống đã tự động tích hợp dữ liệu sang SAP, thì khi lưu chứng từ YC1, hệ thống sẽ hiện thị cảnh báo "Dữ liệu ngày 29/04/2025, 30/04/2025 đã được tích hợp SAP. Nếu tiếp tục, cần kiểm tra và tích hợp SAP thủ công cho ngày 29/04/2025, 30/04/2025".
- Tại email gửi phê duyệt YC1 cho cấp CC: Nếu yêu cầu YC1 có chứa các chứng từ mà có ngày chứng từ đã tích hợp SAP tự động thì trong email sẽ có thêm nội dung "Dữ liệu ngày 29/04/2025, 30/04/2025 đã được tích hợp SAP cho CHXD 212001. Nếu phê duyệt, cần kiểm tra và tích hợp SAP thủ công". Trong đó sẽ đính kèm báo cáo "Bảng kê kiểm soát trạng thái dữ liệu CHXD"

EGAS-KiemSoatDL: Yêu cầu YC1.1402 - 212063 - 5/5/2025 9:06 cần được phê duyệt

SendMailEgas@petrolimex.com.vn
Mon 5/5, 9:10 AM
Khai, Hoang Minh (Piacom); Lien, Nguyen Thi Bich (Piacom)

Reply all

Kính gửi Anh/Chị,

Yêu cầu YC1.1402 ngày 5/5/2025 9:06 được gửi từ 212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT bởi 2120630 thuộc 212 - CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN cần được phê duyệt.

Link phê duyệt

Dữ liệu ngày 3/5/2025 đã được tích hợp SAP cho CHXD 212001. Nếu phê duyệt, cần kiểm tra và tích hợp SAP thủ công.

Link báo cáo
Đề nghị anh/chị kiểm tra.

Trân trọng!
Mail được gửi tự động từ hệ thống Egas.

## 7.5 Báo cáo kiểm soát dữ liệu tích hợp

### 7.5.1 Bảng kê kiểm soát trạng thái dữ liệu CHXD

Mục đích: Kiểm soát trạng thái tích hợp của các CHXD theo từng ngày

Đối tượng sử dung: Văn phòng công ty, CHXD

Đường dẫn: CHXD\ Kho\ Bảng kê kiểm soát trạng thái dữ liệu CHXD

Bảng kê kiểm soát trạng thái dữ liệu CHXD - Tổng hợp

[Chọn nhanh] Từ ngày: 16/05/2025 Đến ngày: 16/05/2025 23:59 CHXD : 212090,212063
Trạng thái gửi dữ liệu HTTG : Tất cả Trạng thái dữ liệu : Tất cả
Trạng thái tích hợp : Tất cả Loại hình chạy dữ liệu : Tất cả
Chọn đầu ra : HTML Close after print Loại hình tích hợp : Tất cả

| STT | CHXD | Thông tin đồng bộ | | Thông tin gửi dữ liệu tích hợp | | | | Thông tin tích hợp từ SAP | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thời gian đồng bộ cuối cùng | Trạng thái đồng bộ | Trạng thái dữ liệu | Trạng thái gửi dữ liệu HTTG | Ngày gửi HTTG | LogsnapID | Trạng thái tích hợp | Loại hình chạy dữ liệu | User tích hợp | Loại hình tích hợp |
| 1 | 16/5/2025 | | | | | | | | | | |
| 1 | 212063 | 19/5/2025 10:03 | Thành công | Chưa xác nhận | Chưa gửi | | | Chưa tích hợp | | | |
| 2 | 212090 | 19/5/2025 9:54 | Thành công | Chưa đủ | Đã gửi | 17/5/2025 5:47 | | Chưa tích hợp | | | |

### 7.5.2 Báo cáo kiểm soát tích hợp SAP

Mục đích: Kiểm soát tích hợp SAP

Đối tượng sử dung: Văn phòng công ty

Đường dẫn: Tích hợp\ CSDL trung gian\Báo cáo kiểm soát tích hợp SAP

Master Data Global Master Data Company CSDL trung gian

Báo cáo kiểm soát tích hợp SAP

[Chọn nhanh] Từ ngày: 14/05/2025 Đến ngày: 14/05/2025 23:59 CHXD : 212090,212063
Loại hình kết xuất dữ liệu HTTG : Tất cả
Trạng thái SAP tích hợp : Tất cả
Chọn đầu ra : HTML Close after print

| STT | CHXD | Loại hình kết xuất dữ liệu HTTG | Trạng thái SAP tích hợp | Thời gian SAP tích hợp | LogsnapID |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 14/5/2025 | | | | |
| 1 | 212090-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 90_KhaiHM | Tự động | | | 1578345 |
| 2 | 212063-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT | Chưa thực hiện | | | |

# 8 BÁO CÁO

## 8.1 Báo cáo trong ca bán hàng

### 8.1.1 Bảng kê NMKLHĐ theo lô

Đường dẫn: Màn hình Ca bán hàng\ Sổ giao ca\ Hóa đơn NMKLHD theo lô

Lô hóa đơn 493 bao gồm:

- Bảng kê lô hóa đơn
- In hóa đơn NMKLHD
- Đối soát

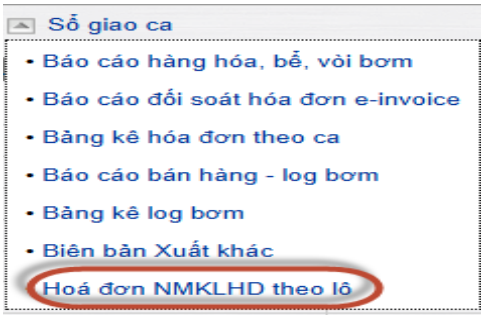


Nhấn link 493.xxx để gọi màn hình chứng từ

Nhấn CHI TIẾT LOG để gọi báo cáo chi tiết hóa đơn

CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT

Từ ca: 25051803 Đến ca: 25051803

Hàng hoá: Loại thanh toán:

Trạng thái gửi: Cả hai Log Chênh lệch Chọn đầu ra HTML Close after print

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN NMKLHD THEO LÔ

Từ ca: **25051803-3** (18/5/2025 13:0) đến ca: **25051803-3** (18/5/2025 22:0)

| | Hàng hoá | Loại thanh toán | Số Lượng | Tổng tiền |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 1.000,000 | 22.050.000 |
| | **TỔNG CỘNG** | | **1.000,000** | **22.050.000** |

| | Số C.từ / Hàng hoá | Ngày C.từ | Loại thanh toán | Giá trước thuế | VAT | Giá bán | Số Lượng | Tiền hàng | Tiền thuế | Tổng tiền | Số lượng log | Trạng thái nhận | Trạng thái xử lý | Gửi lại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **493.689 (CHI TIẾT LOG)** | | | | | | **1.000,000** | **20.045.455** | **2.004.545** | **22.050.000** | **1** | **Đã nhận** | **Lỗi (-1)** | |
| 1 | 0201032 - Xăng RON95-III | 18/5/2025 21:59 | 131206 - Phải thu của ca bán hàng | 18.045,450 | 10 | 22.050 | 1.000,000 | 20.045.455 | 2.004.545 | 22.050.000 | 1 | | | |
| | **TỔNG CỘNG** | | | | | | **1.000,000** | **20.045.455** | **2.004.545** | **22.050.000** | **1** | | | |

Nhấn link "Xem HD" để gọi màn hình in hóa đơn

Quay lại

CHI NHÁNH XĂNG DẦU HÀ NỘI-CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I-CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT

Log hóa đơn: 493.689

Chọn đầu ra HTML Close after print

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN NMKLHD

Log hóa đơn: **493.689**

| | TxnId | Thời gian | Hàng hoá | HTTT | Giá trước thuế | VAT | Giá bán | Số Lượng | Tiền thuế | Tiền hàng | Tổng tiền | Seri HĐ | Số HĐ | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc | Cập nhật thông tin |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 212063000000055310 | 18/5/2025 13:14 | 0201032 - Xăng RON95-III | TM | 18.045,450 | 1000 | 22.050 | 1.000,000 | 2.004.545 | 20.045.455 | 22.050.000 | K25TNA | 4269 | 18/5/2025 13:14 | 18/5/2025 13:14 | Xem HĐ |
| | **TỔNG CỘNG** | | | | | | | **1.000,000** | **2.004.545** | **20.045.455** | **22.050.000** | | | | | |

### 8.1.2 Bảng tổng hợp hóa đơn thay thế - điều chỉnh

Đường dẫn: Màn hình Ca bán hàng\ Sổ giao ca\ T.hợp HĐ thay thế - điều chỉnh

Thống kê danh sách các hóa đơn bị điều chỉnh - thay thế trong ca bán hàng

| Stt | Hóa đơn gốc | | | | Hóa đơn Thay thế | | Hóa đơn Điều chỉnh | | Chênh lệch | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hóa đơn | Ngày hóa đơn | Số lượng | Tổng tiền | Số lượng | Tổng tiền | Số lượng | Tổng tiền | Số lượng | Tổng tiền |
| 1 | 221014-PETROLIMEX-CỬA HÀNG 14 | | 24,558 | 500.000 | 24,558 | 500.000 | | | | |
| 1.1 | 25090401-2 | | 24,558 | 500.000 | 24,558 | 500.000 | | | | |
| 1 | K25THN-577284 | 4/9/2025 10:59 | 24,558 | 500.000 | 24,558 | 500.000 | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | 24,558 | 500.000 | 24,558 | 500.000 | | | | |

### 8.1.3 Bảng kê chi tiết hóa đơn thay thế - điều chỉnh

Đường dẫn: Màn hình Ca bán hàng\ Sổ giao ca\ B.kê HĐ thay thế - điều chỉnh

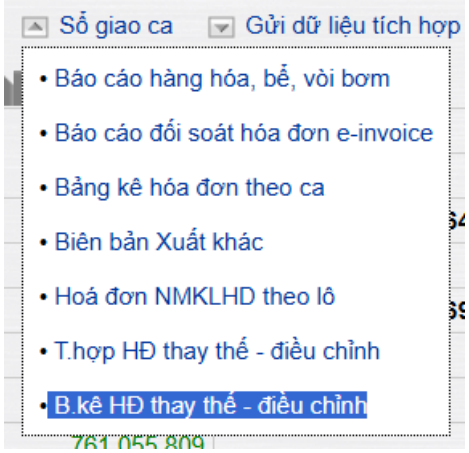


Thống kê danh sách hóa đơn điều chỉnh - thay thế và bị điều chỉnh thay thế trong ca bán hàng.

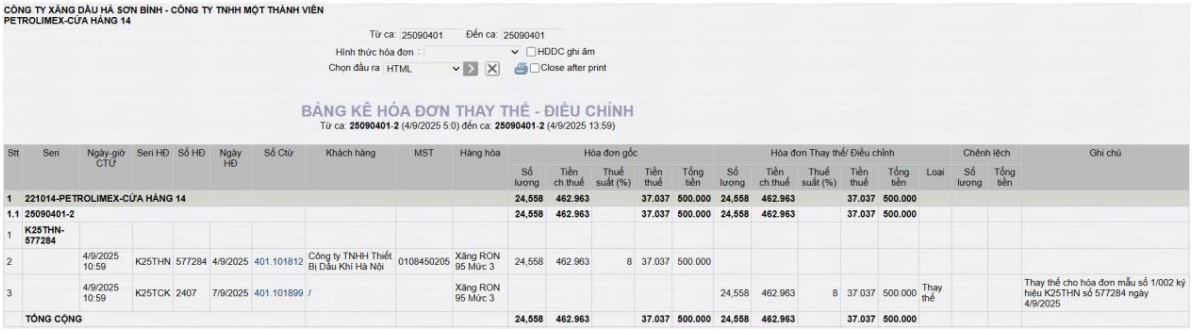


## 8.2 Báo cáo cửa hàng/ VPCTy

### 8.2.1 Bảng kê hóa đơn lưu hành

Đường dẫn: Kế toán VPCTY\ B/kê thuế GTGT\ Bảng kê hóa đơn lưu hành

Báo cáo bổ sung điều kiện lọc Hình thức hóa đơn để xem các hóa đơn thuộc một trong các hình thức: Hóa đơn gốc, Điều chỉnh, Bị điều chỉnh, Thay thế

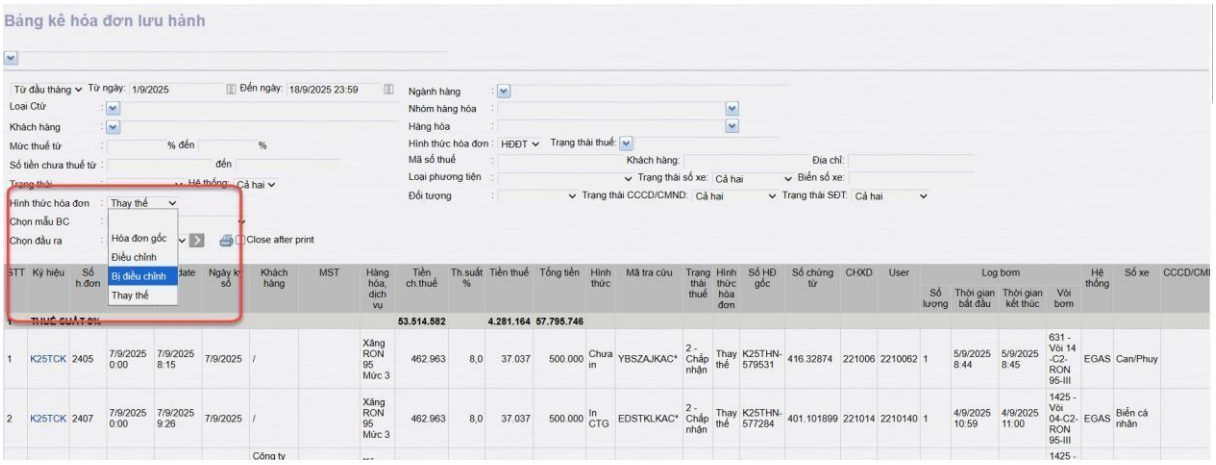


### 8.2.2 Bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHĐ

Đường dẫn: Kế toán VPCTY\ B/kê thuế GTGT\ Bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHĐ

Báo cáo thống kê danh sách chi tiết các hóa đơn NMKLHĐ đang lưu hành thuộc các trường hợp: Hóa đơn gốc, Điều chỉnh, Bị điều chỉnh, Thay thế và thoả mãn điều kiện lọc dữ liệu.

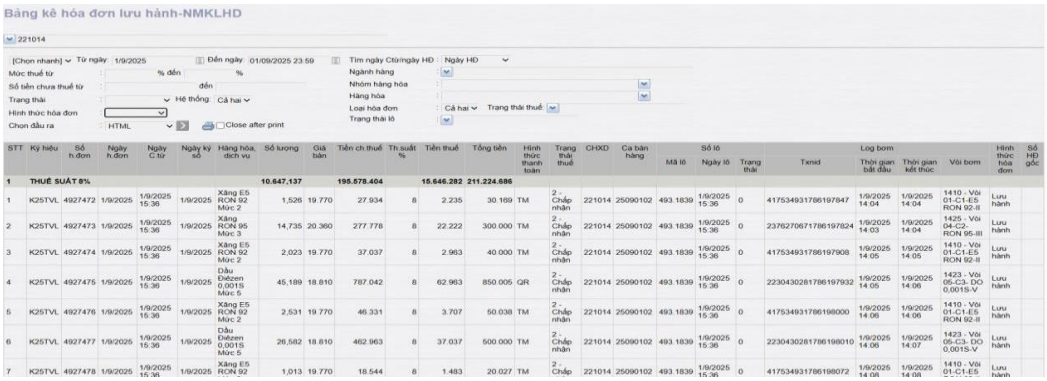

### 8.2.3 Bảng kê hóa đơn huỷ

Đường dẫn: Kế toán VPCTY\ B/kê thuế GTGT\ Bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHĐ

Báo cáo bổ sung các điều kiện tìm kiếm như sau:

- "Hình thức huỷ" gồm các giá trị:
  - Huỷ hóa đơn: Dành cho các hóa đơn được phát hành và huỷ trước ngày 31/05/2025
  - Huỷ thay thế: Dành cho các hóa đơn bị thay thế hoặc thay thế = 0 từ ngày 01/06/2025

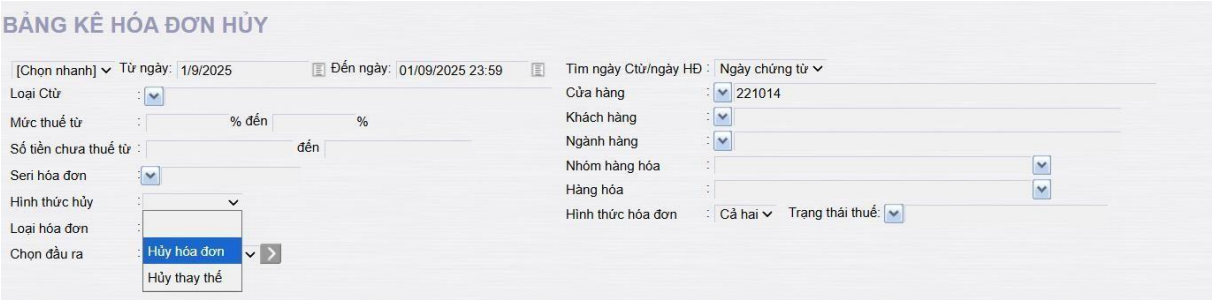


- Loại hóa đơn gồm các giá trị:
  - NMCLHĐ: Hóa đơn phát hành cho khách hàng theo các phương thức độc lập
  - NMKLHĐ: Hóa đơn phát hành theo lô khi khách hàng không lấy hóa đơn
  - Cả hai

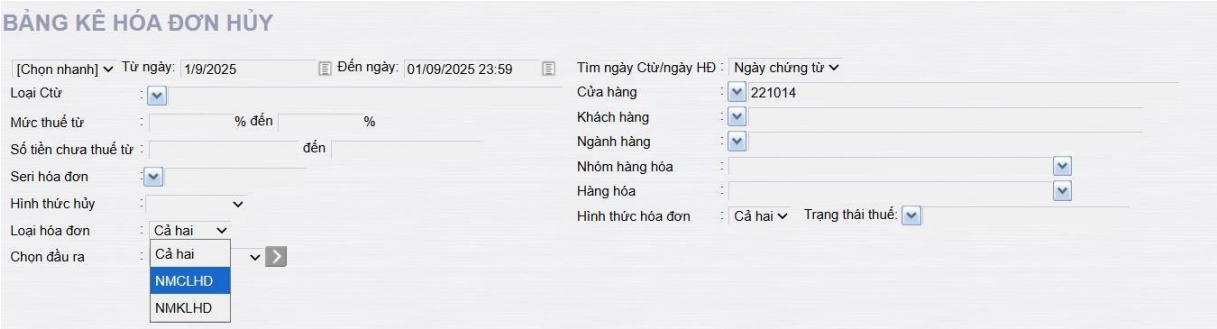


### 8.2.4 Báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn

**Mục đích: kiểm soát dữ liệu tại các CHXD:**

- Chênh lệch số lượng xuất bán qua cột bơm với số lượng xuất hóa đơn
- Chênh lệch hóa đơn vãng lai (chênh lệch 494 - 493 - SaleLog)
- Lỗi về HĐNMKLD: Số HĐVL-chưa có trạng thái E-Invoice, SL HĐVL - CQT chưa chấp nhận.
- Đồng bộ thiếu ca bán hàng so với hàng ngày
- Ca bán hàng chưa hoàn thiện số liệu (thiếu WS1, WS3)

Quyền chạy báo cáo: KTCBH hoặc CH2

Đường dẫn chạy báo cáo: Kế toán VPCTY\ Cảnh báo Email\ Kiểm soát số liệu cửa hàng \ Đối chiếu Cột bơm và Xuất bán (CHXD)

**Hình thức báo cáo:**

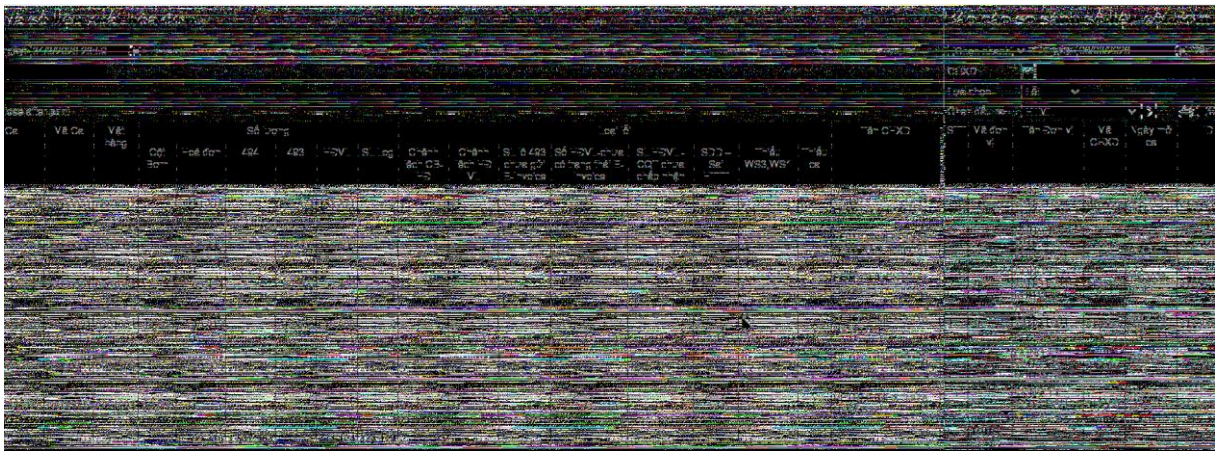

**Điều kiện lọc báo cáo:**

- Từ ngày…đến ngày: Thời gian chạy báo cáo (Format: dd/mm/yyyy hh:ss)
- CC: Chọn 1/ nhiều/ để trống trong danh mục Công ty nội bộ (MD.Company). Nếu để trống mặc định = Tất cả
- CHXD: Chọn 1/ nhiều/ để trống trong danh mục CHXD. Nếu để trống mặc định = Tất cả
- Lựa chọn: Lỗi, Không lỗi, Tất cả
  - Lỗi: Nếu 1 trong các cột loại lỗi bị tích chọn thì thể hiện trên báo cáo
  - Không lỗi: Nếu đồng thời tất cả các cột loại lỗi đều không tích chọn
  - Tất cả: hiển thị tất cả dữ liệu

Sắp xếp, Group báo cáo

- Sắp xếp theo: Mã CC, CHXD, Ngày hạch toán, Mã ca, Mặt hàng
- Group: mã CC

Các trường thông tin:

- Ngày mở ca (= Cột ngày mở ca tại báo cáo Bc_SoSanh_CB_HDCT_CC- lưu ý: Thể hiện giờ mở ca)
- Mã đơn vị: Mã CC
- CHXD: Mã CH
- ID ca: ID ca bán hàng
- Ca: Mã ca bán hàng
- Cột bơm: Tổng lượng xuất bán qua cột bơm

- Hóa đơn (Chứng từ): Tổng lượng xuất hóa đơn (chỉ áp dụng mặt hàng XDS)
- 494: Tổng lượng xuất tại Tcode 494
- 493: Tổng lượng xuất tại Tcode 493
- HĐVL: Tổng lượng hóa đơn vãng lai (NMKLHD) đã phát hành
- SL Log: Tổng số Log bơm đã phát hành hóa đơn NMKLHD
- Chênh lệch HĐ-CB: Chênh lệch giữa cột bơm và hóa đơn.
  - Thực hiện tính chênh lệch giữa cột bơm và hóa đơn theo từng mặt hàng XDS trong ca
  - Nếu thỏa mãn điều kiện, -0.02 <= C.Lệch HĐ CB <=0.02 (riêng Trạm dịch vụ xe tải mức này sẽ là 0.05: -0.05 <= C.Lệch HĐ CB <=0.05): Không tích chọn
  - Ngược lại, Tích chọn "x"
  - Link đến màn hình ca bán hàng (ID ca = ID ca tại dòng chi tiết tương ứng)
- Chênh lệch HD VL: Chênh lệch hóa đơn vãng lai
  - Nếu thỏa mãn đồng thời 493 = 494 = HDVL: Không tích chọn
  - Ngược lại, Tích chọn "x"
  - Link đến báo cáo đối chiếu hóa đơn vãng lai, Truyền tham số:
    - ID ca, CHXD, mặt hàng tại dòng chi tiết tương ứng
    - Loại = chênh lệch
- SL lô 493 chưa gửi E-Invoice: SL lô 493 chưa gửi E-Invoice. Link đến bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHD theo tham số
  - Từ ngày…đến ngày ..: Ngày hạch toán tại dòng chi tiết tương ứng
  - CHXD: CHXD tại dòng chi tiết tương ứng
  - Trạng thái lô = NULL hoặc 0- Chưa gửi
- Số HĐVL-chưa có trạng thái E-Invoice: Tổng số lượng HĐVL chưa có trạng thái từ EINVOICE. Link đến bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHD theo các tham số:
  - Từ ngày…đến ngày ..: Ngày hạch toán tại dòng chi tiết tương ứng
  - CHXD: CHXD tại dòng chi tiết tương ứng
  - Trạng thái thuế = NULL hoặc 0- Chưa gửi
- SL HĐVL - CQT chưa chấp nhận: Tổng số lượng HĐVL chưa được CQT chấp nhận. Link đến bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHD truyền các tham số

- Từ ngày…đến ngày ..: Ngày mở ca…ngày đóng ca của Ca bán hàng tại dòng chi tiết tương ứng
- CHXD: CHXD tại dòng chi tiết tương ứng
- Trạng thái thuế <>2 -Đã chấp nhận

- SDD – Sai HTTT: Số lượng các log bơm có HTTT sử dụng điểm (SDD) xuất nhầm vào hóa đơn lô 493 NMKLHĐ. Link đến bảng kê lịch sử giao dịch điểm, truyền tham số:
  - Từ ngày…đến ngày: Ngày mở ca…ngày đóng ca của Ca bán hàng tại dòng chi tiết tương ứng
  - CHXD, ca bán hàng: tại dòng chi tiết tương ứng
  - Tích chọn điệu kiện  lọc "Giao dịch lỗi"
- Thiếu WS3, WS1:
  - Nếu ca tồn tại đồng thời cả WS1, WS3: Không tích chọn
  - Ngược lại, Tích chọn “x”
  - Lưu ý: chỉ kiểm tra WS3 với các CHXD có bán XDS.
  - Link đến màn hình ca bán hàng, truyền tham số :
    - ID ca = ID ca tại dòng chi tiết tương ứng
- Thiếu ca:
  - Tính chênh lệch giữa thời gian bán hàng theo quy định so với thời gian bán hàng thực tế tại Cửa hàng theo từng ngày

    CL_Time = Time_QD - Time_TT

    - Thiếu ca so với hàng ngày

    + Tính chênh lệch giữa thời gian bán hàng theo quy định so với thời gian bán hàng thực tế tại Cửa hàng theo từng ngày

    CL_Time = Time_QD - Time_TT

  Trong đó:

  - Time_QD = Giờ đóng cửa - giờ mở cửa (Giờ đóng cửa, mở cửa được khai báo tại danh mục CHXD)
  - Time_TT = Sum(Giờ đóng ca - Giờ mở ca) của các ca bán hàng trong ngày đó

- Nếu CL_Time <= 3 giờ (180 phút): Không tích chọn tại tất cả các Ca trong ngày
- Ngược lại, Tích chọn "x" tại tất cả các ca trong ngày
- Link đến màn hình ca bán hàng, truyền tham số :
    - ID ca = ID ca tại dòng chi tiết tương ứng

- Tên đơn vị: Tên của đơn vị trong danh mục công ty nội bộ
- Tên CHXD: tên CHXD tại danh mục CHXD

### 8.2.5 Báo cáo tình hình xử lý sự cố hóa đơn

Mục đích: Theo dõi trạng thái sự cố hóa đơn tại từng CC

Đường dẫn: Hệ thống/ E-Invoice/ Báo cáo xử lý sự cố hóa đơn

Hình thức báo cáo: Bổ sung thêm lỗi thay thế hóa đơn

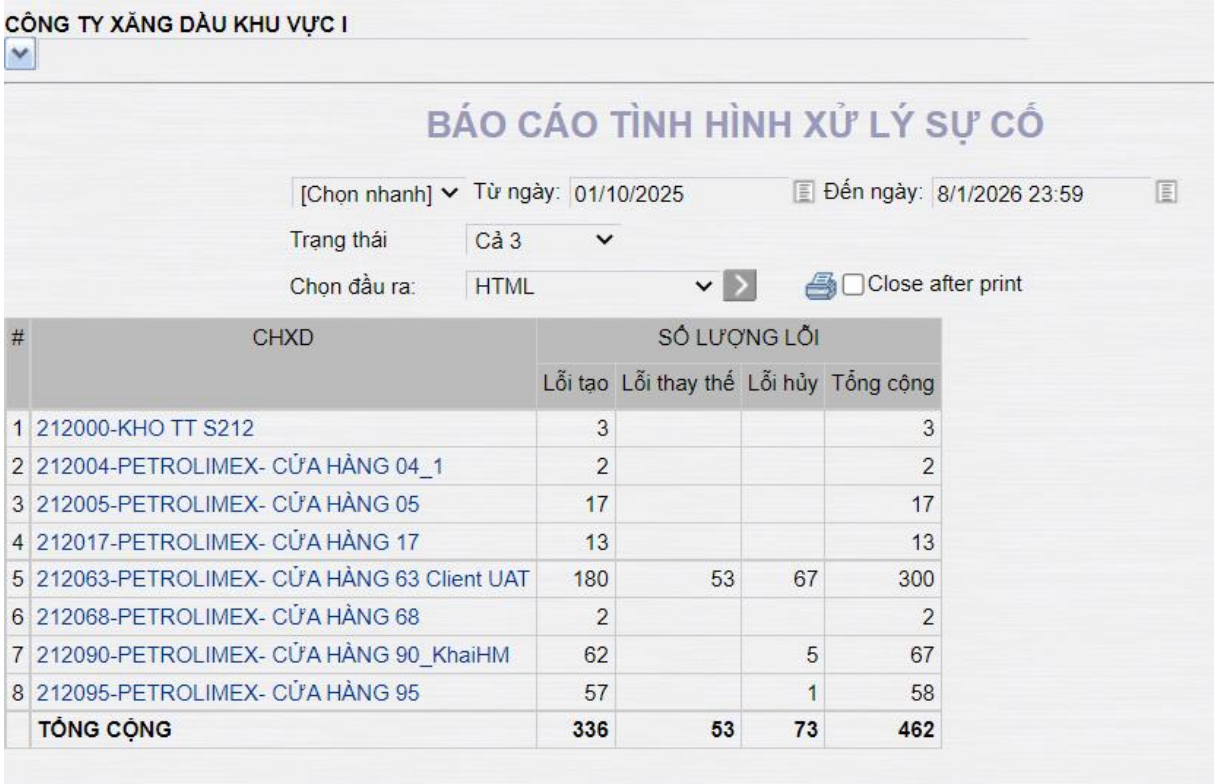


| # | CHXD | SỐ LƯỢNG LỖI | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Lỗi tạo | Lỗi thay thế | Lỗi hủy | Tổng cộng |
| 1 | 212000-KHO TT S212 | 3 | | | 3 |
| 2 | 212004-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 04_1 | 2 | | | 2 |
| 3 | 212005-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 05 | 17 | | | 17 |
| 4 | 212017-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 17 | 13 | | | 13 |
| 5 | 212063-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT | 180 | 53 | 67 | 300 |
| 6 | 212068-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 68 | 2 | | | 2 |
| 7 | 212090-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 90_KhaiHM | 62 | | 5 | 67 |
| 8 | 212095-PETROLIMEX- CỬA HÀNG 95 | 57 | | 1 | 58 |
| | **TỔNG CỘNG** | **336** | **53** | **73** | **462** |

Điều kiện lọc:

- Từ ngày…đến ngày: Thời gian chạy báo cáo (Format: dd/mm/yyyy hh:ss)
- CHXD: Chọn 1/ nhiều/ để trống trong danh mục CHXD. Nếu để trống mặc định = Tất cả
- Trạng thái: Chọn theo danh sách

Các trường thông tin:

- CHXD: mã, tên CHXD

- Lỗi tạo: Số lượng hóa đơn lỗi tạo tại cửa hàng
- Lỗi thay thế: Số lượng lỗi thay thế tại cửa hàng
- Lỗi hủy: Số lượng lỗi hủy tại cửa hàng
- Tổng cộng: Số lượng các lỗi cần xử lý tại từng cửa hàng

### 8.2.6 Báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn - theo ca

**Mục đích: kiểm soát dữ liệu tại các ca của CHXD:**

- Chênh lệch số lượng xuất bán qua cột bơm với số lượng xuất hóa đơn
- Chênh lệch hóa đơn vãng lai (chênh lệch 494 - 493 - SaleLog)
- Lỗi về HĐNMKLD: Số HĐVL-chưa có trạng thái E-Invoice, SL HĐVL - CQT chưa chấp nhận.
- Đồng bộ thiếu ca bán hàng so với hàng ngày
- Ca bán hàng chưa hoàn thiện số liệu (thiếu WS1, WS3)

Quyền chạy báo cáo: user văn phòng được phân quyền KTCBH

Đường dẫn chạy báo cáo: Kế toán VPCTY\ Cảnh báo Email\ Kiểm soát số liệu cửa hàng \ Đối chiếu cột bơm và xuất bán (CTY)

**Hình thức báo cáo:**

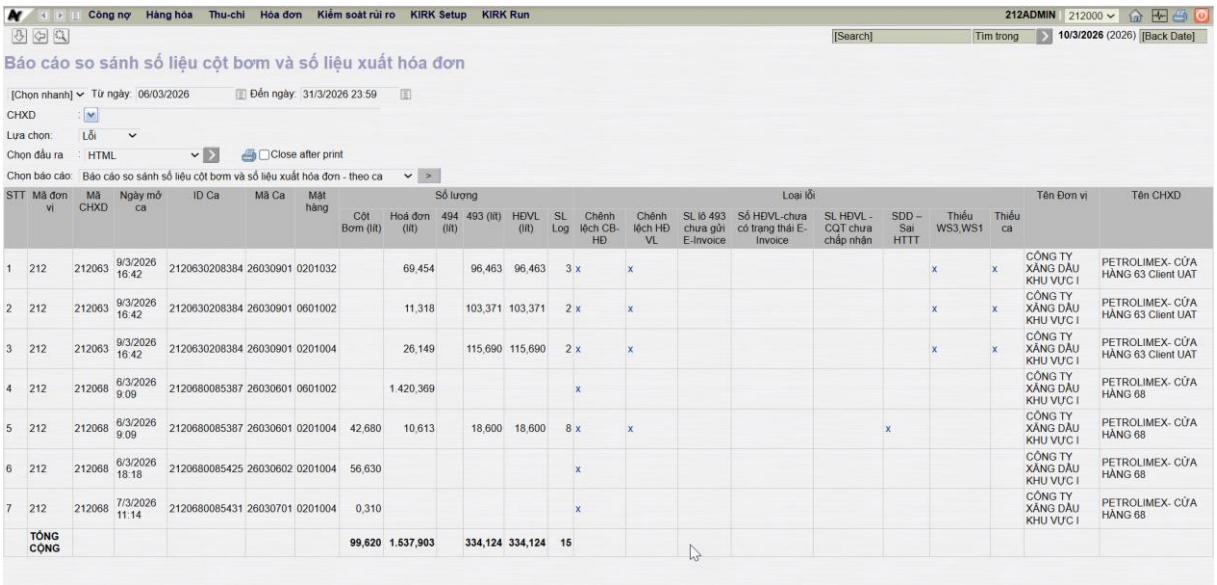


| STT | Mã đơn vị | Mã CHXD | Ngày mở ca | ID Ca | Mã Ca | Mặt hàng | Số lượng | | | | | | Loại lỗi | | | | | | | | Tên Đơn vị | Tên CHXD |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Cột Bơm (lít) | Hoá đơn (lít) | 494 (lít) | 493 (lít) | HĐVL (lít) | SL Log | Chênh lệch CB-HĐ | Chênh lệch HĐ VL | SL lô 493 chưa gửi E-Invoice | Số HĐVL-chưa có trạng thái E-Invoice | SL HĐVL - CQT chưa chấp nhận | SDD – Sai HTTT | Thiếu WS3,WS1 | Thiếu ca | | |
| 1 | 212 | 212063 | 9/3/2026 16:42 | 2120630208384 | 26030901 | 0201032 | | 69,454 | | 96,463 | 96,463 | 3 | x | x | | | | | x | x | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT |
| 2 | 212 | 212063 | 9/3/2026 16:42 | 2120630208384 | 26030901 | 0601002 | | 11,318 | | 103,371 | 103,371 | 2 | x | x | | | | | x | x | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT |
| 3 | 212 | 212063 | 9/3/2026 16:42 | 2120630208384 | 26030901 | 0201004 | | 26,149 | | 115,690 | 115,690 | 2 | x | x | | | | | x | x | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63 Client UAT |
| 4 | 212 | 212068 | 6/3/2026 9:09 | 2120680085387 | 26030601 | 0601002 | | 1,420,369 | | | | | x | | | | | | | | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | PETROLIMEX- CỬA HÀNG 68 |
| 5 | 212 | 212068 | 6/3/2026 9:09 | 2120680085387 | 26030601 | 0201004 | 42,680 | 10,613 | | 18,600 | 18,600 | 8 | x | x | | | | x | | | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | PETROLIMEX- CỬA HÀNG 68 |
| 6 | 212 | 212068 | 6/3/2026 18:18 | 2120680085425 | 26030602 | 0201004 | 56,630 | | | | | | x | | | | | | | | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | PETROLIMEX- CỬA HÀNG 68 |
| 7 | 212 | 212068 | 7/3/2026 11:14 | 2120680085431 | 26030701 | 0201004 | 0,310 | | | | | | x | | | | | | | | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | PETROLIMEX- CỬA HÀNG 68 |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | 99,620 | 1.537,903 | | 334,124 | 334,124 | 15 | | | | | | | | | | |

**Điều kiện lọc báo cáo:**

- Từ ngày…đến ngày: Thời gian chạy báo cáo (Format: dd/mm/yyyy hh:ss)
- CC: Chọn 1/ nhiều/ để trống trong danh mục Công ty nội bộ (MD.Company). Nếu để trống mặc định = Tất cả

- CHXD: Chọn 1/ nhiều/ để trống trong danh mục CHXD. Nếu để trống mặc định = Tất cả
- Lựa chọn: Lỗi, Không lỗi, Tất cả
  - Lỗi: Nếu 1 trong các cột loại lỗi bị tích chọn thì thể hiện trên báo cáo
  - Không lỗi: Nếu đồng thời tất cả các cột loại lỗi đều không tích chọn
  - Tất cả: hiển thị tất cả dữ liệu
- Chọn báo cáo: Báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn – theo ca

Sắp xếp, Group báo cáo

- Sắp xếp theo: Mã CC, CHXD, Ngày hạch toán, Mã ca, Mặt hàng
- Group: mã CC, CHXD, Ngày hạch toán, Mã ca, Mặt hàng

Các trường thông tin:

- Mã đơn vị: Mã CC
- Mã CHXD: Mã CH
- Ngày mở ca (= Cột ngày mở ca tại báo cáo Bc_SoSanh_CB_HDCT_CC- lưu ý: Thể hiện giờ mở ca)
- ID ca: ID ca bán hàng
- Ca: Mã ca bán hàng
- Cột bơm: Tổng lượng xuất bán qua cột bơm
- Hóa đơn (Chứng từ): Tổng lượng xuất hóa đơn (chỉ áp dụng mặt hàng XDS)
- 494: Tổng lượng xuất tại Tcode 494
- 493: Tổng lượng xuất tại Tcode 493
- HĐVL: Tổng lượng hóa đơn vãng lai (NMKLHD) đã phát hành
- SL Log: Tổng số Log bơm đã phát hành hóa đơn NMKLHD
- Chênh lệch HĐ-CB: Chênh lệch giữa cột bơm và hóa đơn.
  - Thực hiện tính chênh lệch giữa cột bơm và hóa đơn theo từng mặt hàng XDS trong ca
  - Nếu thỏa mãn điều kiện, -0.02 <= C.Lệch HĐ CB <=0.02 (riêng Trạm dịch vụ xe tải mức này sẽ là 0.05: -0.05 <= C.Lệch HĐ CB <=0.05): Không tích chọn
  - Ngược lại, Tích chọn “x”

- 'Link đến màn hình ca bán hàng ( iUHome.aspx?&WShift=ID ca), Truyền tham số :
    - ID ca = ID ca tại dòng chi tiết tương ứng (để xem được ID của CH, VPCTY cần đứng tại CHXD được chọn)

- Chênh lệch HD VL: Chênh lệch hóa đơn vãng lai
  - Nếu thỏa mãn đồng thời 493 = 494 = HDVL: Không tích chọn
  - Ngược lại, Tích chọn "x"
  - Link đến báo cáo đối chiếu hóa đơn vãng lai, truyền tham số:
    - ID ca, CHXD, Mặt hàng : ID ca, CHXD, mặt hàng tại dòng chi tiết tương ứng
    - Loại = chênh lệch
- SL lô 493 chưa gửi E-Invoice: SL lô 493 chưa gửi E-Invoice. Link đến bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHD theo tham số
  - Từ ngày…đến ngày ..: Ngày hạch toán tại dòng chi tiết tương ứng
  - CHXD: CHXD tại dòng chi tiết tương ứng
  - Trạng thái lô = NULL hoặc 0- Chưa gửi
- Số HĐVL-chưa có trạng thái E-Invoice: Tổng số lượng HĐVL chưa có trạng thái từ EINVOICE. Link đến bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHD theo các tham số:
  - Từ ngày…đến ngày ..: Ngày hạch toán tại dòng chi tiết tương ứng
  - CHXD: CHXD tại dòng chi tiết tương ứng
  - Trạng thái thuế = NULL hoặc 0- Chưa gửi
- SL HĐVL - CQT chưa chấp nhận: Tổng số lượng HĐVL chưa được CQT chấp nhận. Link đến bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHD truyền các tham số
  - Từ ngày…đến ngày ..: Ngày mở ca…ngày đóng ca của Ca bán hàng tại dòng chi tiết tương ứng
  - CHXD: CHXD tại dòng chi tiết tương ứng
  - Trạng thái thuế <>2 -Đã chấp nhận
- SDD – Sai HTTT: Số lượng các log bơm có HTTT sử dụng điểm (SDD) xuất nhầm vào hóa đơn lô 493 NMKLHĐ. Link đến bảng kê lịch sử giao dịch điểm, truyền tham số:

- Từ ngày…đến ngày: Ngày mở ca…ngày đóng ca của Ca bán hàng tại dòng chi tiết tương ứng
- CHXD, ca bán hàng: tại dòng chi tiết tương ứng
- Tích chọn điệu kiện  lọc "Giao dịch lỗi"

- Thiếu WS3, WS1:
  - Nếu ca tồn tại đồng thời cả WS1, WS3: Không tích chọn
  - Ngược lại, Tích chọn “x”
  - Lưu ý: chỉ kiểm tra WS3 với các CHXD có bán XDS.
  - Link đến màn hình ca bán hàng, truyền tham số :
    - ID ca = ID ca tại dòng chi tiết tương ứng (để xem được ID của CH, VPCTY cần đứng tại CHXD được chọn)
- Thiếu ca:
  - Tính chênh lệch giữa thời gian bán hàng theo quy định so với thời gian bán hàng thực tế tại Cửa hàng theo từng ngày

    CL_Time = Time_QD - Time_TT

    - Thiếu ca so với hàng ngày

    + Tính chênh lệch giữa thời gian bán hàng theo quy định so với thời gian bán hàng thực tế tại Cửa hàng theo từng ngày

    CL_Time = Time_QD - Time_TT

  Trong đó:
    - Time_QD = Giờ đóng cửa - giờ mở cửa (Giờ đóng cửa, mở cửa được khai báo tại danh mục CHXD)
    - Time_TT = Sum(Giờ đóng ca - Giờ mở ca) của các ca bán hàng trong ngày đó
  - Nếu CL_Time <= 3 giờ (180 phút): Không tích chọn tại tất cả các Ca trong ngày
  - Ngược lại, Tích chọn “x” tại tất cả các ca trong ngày
  - Link đến màn hình ca bán hàng, truyền tham số :
    - ID ca = ID ca tại dòng chi tiết tương ứng (để xem được ID của CH, VPCTY cần đứng tại CHXD được chọn)
- Tên đơn vị: Tên của đơn vị trong danh mục công ty nội bộ

- Tên CHXD: tên CHXD  tại danh mục CHXD

### 8.2.7 Báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn - theo CHXD

**Mục đích: kiểm soát dữ liệu tại các CHXD:**

- Chênh lệch số lượng xuất bán qua cột bơm với số lượng xuất hóa đơn
- Chênh lệch hóa đơn vãng lai (chênh lệch 494 - 493 - SaleLog)
- Lỗi về HĐNMKLD: Số HĐVL-chưa có trạng thái E-Invoice, SL HĐVL - CQT chưa chấp nhận.
- Đồng bộ thiếu ca bán hàng so với hàng ngày
- Ca bán hàng chưa hoàn thiện số liệu (thiếu WS1, WS3)

Quyền chạy báo cáo: user văn phòng được phân quyền KTCBH

Đường dẫn chạy báo cáo: Kế toán VPCTY\ Cảnh báo Email\ Kiểm soát số liệu cửa hàng \ Đối chiếu cột bơm và xuất bán (CTY)

**Hình thức báo cáo:**

Báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn

[Chọn nhanh] Từ ngày: 06/03/2026 Đến ngày: 31/3/2026 23:59

CHXD :

Lựa chọn: Lỗi

Chọn đầu ra : HTML Close after print

Chọn báo cáo: Báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn - theo CHXD

| STT | Mã đơn vị | Tên Đơn vị | Ngày hạch toán | Mã CHXD | Mặt hàng | Số lượng | | | | | | | Loại lỗi | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Cột Bơm (lít) | Hoá đơn (lít) | Log bơm (lít) | 494 (lít) | 493 (lít) | HĐVL (lít) | SL Log HĐVL | Chênh lệch CB-HĐ | Chênh lệch CB-Log bơm | Chênh lệch Log bơm | Chênh lệch HĐ VL | SL lô 493 chưa gửi E-Invoice | Số HĐVL-chưa có trạng thái E-Invoice | SL HĐVL - CQT chưa chấp nhận | SDD – Sai HTTT | Thiếu WS3,WS1 | Thiếu ca |
| 1 | 212 | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | 6/3/2026 | 212068 | 0201004 | 99,310 | 10,613 | | | 18,600 | 18,600 | 8 | x | x | | x | | | | 1 | | |
| 2 | 212 | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | 6/3/2026 | 212068 | 0601002 | | 1.420,369 | | | | | | x | | | | | | | | | |
| 3 | 212 | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | 7/3/2026 | 212068 | 0201004 | 0,310 | | | | | | | x | x | | | | | | | | |
| 4 | 212 | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | 9/3/2026 | 212063 | 0201004 | | 26,149 | 268,334 | | 115,690 | 115,690 | 2 | x | x | x | x | | | | | x | x |
| 5 | 212 | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | 9/3/2026 | 212063 | 0201032 | | 69,454 | 257,557 | | 96,463 | 96,463 | 3 | x | x | x | x | | | | | x | x |
| 6 | 212 | CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC I | 9/3/2026 | 212063 | 0601002 | | 11,318 | 181,088 | | 103,371 | 103,371 | 2 | x | x | x | x | | | | | x | x |
| | TỔNG CỘNG | | | | | 99,620 | 1.537,903 | 706,979 | | 334,124 | 334,124 | 15 | | | | | | | | | | |

**Điều kiện lọc báo cáo:**

- Từ ngày…đến ngày: Thời gian chạy báo cáo (Format: dd/mm/yyyy hh:ss)
- CC: Chọn 1/ nhiều/ để trống trong danh mục Công ty nội bộ (MD.Company). Nếu để trống mặc định = Tất cả
- CHXD: Chọn 1/ nhiều/ để trống trong danh mục CHXD. Nếu để trống mặc định = Tất cả
- Lựa chọn: Chọn Lỗi/ Không lỗi/ tất cả (Mặc định = Lỗi)
  + Lỗi : Nếu 1 trong các cột loại lỗi bị tích chọn "x" hoặc SL <>0
  + Không lỗi: Nếu đồng thời tất cả các cột loại lỗi đều trống (không tích chọn "x" hoặc SL  = 0)
  + Tất cả: hiển thị tất cả dữ liệu

- Chọn báo cáo: Báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn – theo CHXD

Sắp xếp, Group báo cáo

- Sắp xếp theo: Mã CC, CHXD, Ngày hạch toán, Mã ca, Mặt hàng
- Group: mã CC, CHXD, Ngày hạch toán, Mã ca, Mặt hàng

Các trường thông tin:

- Mã đơn vị: Mã CC
- Tên đơn vị: Tên của đơn vị trong danh mục công ty nội bộ
- Ngày hạch toán: Cột ngày mở ca tại báo cáo Bc_SoSanh_CB_HDCT_CC- lưu ý: ko lấy giờ phú
- Mã CHXD: Mã CH. Link đến báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn - theo ca (chi tiết mục 8.2.6)
  - CHXD là CHXD được chọn (để xem được ID của CH, VPCTY cần đứng tại CHXD được chọn)
- Mặt hàng: Mã hàng hóa
- Cột bơm (lit): Tổng lượng xuất bán qua cột bơm
- Hóa đơn (lít): Tổng lượng xuất hóa đơn (chỉ áp dụng mặt hàng XDS)
- Log bơm(lít): Tổng lượng log bơm
- 494(lít): Tổng lượng xuất tại Tcode 494
- 493(lít): Tổng lượng xuất tại Tcode 493
- HĐVL(lít): Tổng lượng hóa đơn vãng lai (NMKLHD) đã phát hành
- SL Log HĐVL: Tổng số Log bơm đã phát hành hóa đơn NMKLHD
- Chênh lệch CB-HĐ: Chênh lệch giữa cột bơm và hóa đơn.
  - Thực hiện tính chênh lệch giữa cột bơm và hóa đơn theo từng mặt hàng XDS trong ca
  - Nếu thỏa mãn điều kiện, -0.02 <= C.Lệch HĐ CB <=0.02 (riêng Trạm dịch vụ xe tải mức này sẽ là 0.05: -0.05 <= C.Lệch HĐ CB <=0.05): Không tích chọn
  - Ngược lại, Tích chọn “x”
- Chênh lệch CB – log bơm:
  - Nếu có chênh lệch giữa cột bơm và log bơm |Cột bơm - Log bơm| > 0.02: Tích chọn "x"

- Ngược lại, không tích chọn (để trống)

- Chênh lệch log bơm: Chênh lệch lượng giữa PumpLog và PumpSaleLog
  - Nếu PumpLog - PumpSaleLog <>0: Tích chọn "x"
  - Ngược lại, không tích chọn (để trống)
  - Link đến báo cáo So sánh Log bơm (id = BC_Sosanh_Log),Truyền tham số:
    - Từ ngày …đến ngày: Ngày hạch toán tại dòng chi tiết
    - Mặt hàng, CHXD: Mặt hàng, CHXD tại dòng chi tiết
- Chênh lệch HD VL: Tổng hợp từ báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn- theo ca(8.2.6) theo CC, CHXD, ngày hạc toán, mặt hàng:
  - Nếu tất cả dữ liệu chi tiết để trống: Để trống
  - Ngược lại, tích chọn "x"
- SL lô 493 chưa gửi E-Invoice: = sum(SL lô 493 chưa gửi E-Invoice) báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn- theo ca(8.2.6) theo CC, CHXD, ngày hạch toán, mặt hàng.
  - Link đến bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHD (mục 8.2.2) theo tham số
    - Từ ngày…đến ngày ..: Ngày hạch toán tại dòng chi tiết
    - CHXD: CHXD tại dòng chi tiết tương ứng
    - Trạng thái Lô = NULL- chưa có trạng thái, 0- Chưa gửi
- Số HĐVL-chưa có trạng thái E-Invoice: sum(Số HĐVL - chưa có trạng thái E-Invoice) tại báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn- theo ca(8.2.6) theo CC, CHXD, ngày hạch toán, mặt hàng. Link đến bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHD theo các tham số:
  - Từ ngày…đến ngày ..: Ngày hạch toán tại dòng chi tiết tương ứng
  - CHXD: CHXD tại dòng chi tiết tương ứng
  - Trạng thái thuế = NULL- chưa có trạng thái, 0- Chưa gửi
- SL HĐVL - CQT chưa chấp nhận= sum(SL HĐVL- CQT chưa chấp nhận) tại so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn- theo ca(8.2.6) theo CC, CHXD, ngày hạc toán, mặt hàng.
  - Link đến bảng kê hóa đơn lưu hành NMKLHD truyền các tham số
    - Từ ngày…đến ngày ..: Ngày mở ca…ngày đóng ca của Ca bán hàng tại dòng chi tiết tương ứng
    - CHXD: CHXD tại dòng chi tiết tương ứng

    - Trạng thái thuế <>2 -Đã chấp nhận

- SDD – Sai HTTT: = sum(Số Log SDD – Sai HTTT) tại báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn- theo ca(8.2.6) theo CC, CHXD, ngày hạch toán, mặt hàng.
    - Link đến bảng kê lịch sử giao dịch điểm, truyền tham số:
    - Từ ngày…đến ngày: Ngày mở ca…ngày đóng ca của Ca bán hàng tại dòng chi tiết tương ứng
    - CHXD, ca bán hàng: tại dòng chi tiết tương ứng
    - Tích chọn điệu kiện  lọc "Giao dịch lỗi"
- Thiếu WS3, WS1: Tổng hợp từ tại báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn- theo ca(8.2.6) theo CC, CHXD, ngày hạc toán, mặt hàng:
    - Nếu tất cả dữ liệu chi tiết để trống: Để trống
    - Ngược lại, tích chọn "x"
- Thiếu ca: Tổng hợp từ báo cáo so sánh số liệu cột bơm và số liệu xuất hóa đơn- theo ca(8.2.6) theo CC, CHXD, ngày hạc toán, mặt hàng:
    - Nếu tất cả dữ liệu chi tiết để trống: Để trống
    - Ngược lại, tích chọn "x"

☆☆☆